



Nguyễn Hiến Lê
tuyển dịch

Ý CAO TÌNH ĐẸP



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Table of Contents

Tựa
Chuỗi ngọc lam.
Đừng ngại ngùng.
Vẫn còn hy vọng.
Chỉ phải tiến từng cây số một.
Chỉ trăm bước nữa là thành công.
Không bao giờ có một bức thư cho Bob.
Thư gửi cho các con tôi.
Hai hiệp sĩ bé con ở thị trấn Vérone.
Hôm nay có cái gì làm cho ta sung sướng không ?
Vị ân nhân bí ẩn của tôi.
Năng lực kỳ diệu của nhiệt tâm.
Một em nhỏ đáng làm gương cho người lớn.
Lòng nhớ ơn là một đức quý.
Nghệ thuật cho.
Nghệ thuật nhận.
Làm vui lòng người là một nghệ thuật tế nhị.
Phút tuyệt thú.
Tìm thêm bạn mới.
Cụt tay mà vẫn xây dựng được tương lai.
Một bài học của biển cả.
Một mình trên bờ biển suốt một ngày.
Làm cho kỳ được mới thôi.
Bậc vĩ nhân nhất thế giới.
Phải biết tự chế ngự bản thân.
Mary, vô đi con, vô đi !
Khúc đường bị thảm.
Chúa Ki Tô tất cũng hành động như ông ấy.
Phải thành thực với chính mình.
Tôi gặp Einstein.
Không ai mua được một vật kỷ niệm
Ai cũng có một thành trì để bảo vệ.
Gác đêm.
Phải tha thứ.
Người mà tôi không giết.

Ý CAO TÌNH ĐẸP

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

TỰA

Đây là những kinh nghiệm sống, những truyện sống (*histoires vécués*), tức là những truyện thực sự đã xảy ra mà tác giả - chỉ một số ít là nhà văn như A.J. Cronin, P. Buck, Stephan Zweig, F. Oursler - đã trung thực chép lại, và tôi chỉ có công lựa chọn, gom góp trong non hai chục năm để cống hiến độc giả. Tôi hơi tiếc toàn là những truyện xảy ra ở Âu, Mỹ; nhưng điểm đó cũng có cái lợi là chứng tỏ cho độc giả thấy rằng con người dù sống ở vĩ tuyến nào, dưới chế độ nào, mang màu da nào, huyết thống nào thì cũng vẫn có những tình cảm, tâm lý đó, những thắc mắc, nguyện vọng đó, tóm lại là cùng chung một nhân tính, cùng là anh em với nhau cả.

Nhân vật chính trong truyện - trừ một vài vị như Einstein..., đều là những người thường như chúng ta : một cô y tá chưa có kinh nghiệm, một khách du lịch, một cặp thanh niên mới cưới, một thiếu phụ cô độc, hai em bé mồ côi; có kẻ còn tàn tật, cực khổ hơn chúng ta nhiều : bị tê liệt từ hồi nhỏ, hoặc bị cụt cả hai tay từ khi lọt lòng mẹ...

Truyện chỉ là những truyện vặt, xảy ra hàng ngày mà ta thường đọc trong mục Tin tức trên các báo : một em gái đập con heo đất để mua một món quà Noel cho chị, một nhà kinh doanh bị phá sản muốn tự tử, một buổi nghe nhạc trong một dạ hội; bi đát nhất thì cũng chỉ như một tai nạn xe lửa, hoặc cảnh chết cô độc trong một nhà thương thí... Truyện rất tầm thường nhưng cảm kích chúng ta rất mạnh, vì là truyện thực và có những tình tiết mà không nhà văn nào tưởng tượng nổi. Ta thấy rõ rằng, cuộc sống ngoài đời còn ly kỳ hơn trong tiểu thuyết nhiều : tiểu thuyết gia nào có thể tạo ra một thanh niên đóng cái vai "con" để an ủi người "cha" không hề biết mặt hấp hối suốt một đêm, hoặc một thiếu nữ viết thư, đan áo, chải tóc bằng chân.

Điểm đáng quý nhất là truyện nào cũng chứa một ý hoặc tình cao đẹp, không phải là những ý kỳ đặc, những tình lãng mạn thường chỉ gây xáo trộn cho nhân loại, mà là những tình, những ý rất thâm trầm, rất nhân bản, tự nhiên mà cảm động làm cho ta vững tin ở khả năng vô biên của bản thân, ở tấm lòng nhân từ của người khác, ở tương lai của nhân loại. Khi thấy những bà lão chỉ còn xương với da mà cố xây dựng lại cho làng xóm; những em mười hai mười ba tuổi làm đủ các việc từ sáng sớm tới khuya để nuôi một người chị bị bệnh nan y; một em sáu tuổi hùng tâm chiến đấu với tật nguyền; một người trên mười năm khuyến khích, giúp đỡ một thanh niên ăn học mà không hề biết mặt mũi, tính tình của thanh niên đó; một quân nhân tha chết

cho kẻ địch chỉ vì hấn cũng rét cóng như mình...; khi thấy tấm gương của những người vô danh âm thầm tôi luyện cá tính hoặc hy sinh cho gia đình, nhân quần đó, thì ta phải nhận rằng "dù sao, trên đời này vẫn còn những người tốt bụng" (Roy Popkin) mà "thế giới vẫn còn có thể hy vọng được, hy vọng được ở tất cả" (A.J. Cronin).

Chúng tôi dịch cuốn này chỉ mong gợi được lòng tin đó ở các bạn trẻ và cả các bạn già nữa, tin để có thể giữ vững chí hướng của mình.

Saigon ngày Nguyên đán năm Tân Hợi (1971)

NGUYỄN HIẾN LÊ

CHUỖI NGỌC LAM

Ngày cô bé Joan Grace đẩy cửa bước vào tiệm của Pierre Richard thì Pierre là con người cô độc nhất thành phố. Có lẽ hồi ấy các bạn đã được nghe phong phanh câu chuyện đó. Nhưng báo chí không nêu tên mà cũng không kể chi tiết nên hôm nay tôi xin thuật lại tường tận.

Pierre đã được ông nội để lại cho một cửa tiệm bán đồ cổ. Trong cái tủ kính nhỏ xíu anh chất đủ các thứ đồ kỳ cục : vòng, mề đay đeo vào dây chuyền có từ thế kỷ trước, nhẫn vàng, hộp bạc, ngọc thạch hoặc ngà chạm trổ, tượng nhỏ bằng sứ.

Buổi chiều, mùa đông hôm đó, một em gái đứng áp trán vào tủ kính, trố mắt ngó kỹ từng vật cổ lỗ đó như muốn kiểm một vật gì. Bỗng em ngừng đầu lên, vẽ khoan khoái rồi đẩy cửa bước vào tiệm.

Tiệm tối tăm mà còn bừa bãi hơn mặt tiền nữa. Có những ngăn tủ muốn sập vì chất quá nặng : hộp đựng tư trang, súng lục cũ không còn dùng được nữa, đồng hồ, chuông đèn; còn trên sàn thì chất đồng nào là giá để củi trong lò sưởi, đòn mặng-đô-lin và những đồ cũ kỹ khó mà phân loại được.

Pierre ngồi ở sau quầy. Mặc dầu mới ngoài ba mươi mà tóc của anh đã hoa râm. Anh ngó cô bé.

Em hỏi :

- Thưa ông, con có thể coi chuỗi ngọc lam bày ở tủ kính không ạ?

Pierre kéo tấm màn, lấy chuỗi ngọc ra đưa cho cô bé xem. Những viên ngọc lam chiếu rực rỡ trong bàn tay xanh xao của anh. Em đỡ lấy, thốt lên lời khen :

- Đẹp quá! Xin ông gói lại thành một gói đẹp cho con.

Pierre lạnh lùng ngó em :

- Có ai sai em đi mua hả?

- Thưa không. Con mua cho chị Hai con. Chị đã nuôi nấng con từ khi má mất. Đây là lễ Noel đầu tiên chị em con được ở gần nhau. Con muốn tặng chị một món quà đẹp.

Pierre nghi ngờ hỏi :

- Em có bao nhiêu tiền?

Em mở khăn tay ra, đổ lên bàn một nắm bạc xu, bảo :

- Con đã đập con heo của con ra đấy.

Pierre Richard ngó em, vẻ trầm tư. Rồi anh ý tứ cầm chuỗi ngọc lên, sợ em trông thấy giá tiền. Nói thẳng cách nào cho em biết được? Cặp mắt xanh đầy tin tưởng của em gọi cho anh nhớ lại vết thương lòng thời trước.

Quay lưng lại em, anh bảo :

- Em đợi một chút nhé.

Rồi vừa lúi húi làm một việc gì đó, anh vừa quay lại hỏi:

- Em tên gì?

- Thưa, Joan Grace.

Khi quay lại thì trong tay anh đã cầm một gói nhỏ bao bằng giấy lụa đỏ và cột bằng một băng lụa màu xanh lá cây. Anh đưa cho em bé và bảo:

- Đây, coi chừng đừng đánh rơi nhé.

Em Joan mỉm cười rạng rỡ, chạy vụt về nhà. Anh nhìn theo, một nỗi buồn mênh mông dâng lên trong lòng. Em nhỏ đó và chuỗi ngọc lam khêu gợi lại một vết thương lòng không bao giờ lành hẳn của anh. Tóc em vàng như lúa chín, mắt em xanh như nước biển; mới mấy năm trước, anh đã yêu một thiếu nữ cũng có mớ tóc đó, cặp mắt đó. Chuỗi ngọc đã tính để tặng nàng.

Nhưng một chiếc cam nhông trượt bánh trên con đường trơn trượt một đêm mưa đã làm tiêu tan ước mơ.

Từ đó anh sống cô độc, ôn lại hoài nỗi khổ tâm. Anh ân cần lễ độ tiếp khách, nhưng ngoài công việc ra, anh thấy đời trống rỗng vô nghĩa một cách khủng khiếp. Lẽn lỳ, không giao thiệp với ai, anh rần quên mà không quên được, nỗi thất vọng như sương mù cứ mỗi ngày mỗi dày đặc.

Cặp mắt xanh của em Joan Grace gọi cho anh hình ảnh người yêu. Vào dịp lễ này, khách hàng tới đông, ai cũng bộc lộ niềm vui làm cho anh càng đau lòng. Khách qua đường bước vào tiệm,

chuyện trò, sờ mó các món đồ, trả giá lằng xằng. Đêm Noel đã khuya rồi, khi người khách cuối cùng bước ra, Pierre Richard thở phào nhẹ nhàng. Thôi thế là qua được năm nay. Nhưng anh đã lầm.

Cửa thình lình mở ra, một thiếu nữ xông vào. Anh thấy nhói ở tim: thiếu nữ có vẻ mặt quen quen nhưng anh không nhớ rõ đã gặp ở đâu, hồi nào. Tóc cô vàng hoe, mắt xanh thăm thẳm. Cô im lặng lấy trong túi xách ra một gói nhỏ bao vội vàng một thứ giấy lụa đỏ, lại có cả cái băng lụa màu xanh lá cây đã mở ra rồi. Và những viên ngọc lam chiếu rục rờ trên bàn:

- Chiếc chuỗi ngọc lam này có phải của tiệm ông không?

Pierre ngược mắt lên nhìn cô, nhẹ nhàng trả lời:

- Phải.

- Phải ngọc thật không?

- Nhất định rồi. Không phải thứ ngọc quý nhất nhưng ngọc thật đó.

- Ông có nhớ đã bán cho ai không?

- Bán cho một cô bé. Tên em là Joan. Em mua để tặng quà Noel cho chị Hai của em.

- Giá bao nhiêu?

Pierre nghiêm mặt đáp:

- Tôi không khi nào nói giá tiền khách hàng đã trả cho tôi.

- Em Joan chỉ có ít đồng tiền tiêu vặt làm sao em có đủ tiền mua chuỗi ngọc này?

Trong lúc đó, Pierre vuốt kỹ lại tờ giấy lụa, gói lại chuỗi ngọc. Anh bảo :

- Em đó đã trả đắt hơn hết cả các người khác. Có bao nhiêu tiền em đưa tôi hết.

Hai người làm thình. Cửa hàng bỗng tĩnh mịch lạ thường. Tiếng chuông từ một giáo đường ở gần đó bắt đầu đổ, văng vẳng đưa lại. Cái gói nhỏ đặt trên bàn, vẻ thắc mắc dò hỏi trong cặp mắt thiếu nữ và cảm giác hồi sinh kỳ dị dồn dập dâng lên trong lòng Pierre, tất cả những cái đó đều là do tình yêu của một em nhỏ.

- Nhưng sao ông lại làm như vậy?

Pierre vừa đưa gói nhỏ đó cho cô vừa trả lời :

- Hôm nay là ngày Noel. Tôi bất hạnh không có ai để tặng quà. Cô cho phép tôi đưa cô về nhà và chúc cô một lễ Noel vui vẻ với gia đình nhé!

Thế là trong tiếng chuông đổ hồi, giữa một đám đông vui vẻ, Pierre Richard và một thiếu nữ mà anh chưa biết tên, cùng nhau bước qua một ngày mới đem lại nguồn hy vọng tràn trề trong lòng mọi người.

Fulton Oursler

ĐỪNG NGẠI NGỪNG

Hồi đó tôi học ở một trường trung học Vienne. Anh bạn giỏi nhất lớp là một học sinh mười sáu tuổi, có thiên bẩm đặc biệt về mọi phương diện. Rất siêng năng, có cao vọng, có giáo dục, đẹp trai, thông minh xuất chúng; hết thấy chúng tôi đều công nhận tương lai của anh sẽ rực rỡ. Vì vậy chúng tôi mượn tên nhà ngoại giao đại tài Metternich để đặt biệt hiệu cho anh. Có lẽ người ta có thể trách anh một điều là anh ăn bận bảnh bao quá, lúc nào cũng tề chỉnh; quần luôn có nếp mới ủi, cà vạt thắt rất có nghệ thuật.

Những ngày mưa, người tài xế của thân phụ anh lái một chiếc xe lộng lẫy đưa đón anh. Nhưng mặc dầu sống xa hoa, anh vẫn rất giản dị nên chúng tôi đều quý mến anh.

Một buổi sáng, mọi người ngạc nhiên thấy chỗ ngồi của "Metternich" bỏ trống. Tới buổi trưa người ta mới cho hay lý do. Thân phụ anh là một nhà lý tài có tiếng, ông vừa mới bị bắt giam trước. Công việc làm ăn của ông là một vụ lường gạt đại quy mô. Chỉ hôm trước hôm sau, mấy ngàn người nghèo khó, cực khổ ký cốp trong bao lâu bỗng bị bóc lột hết ráo. Các báo lá cải đăng những tí to tướng làm rùm beng vụ đó lên, in hình thủ phạm và gia đình trong bài tường thuật.

Chúng tôi hiểu anh bạn đáng thương đó vì sao nghỉ học. Nhục nhã quá, anh không dám nhìn mặt chúng tôi. Chỗ ngồi của "Metternich" bị bỏ trống hai tuần lễ, trong hai tuần đó báo chí vẫn tiếp tục bêu xấu.

Tới tới tuần lễ thứ ba, một buổi sáng, cánh cửa mở ra và "Metternich" bước vô. Anh cúi đầu xuống, đi lại chỗ ngồi, mở sách ra và gục đầu đọc liền. Suốt hai giờ học anh không hề ngước mắt lên tới một lần.

Nghe tiếng kiếng, chúng tôi ào ào túa ra hành lang để nghỉ học mười phút. "Metternich" ra trước chúng tôi, quay lưng lại và đứng trước cửa sổ, cô độc, bề ngoài có vẻ chăm chú ngó kẻ qua người lại ở ngoài đường. Chúng tôi biết anh làm bộ "dữ dằn", "nan du" như vậy chỉ để tránh cặp mắt chúng tôi thôi. Anh đứng yên một mình, trong góc của anh.

Chúng tôi bỗng nhiên mất vui, thấu nũi cô độc ghê gớm của anh. Chúng tôi biết rõ anh bạn đáng thương đó đương chờ một cử chỉ thân ái của chúng tôi. Nhưng chúng tôi rụt rè, ngại ngùng không tiến lại gần anh, không biết tỏ thiện cảm với anh cách nào để khỏi chạm lòng tự trọng của anh. Chúng tôi hèn nhát, chần chừ hoài, không dám bước bước đầu.

Trong khi còn ngại ngùng do dự không biết nên có thái độ ra sao thì kiếng lại đánh, thế là hết giờ ra chơi. Nghe tiếng kiếng, "Metternich" quay phắt lại, chẳng nhìn ai, vội vã về lớp. Nhăn nhó, bực tức, môi nhợt nhạt, anh ngồi vào bàn rồi lại cúi gằm đầu vào cuốn sách. Tan học buổi sáng, anh hấp tấp ra về liền.

Chúng tôi cảm thấy khó chịu về sự nhút nhát của mình, cùng nhau tìm cách cứu vãn. Nhưng đã quá trễ, cơ hội đã bỏ lỡ, không còn trở lại nữa. Sáng hôm sau, chỗ ngồi của anh lại bỏ trống. Chúng tôi kêu điện thoại về nhà anh thì anh không có nhà. Tội nghiệp anh, ở trường về, anh thừa với ba má, anh bỏ học. Và ngay tối hôm đó, anh rời kinh đô Vienne để đến một thị trấn nhỏ, làm công trong một tiệm bán thuốc. Từ đó chúng tôi không gặp lại anh nữa.

Nếu anh tiếp tục học thì chắc chắn anh em chúng tôi không ai theo kịp được anh. Hiển nhiên là tại chúng tôi ngần ngại, do dự, không biết ngỏ ít lời an ủi mà lúc đó anh rất cần, nên anh mới bỏ học làm hại tương lai của anh như thế. Buổi sáng đó, chỉ cần một lời thiện cảm, một cử chỉ âu yếm là anh đủ sức vượt qua khỏi cảnh khốn khổ của anh. Chúng tôi không tỏ chút thân tình với anh, hoặc lãnh đạm, hoặc xấu bụng. Không. Chỉ tại chúng tôi thiếu can đảm. Rất nhiều khi chúng ta thiếu can đảm nên không tìm được lời thích hợp để nói đúng lúc. Đành rằng, đến hỏi chuyện một người có lòng tự trọng đang bị thương tổn mạnh là một việc làm khó khăn và tế nhị. Nhưng kinh nghiệm lần đó đã cho tôi bài học là đừng bao giờ do dự, cứ nên theo xúc động đầu tiên của lòng mà cứu giúp một người đau khổ vì chính trong khi người khác đang bị gian nan, một lời nói, một cử chỉ của mình mới có giá trị nhất.

Stefan Zweig

VẪN CÒN HI VỌNG

Suốt mùa đông năm đó, tôi ở làng Castelmare, một làng bị tàn phá gần như hoàn toàn ở gần Livourne (Ý) và sáng nào tôi cũng gặp cụ bà Maria Bendetti. Nhỏ con, mảnh khảnh, nhăn nheo, cụ đi chân không, bận một chiếc áo đen đã bạc, màu đen đã ngả qua màu hung hung đỏ, đầu quấn một chiếc khăn quàng đen, lụm khụm, vai mang nặng một cái gùi nan.

Mặt cụ tóp lại, sạm đen, tiều tụy, ưu tư, mang nét đau khổ, rầu rĩ, thất vọng. Cụ bán cá, những loại cá kỳ dị nhưng không ngon của vùng Địa Trung Hải. Dân làng chỉ sống bằng những con cá đó với ít mì ống. Tôi đã biết làng đó thời còn thái bình, dân chúng sung sướng vô tư lự. Bây giờ họ ở trong một công trường nhỏ xíu, nhà cửa đã sập hết vì bom đạn, chỉ còn đồng gạch vụn, không nghe thấy tiếng cười, tiếng hát như ngày xưa. Không khí phảng phất mùi hoa trúc đào nên cảnh tượng thê thảm như trong nghĩa địa, làm cho tôi đau lòng. Nơi đó trước kia tôi thích biết bao, bây giờ chết rồi; cảnh tan hoang trần trụi đó thật xót xa, tuyệt vọng.

Hầu hết các thanh niên đã bỏ xứ đi nơi khác. Nhưng các người già và trẻ con thì còn ở lại; họ lầm lũi đi như bóng ma trong cảnh đổ nát; có mấy chiếc thuyền và mấy chiếc lưới vá vúi bầy

bà, họ cực khổ lắm mới kiếm được miếng ăn, chỉ vừa đủ cho khỏi chết.

Trong số những người ở lại có cụ Maria. Đôi khi cụ dắt theo một em bé gái mười tuổi, chắc là cháu của cụ. Gầy ốm, rách rưới, em đi chân không, lon ton bên cạnh cụ, vừa đi vừa rao : "Cá đây, cá tươi đây!" như cố làm cho người ta tin rằng cá mới ở dưới nước lên. Tôi nhận xét hoàn cảnh hai bà cháu mà không khỏi buồn rầu, lo ngại cho họ : họ có vẻ cố bám lấy một dĩ vãng đã qua, qua hẳn rồi! Quả đúng là một ảo vọng!

Một buổi sáng, khi họ đi qua công trường tan hoang, tôi hỏi chuyện họ. Trong chiến tranh họ đã thoát chết khi bị dội bom và bây giờ họ sống trong cái hầm ở hẻm Eustacia, khu nghèo nhất của làng không bị tàn phá.

Vì trong lòng xót xa, đâm ra bi quan, tôi hỏi cụ :

- Vì sao cụ không đi nơi khác? Ở đây còn có tương lai gì nữa đâu?... Tàn phá hết rồi... Hết hẳn rồi.

Cụ làm thỉnh một chút rồi chậm chạp lắc đầu :

- Đây là quê hương của mình. Với lại đâu có hết hẳn.

Rồi hai bà cháu bước đi, tôi có cảm tưởng như họ vui vẻ nháy mắt với nhau, ra vẻ hóm hỉnh, biểu đồng tình.

Thấy vậy tôi sinh ra tò mò. Mấy ngày sau, tôi bất giác dò xét xem họ đi đâu, không cố ý rình mò. Buổi sáng tôi thấy họ đi làm những công việc hàng ngày như mọi người, nhưng buổi chiều thì không thấy họ đâu hết. Mấy lần, sau bữa trưa, tôi đi qua hẻm Eustasia : căn phòng nhỏ của họ luôn luôn vắng tanh. Có thể rằng hai bà cháu đó không chất phác như tôi tưởng chăng? Tại sao buổi chiều nào họ cũng đi khỏi? Họ có làm gì ám muội không? Buôn lậu hoặc chợ đen?

Vì nghi ngờ như vậy, nên một buổi nọ, tôi bỏ hẳn giấc trưa trên bãi biển, lại hẻm Eustasia sớm hơn mọi lần. Tôi núp dưới một cái cổng, rình căn nhà của cụ. Tôi không phải đợi lâu. Khoảng một giờ trưa, hai bà cháu ở trong hầm bước ra, mỗi người đeo một cái giỏ không trên lưng; họ nắm tay nhau vui vẻ, hăng hái lên đường. Tôi đi theo rình họ, như một tên trộm.

Hai bà cháu lách qua đám nhà cửa đổ nát. Tới đầu làng, họ tiến vào một con đường mòn chầy chắt đưa xuống lòng sông cạn khô. Tôi đứng trên cao nhìn xuống bờ sông. Tôi ngạc nhiên làm sao, thấy nhiều người cuốc đất, xúc đất trong lòng sông lởm chởm những đá. Hai bà cháu đặt giỏ xuống, rồi bắt đầu làm việc. Mới đầu tôi tưởng họ tìm bảo vật vàng bạc gì đó, rồi tôi thấy đứa cháu gái xúc một giỏ cát, còn bà cụ lựa kỹ từng phiến đá trắng vuông vức bỏ vào giỏ. Khi giỏ đầy rồi, họ gùi lên lưng, chậm chạp leo con dốc dựng đứng để lên bờ.

Họ đi ngang sát chỗ tôi núp. Không biết họ có thấy tôi không. Nếu có thì họ cũng không để lộ cho tôi thấy. Đợi cho họ đi qua rồi, tôi mới theo dõi.

Con đường đưa tới chỗ cao nhất của làng, tới một cái đồi nhỏ bao quát cả miền chung quanh.

Mấy lần đi chơi, tôi chưa bao giờ bước chân tới đó : đó là nơi duy nhất không bị tàn phá. Một nhóm người làng đang làm việc trong bụi cây keo. Họ nói nhỏ nhẹ với nhau, không có những cử chỉ huênh hoang, lạng lẽ trộn hồ, đục những phiến đá nhỏ nhắn, trắng đẹp rồi sắp vào nhau, chồng lên nhau thành những bức tường của một kiến trúc rộng lớn.

Mới đầu tôi chưng hửng. Rồi đột nhiên tôi đoán được mục đích của họ, họ tính xây cất cái gì. Tôi ghệt thở. Những kẻ đó chỉ có một mái nhà đủ che mưa che nắng, còn bao nhiêu đã mất hết. Những ông bà già và trẻ con mà tôi tưởng chỉ là những bóng ma bất lực, hư ảo, vật vờ, đã quyết tâm làm một công tác tập thể đầu tiên là tự lực xây cất một giáo đường mới mẻ, lộng lẫy. Không phải là một nhà thờ nhỏ xấu xí tạp nhạp, mà là một chỗ thờ phụng quy mô, đẹp đẽ hơn tất cả những giáo đường cũ trong miền.

Cụ già và đứa cháu trút giỏ cát đá xuống, nghỉ một chút để thở rồi lại trở xuống lòng sông. Khi đi ngang qua sát tôi, mồ hôi nhễ nhại trên trán, cụ già ngó lén tôi : cặp mắt đen và nghiêm nghị của cụ có vẻ tươi cười dịu dàng mà bí mật, bề ngoài thì bình tĩnh mà bề trong ranh mãnh một cách hiền từ. Cụ có vẻ như bảo : "Sao? Có thực là tương lai của chúng tôi hết hẳn chưa?". Tất cả cuộc đời của cụ hiện rõ trong vẻ nhìn đó, từ dĩ vãng, hiện tại tới tương lai. Một cuộc đời can đảm, nhẫn nại, một lòng tin tưởng bền bỉ, không gì lay chuyển nổi, một ý chí cam nhận cái gì không tránh được, nhất là quyết tâm tin tưởng.

Tôi xấu hổ đứng trên ra đó, trong khi hai bà cháu đi khuất vào đường mòn. Nghĩ rằng mình đã để cho niềm thất vọng lôi cuốn, tôi thấy đau nhói tim như có mũi dao đâm vào đó. Ừ thì tan hoang, đổ nát đó, nhưng đã làm sao? Nếu những người già lụm khụm như vậy và những người trẻ măng như vậy mà còn lòng tin tưởng mãnh liệt như vậy thì thế giới vẫn còn có thể hy vọng được, hy vọng được ở tất cả.

Tôi đứng trên đồi một hồi lâu. Sau cùng khi xuống đồi, lòng đã bình tĩnh, phần khởi thì ngơ ngác hôm hiện lên, tuy còn mờ mịt nhưng đã lấp lánh trên nền trời vô biên và làng xóm chìm dần sau làn sương nhẹ từ biển bốc lên. Nhưng ở "cái nơi tâm linh còn bưng bưng đó" tôi thấy tất cả ngọn lửa chiếu sáng rực rỡ.

A.J. Cronin

CHỈ PHẢI TIẾN TỪNG CÂY SỐ MỘT THÔI

Hồi đó tôi mới mười bảy tuổi và ... bị một cơn sợ ghê gớm. Anh bạn học Walter Port và tôi cùng nhau lao vào một cuộc mạo hiểm kỳ thú nhưng cũng thật là ngu xuẩn: chúng tôi muốn cho biết rằng có thể chèo một chiếc xuồng nhẹ từ Minneapolis tới điểm bán da lông của hãng

York trên vịnh Hudson. Chúng tôi đã chèo tới được Norway House ở phía cực bắc hồ Winnipeg. Từ đó còn phải chèo một quãng dài 25 cây số nữa qua một miền hoang vu, chỉ gặp được một thị trấn nhỏ ở dọc đường. Những bản đồ chúng tôi mang theo đều sơ sài quá mà hôm đó đã là ngày mùng một tháng chín! ... Sông hồ sắp đóng băng.

Nhân viên cảnh sát Gia nã đại do dự không muốn cho chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình và sau cùng cũng miễn cưỡng cho phép chúng tôi. Cả đêm trước ngày khởi hành chúng tôi thao thức, nghĩ tới nỗi gian nan dọc đường, nửa sợ nửa tự ái. Nếu bị chìm xuống hoặc bị mắc kẹt vì nước đóng băng thì không hy vọng gì thoát chết được. Mà nếu bỏ nửa chừng thì còn mặt mũi nào trông thấy gia đình, bạn bè nữa?

Tòa soạn nhật báo ở Minneapolis tường thuật từng giai đoạn cuộc hành trình của chúng tôi, chủ ý để nêu tên tôi trong bước đầu vào nghề viết văn, sẽ khinh bỉ chúng tôi ra sao? Và chính Walter và tôi sẽ có thái độ ra sao khi làm cho mọi người thất vọng như vậy?

Lúc khởi hành, một thợ săn Đan Mạch lực lưỡng tới chúc chúng tôi "thượng lộ bình an". Ông siết chặt tay chúng tôi bảo :

Các cậu chỉ nên nghĩ tới cây số trước mặt thôi, đừng bận tâm đến những cây số ở xa hơn nữa nhé. Như vậy thì sẽ tới đích được.

Tôi chưa bao giờ nhận lời khuyên chí lý như lời khuyên đó.

Biết bao lần, ban đêm, tôi trần trọc, lăn qua lăn lại trong cái "sắc"[1] lạnh buốt, lo lắng về quãng đường dài dằng dặc phải vượt qua mà nhớ lại lời khuyên của người thợ săn Đan Mạch đó! Trong bao nhiêu ngày chèo chống lặn lội, khiêng xuống và đồ đạc, chúng tôi đã có dịp nghiền ngẫm về lời khuyên đó, tinh thần chúng tôi thấm nhuần lời khuyên đó. Chúng tôi chỉ nghĩ tới cái thác ở phía trước, tới chỗ cắm trại ở phía trước, tới cây số ở phía trước thôi.

Sau cùng, một đêm tối như mực, chúng tôi đã vượt được cây số cuối cùng. Bắn thử, mặt mày hốc hác, quần áo rách tươm, lương thực gần hết nhẵn, chiếc xuống hư nát tệ hại, chúng tôi lết lên bờ, trong luồng ánh sáng vàng vọt từ điểm bán hàng của hãng York chiếu ra.

Từ hồi đó, tôi có nhiều dịp nhận thấy lời khuyên của người thợ săn Đan Mạch đó rất đúng : chỉ phải tiến từng cây số thôi. Chẳng hạn, mười ba năm sau, trong thế chiến thứ nhì, tôi và vài anh bạn ngồi trong một chiếc phi cơ chuyên chở của nhà binh. Chúng tôi đang bay trên khu rừng biên giới Ấn độ-Miến điện thì máy bay hư, chúng tôi phải nhảy dù xuống. Nếu có đoàn cấp cứu nào được phái tới thì cũng phải mất hàng tuần mới tới chỗ của chúng tôi. Vì vậy chúng tôi không thể nào đợi được, đành cực khổ len lỏi lần lần về phía Ấn độ, vượt quãng đường hai trăm hai mươi lăm cây số, qua một miền núi non hiểm trở, dưới ánh nắng cháy da và những trận mưa tầm tã.

Chúng tôi vừa khởi hành thì chẳng may, chân tôi bị thương vì chiếc đinh trong giày; buổi tối

đó, hai bàn chân tôi phồng lên, rướm máu. Khập khiễng như vậy thì làm sao vượt được hơn hai trăm cây số? Mà các bạn tôi có anh tình trạng còn bi thảm hơn tôi, làm sao đi được cho tới hết đường? Không ai tin rằng sẽ tới nơi được. Không đi hết đường được, nhưng ít ra cũng khập khiễng lết tới đỉnh đồi phía trước, tới làng xóm phía trước tìm một căn nhà xin tá túc; và chúng tôi chỉ mong được bấy nhiêu thôi.

Óc tưởng tượng là một con dao hai lưỡi: nhờ nó mà có những công trình lớn lao nhưng cũng vì nó mà lòng can đảm của ta nhụt đi, không thực hiện được những công trình đó. Tôi vốn nhút nhát và đôi khi tự biện hộ vì tôi có óc tưởng tượng mạnh, dễ thấy những nguy hiểm sẽ xảy ra nên không được bạo gan. Cho nên đã nhiều lần, khi gặp gian nan về thể xác hay đau khổ về tinh thần, tôi phải nhớ lại quy tắc: “cây số ở trước mặt” rất hữu ích đó.

Ngày tôi bỏ chỗ làm có lương cố định để bắt đầu viết một cuốn sách dài hai trăm năm chục ngàn tiếng, tôi rán không để cho công trình lớn lao đó thôi miên tôi. Nếu không, chắc chắn tôi đã phải bỏ dở một tác phẩm làm cho tôi vinh hạnh nhất trong nghề cầm bút của tôi. Tôi rán chỉ nghĩ tới đoạn sau thôi, không nghĩ tới trang sau nữa, lại càng không nghĩ tới chương sau nữa. Thành thử trong sáu tháng tôi chỉ viết từng đoạn từng đoạn một. Và tôi phải thú thực rằng, tác phẩm đó “tự nó thành hình.”

Mới mấy năm trước đây, tôi nhận mỗi ngày phát thanh một bài cho một đài nọ. Tới hôm nay, những bài tôi phát thanh đạt tới con số hai ngàn. Nếu hồi đầu, người ta bảo tôi phải ký hợp đồng cung cấp hai ngàn bài thì chắc tôi đã thụt lùi không dám nhận công việc lớn lao đó. Nhưng người ta chỉ đòi hỏi tôi mỗi ngày một bài thôi và tôi cũng chỉ soạn mỗi ngày một bài thôi.

Đức kiên nhẫn có thể thay đức cam đảm được và theo tôi, không có hình thức kiên nhẫn nào bằng hình thức mà người thợ săn Đan Mạch đã khuyên chúng tôi nhớ kỹ rằng chỉ phải tiến từng cây số một.

Eric Sevareid

CHỈ TRĂM BƯỚC NỮA LÀ THÀNH CÔNG

Hồi đó tôi hai mươi lăm tuổi, thất nghiệp và đói. Đã nhiều lần tôi ở trong tình trạng như vậy tại Constantinople, tại Paris, tại Rome. Nhưng tại New York, ngay cái không khí người ta thờ cũng có cái vị của hạnh thông mà thất nghiệp thì thật là tủi nhục.

Tôi hoàn toàn không biết xoay xở ra sao, điều đó chẳng có gì lạ. Tôi muốn kiếm ăn bằng ngòi bút nhưng lại không viết được bằng tiếng Anh, nên suốt ngày tôi lang thang ngoài phố, không

phải vì thích sinh hoạt mà để bà chủ nhà khỏi bận mắt.

Một hôm, trên con đường 42, tôi đụng đầu với một người to lớn tóc hung hung. Tôi nhận ra liền: Féodor Chaliapine, diễn viên Nga nổi tiếng. Hồi thiếu niên, đã nhiều lần tôi sắp hàng mua giấy hạng bét để nghe ông hát ở rạp Đế Quốc Hí Viện Moscou. Hồi làm báo ở Paris, có lần tôi đến phỏng vấn ông, tôi tưởng ông không nhận ra tôi, không ngờ ông nhận ra. Ông hỏi tôi:

- Bạn lắm không?

Tôi đáp lí nhí một câu mơ hồ. Có lẽ ông đoán được tình cảnh của tôi.

- Theo tôi về khách sạn ở góc đường Broadway và đường 103 nhé? Chúng mình cùng đi bộ. Lúc đó đã giữa trưa và tôi đi lang thang đã năm giờ rồi.

- Nhưng, ông Chaliapine ạ, từ đây tới đó năm sáu cây số lận.

Ông ta ngắt lời tôi:

- Điên nào, chưa đầy trăm thước.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

- Trăm thước?

- Thì vậy chứ sao! Tôi không nói là tới khách sạn, dĩ nhiên. Là tới gian bán ở đại lộ 6 ấy.

Tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng cũng đi theo. Một lát chúng tôi tới trước gian hàng đó, đứng ngó hai chú lính thủy bắn vào một cái bia, đều đều, không biết bao nhiêu lần. Rồi chúng tôi lại tiếp tục đi.

Ông Chaliapine vui vẻ bảo tôi :

- Bây giờ còn hơn một cây số nữa.

Tôi gật đầu. Một lát sau tới Carnegie Hall, ông Chaliapine bảo ông thích nhìn vẻ mặt của những người tới mua vé nghe hòa nhạc ở Viện Âm Nhạc. Chúng tôi ngừng lại vài phút rồi tiếp tục đi.

Lần này ông nhanh nhẩu bảo :

- Chỉ còn tám trăm thước nữa là tới vườn thú Công Viên Trung Ương. Ở đó có một con đười ươi mặt giống như một ca sĩ có giọng cao mà tôi quen.

Chúng tôi lại thăm con đười ươi. Cách đó một ngàn hai trăm thước, về đường Broadway, chúng tôi ngừng trước một tiệm tạp hóa. Trước cửa tiệm có bày một thùng dưa leo, Chaliapine trở mắt ngó dưa leo một lúc : bác sĩ cấm ông ăn dưa leo.

- Chà, coi ngon quá. Trông thấy mà nhớ tuổi trẻ của tôi.

Còn tôi, tôi tự hỏi vì sao ông chưa ngắt ngư chứ, mà lại thấy khỏe mạnh hơn bao giờ. Chúng tôi ngừng một lần cuối cùng nữa ở đường 90 để ngắm những hàng trái cây tại ngôi chợ trước trạm xe điện mới sơn lại, góc đường 96 và sau cùng là tới khách sạn. Chaliapine cười bảo tôi :

- Đường đâu có xa, phải không? Bây giờ tụi mình đi ăn.

Sau bữa ăn thịnh soạn, ông mới cho tôi hiểu tại sao ông bắt tôi đi bộ sáu cây số đó. Giọng ông nghiêm trang:

- Anh sẽ không bao giờ quên lần đi bộ ngày hôm nay đâu. Tôi đã cho anh một bài học nhỏ đó. Đừng bao giờ lo lắng, buồn rầu vì đích còn xa. Chỉ nghĩ tới cái gì ở cách ta một trăm thước thôi. Đừng lo ngại về một tương lai bấp bênh. Chỉ nghĩ tới những cái vui ngày hôm sau thôi, dù nó tầm thường tới mức nào đi nữa.

*

* *

Nhiều năm đã trôi qua. Ông Chaliapine đã quy tiên nhưng hầu hết những chỗ làm mục tiêu để đi trong lần đi bộ không sao quên được đó nay đã không còn, cảnh vật đã biến thiên. Nhưng trong bao nhiêu năm đó, triết lý thực tế của ông đã giúp tôi rất nhiều.

Nó đã giúp tôi khi tôi quyết định học tiếng Anh.

Không khi nào tôi tự hỏi: “Phải học bao năm nữa mới viết được thứ tiếng đó?” Trái lại tôi tự nhủ: “Hôm nay trên tờ báo Times có hai mươi tám tiếng mình chưa biết. Ngày mai sẽ còn không tới hai mươi tiếng.”

Triết lý đó cũng giúp tôi giữ vững được tinh thần khi vì lầm lẫn của các người hùn vốn, tôi buộc phải trả cho chủ nợ nửa số tiền mà tôi hy vọng kiếm được trong bốn năm sau. Nếu trong hai trăm lẻ tám tuần lễ đó, tôi cứ nghĩ bụng rằng phải sống cực khổ thì chắc chắn tôi đã nản chí mà không kiếm được một đồng nào cả. Nhưng tôi chỉ tự nhủ: “Thứ hai, thứ tư và thứ sáu, mình sẽ làm cho mình.” Nghĩ vậy thì mọi sự sẽ thay đổi hết. Tôi trả được hết nợ và kiếm được đủ sống, không đến nỗi thiếu thốn.

Qui tắc trăm bước của Chaliapine là quy tắc vàng. Ai cũng thấy được điều hữu ích mà đi theo. Có thể rằng cái đích ta nhắm còn xa thăm thẳm, nhưng không đầy trăm bước là “tới đại lộ 6”. Như vậy cứ từng chặng từng chặng một, chúng ta chẳng những sẽ tới đích, mà trên đường đi còn được hưởng nhiều cái vui nữa.

Frederick Van Ryn

KHÔNG BAO GIỜ CÓ MỘT BỨC THƯ CHO BOB

Hồi đó tôi làm giáo sư một trường trung học con trai. Một học sinh tên là Bob, trái hẳn với

các bạn, không bao giờ nhận được một bức thư nào cả. Vậy mà buổi chiều nào em cũng mau chân nhất, chạy lại chỗ đặt các học riêng chăm chú ngó vào học của em cho tới khi thư phát hết rồi mới quay ra.

Không phải là gia đình em quên em đâu. Tiền ăn ở trong trường, tiền tiêu vặt của em vẫn gửi tới đều đều đúng hạn. Tháng sáu, ông Hiệu trưởng nhận được thư xin cho em đi nghỉ ở một trại hè. Thì ra viên thư ký của thân phụ em lãnh nhiệm vụ lo cho em tất cả những chi tiết đó. Nhưng song thân em không ai viết cho em một bức thư nào cả. Khi em kể lể với tôi rằng ba má em đã ly thân nhau, tôi mới hiểu tất cả nguyên do.

Và tội nghiệp em, em vẫn tiếp tục trông thư một cách tuyệt vọng.

Tôi thường đem tình cảm sâu thẳm của em ra nói với một ông bạn đồng nghiệp, ông Joe Hargrove. Ông ấy bảo :

- Nếu em đó ít lâu nữa mà không nhận được bức thư nào cả thì đáng ngại cho em lắm, có thể tai hại.

Thế rồi một bạn học thân nhất của em, tên là Laurent nảy ra một sáng kiến. Laurent ở trong một gia đình hòa thuận, có hạnh phúc, tuần nào cũng nhận được nhiều bức thư của cha mẹ, cả của anh chị em nữa. Một hôm Bob rầu rĩ ngó xấp thư Laurent cầm trong tay. Laurent thấy vậy, bảo ngay :

- Bob, vô trong phòng tôi đi, tôi đọc thư của má cho Bob nghe.

Một lát sau, tôi thấy hai em ngồi sát nhau cùng bàn tán về bức thư đó.

Chiều hôm sau, tôi nhận thấy khi phát thư, Bob chẳng những ngó học của em mà còn ngó học của Laurent nữa.

Bob hỏi bạn :

- Lại có thư của má anh nữa hả ?

- Không, hôm nay là thư của chị tôi.

Rồi Bob hỏi một bạn khác :

- Anh có thư của má anh không ?

- Có.

- Anh cho tôi đọc chung với nhé ?

- Ừ ! Để tôi đọc lớn tiếng lên nhé !

Từ hôm đó, Bob tha hồ đọc thư của bạn.

Khắp tứ phía nhao nhao lên :

- Ê, Bob, hôm nay muốn đọc thư của má không ?

Tụi con trai đôi khi có vẻ tàn nhẫn, không giữ ý gì cả. Nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy một em nào thốt một lời mỉa mai bóng gió hay chế giễu gì em Bob cả.

Một hôm, tôi kinh ngạc nghe em Bob tự do hỏi ngay Laurent :

- Hôm nay chúng mình có thư không ?

Như vậy có dễ thương không chứ ! Nên thưởng cho các em nhiều kẹo, nhiều bi mới phải !
Laurent mỉm cười đáp liền, không hề do dự :

- Có, hôm nay chúng mình có một bức.

Chuyện đó làm cho ông Joe Hargrove quyết tâm hành động. Tôi thì tôi cho má em Bob là hạng người ra sao rồi. Nhưng ông Joe đã gặp bà ta nhiều lần, định làm liều xem sao. Một hôm ông ta lại kiểm tôi, tay cầm sáu bức thư đánh máy và sáu bao thư đề địa chỉ của Bob, dán cò sẵn sàng. Ông ta bảo :

- Coi này, tôi gởi cho bà Lennoux đây. Bà ta chỉ cần ký tên : "Má của con" rồi mỗi tuần bỏ một bức vào thùng thư.

Tôi đọc những bức thư đó. Viết được lắm.

Ít bữa sau, Bob cũng lại ngong ngóng đợi ở chỗ đặt các hộp riêng, nhưng chú hết ý vào cái hộp của Laurent. Bỗng học sinh lãnh việc phát thư, la lên :

- Ê, Bob, mày có thư này ! Có thư này !

Bob nhẹ nhàng đưa hai tay lên, cử chỉ y hệt một thiên thần đương cầu nguyện, để đỡ lấy bức thư. Em nói, như thể vẫn chưa tin :

- Ờ, có tên tôi ngoài bao thư nè !

Rồi em la lên :

- A ! Tôi cũng có thư ! Tôi cũng có thư ! Anh em ơi, có ai muốn đọc thư của tôi không ?

Những đứa khác cũng vui mừng, đồng thanh la lớn :

- Có ! Có ! Bob, đọc thư của bồ lên, đọc lên !

Cuộc phát thư tức thì tạm ngưng lại. Chúng đùn Bob lên cho đứng trên một cái bàn rồi cả bọn vây chung quanh.

Bob ngập ngừng đọc :

- Con cưng của má !

Rồi ngẩng lên nói :

- Tôi không đọc nhanh được.

Laurent bảo :

- Không sao, Bob ! Cứ đọc chậm chậm, càng tốt. Đọc chậm mới hiểu rõ từng chữ chớ.

Và Bob chậm chạp đọc bức thư đó, lời lẽ âu yếm như bức thư của bất kỳ bà mẹ nào gửi cho con.

Tháng sáu, buổi phát phần thưởng, tôi thấy má em Bob lại dự. Tôi không ngạc nhiên về điều đó vì, sau khi gửi hết mấy bức thư ông Joe viết sẵn cho rồi, bà ta đích thân viết cho con ; quả là một phép màu ! Bob đã cho tôi coi bức thư bà báo trước sẽ tới dự buổi lễ. Phát phần thưởng xong, bà ta kéo tôi ra một chỗ, hỏi tôi :

- Bà thấy thư tôi viết cho cháu được không ?

- Được lắm !

Bà ta nói tiếp giọng hơi ngập ngừng :

- Tôi nhờ bà nói về tôi cho cháu Bob nghe... Vợ chồng tôi đã hòa thuận với nhau hơn trước, và chúng tôi tính với nhau nghỉ hè này cho cháu về nhà, và... chúng tôi sẽ tìm cách hiểu cháu hơn.

- Xin bà yên tâm, tôi sẽ hết sức giúp bà.

Tôi có cần gì nói thêm rằng không có công việc nào làm cho tôi vui bằng công việc đó không ?

Louise Baker

THƯ GỬI CHO CÁC CON TÔI

Sáng ngày 13 tháng giêng năm 1954, chiếc thuyền buồm Vema dài 60 thước chở tám nhân viên trong đoàn thám hiểm hải dương học của đại học Columbia và 13 thủy thủ phải đương đầu với một trận bão ghê gớm và những ngọn sóng vĩ đại ở khoảng 200 hải lý phía bắc quần đảo Bermudes. Bốn người bị sóng đánh văng xuống biển. Trong số đó có vị chỉ huy đoàn, giáo sư W. Maurice Ewing, 47 tuổi vừa là giám đốc Đài quan sát địa chất học Lamont (ở Columbia), vừa là nhà hải dương học nổi danh khắp thế giới. Giáo sư ráng chống cự một giờ, kiệt lực, chỉ trong đường tơ kẽ tóc là qua cõi chết. Sau cùng ông được cứu thoát và hôm sau ông viết được bức thư cảm động này cho năm người con của ông từ 3 tới 9 tuổi.

Trên biển, ngày 14 tháng giêng năm 1954

Các con,

Ba viết thư này cho các con để nói chuyện với các con về tình yêu... yêu Chúa, yêu gia đình, yêu bạn bè, yêu hàng xóm. Ba đã có lần ráng chỉ cho các con hiểu sự quan trọng của tình yêu, nhưng ba thấy rằng lần đó ba chưa giảng được rõ ràng lắm. Bây giờ ba mới đích thân thấy sức

manh của tình yêu và như vậy có thể ba giúp cho các con hiểu được rõ hơn.

Hôm qua một ngọn sóng lớn đã hất ba xuống biển và ba phải lội trong cơn đông, trong những ngọn sóng cao bằng ngôi nhà của chúng ta. Lội lâu, lâu lắm rồi, thuyền mới tới vớt ba lên. Chính cái tình yêu kỳ diệu của các con đối với ba đã làm cho ba còn tiếp tục bơi được nữa khi mà sức ba đã kiệt.

Đầu đuôi như sau :

Chuyến ra khơi lần này thực cực nhọc, đông tố không lúc nào ngớt mà nước vô thuyền hoài. Bảy giờ sáng hôm qua, ba ở trên "boong" lại phòng các bản đồ để tính xem thuyền đương ở vị trí nào, thì thấy bốn thùng lớn đựng nhớt tung ra, lặn bậy bốn phía. Chiếc Vema chòng chành dữ dội, mấy cái thùng đó có thể đập vào, bung phòng phía sau, nước sẽ tràn vô phòng mà thuyền sẽ chìm. Đúng lúc đó chú John[1] hiện ra ở trên boong cùng với hai sĩ quan hải quân Charles Wilkie và Mike Brown. Ba và ba người đó cùng chặn và cột lại những thùng sau đó.

Vừa cột xong thùng cuối cùng thì một ngọn sóng kinh khủng trút xuống boong. Không ai trông thấy nó trước. Mọi người tức thì bị ngập nước, té nhào, lặn đi mọi phía với mấy cái thùng. Ba tưởng thế nào cũng bị văng mạnh kinh khủng mà xương cốt gãy hết, thân thể nát nhừ.

Bỗng ba cảm thấy rằng ba bị văng ra khỏi tàu, rớt xuống biển. Lâu lắm ba mới ngoi lên được tới mặt nước, lúc đó trong phổi ọc ạch đầy nước, thở khò khè như một người sưng phổi.

Ba thấy cả bốn người đều văng xuống biển. Hai sĩ quan hải quân mỗi ông may mà bám được vào một thùng dầu. Chú John ráng lội lại phía thuyền và ba ngại rằng chú sẽ mau đuối sức. Ba ráng lội lại một thùng dầu ;[2] muốn cho khỏi vướng, phải cởi quần áo ra đã. Vừa cởi xong thì nghe có người sặc sụa, nghẹn hơi, rên rỉ ở gần, nhìn chung quanh không thấy ai cả. Rồi tiếng đó ngừng bật, ba biết rằng người nào đó đã chìm. Sau này mới hay là ông Charles Wilkie, một đại úy hải quân trẻ, đẹp, rất dễ thương.

Cởi xong áo sơ-mi rồi ba mới nhận định được tình thế. Một lát sau ba thấy chiếc Vema cách ba khoảng một hải lý đương quay lại phía ba. Ba tự hỏi không biết có đủ sức cầm cự cho tới khi thuyền đến không.

Chiếc Vema chạy được nửa khoảng cách rồi thì ngừng lại để vớt chú John, rồi quay nửa vòng

để cho hông bên kia lại gần ba.

Không lợi được nữa, ba lật ngửa, ráng thả bè thở như người ta thường chỉ : hít cho đầy phổi, nín cho lâu, thật lâu để người được nhẹ hơn, rồi thở ra thật mau rồi lại tiếp tục như vậy. Nhưng phổi ba đầy nước không thể giữ hơi được lâu, và mỗi lần rán hít vô một chút không khí thì một làn sóng lại phủ ba và ba lại nuốt thêm một ít nước nữa.

Chắc các con nghĩ rằng lúc đó, ba cảm thấy cô độc lắm. Không, ba không thấy cô độc chút nào các con ạ ! Ba có cảm tưởng rằng tất cả những người hiền lương mà ba quý mến đều ở bên cạnh ba để khuyến khích ba. Rồi lần lần họ biến hết và chỉ còn lại các con thôi, và ba có cảm tưởng rằng ba có một công việc gì gấp phải làm cho các con. Ba thấy hình như hết thảy các con - Bill và Jerry và Hoppy và Petie và Maggie - hết thảy đều sắp chìm lìm và để cứu các con, ba phải tiếp tục lội.

Sau cùng chỉ còn bé Maggie ở lại bên ba. Ba không thấy bé nhưng nghe tiếng của bé. Bé gọi ba như mỗi tối đứng trên đầu cầu thang, bé nghe thấy giọng nói của ba khi ba ở sở về. Bé lặn đi lặn lại hoài :

- Ba, ba, ba, lại đây ba, lại đây !

Các con nhớ hoài điều đó nhé, nhớ hoài nhé. Nhớ rằng tình yêu của bé Maggie còn mạnh hơn tất cả những ngọn sóng kinh khủng đó nữa. Sóng nhồi ba chìm xuống, lặn qua lặn lại hoài nhưng tình yêu của Maggie vẫn mạnh hơn. Và đúng lúc ba quên hết mọi sự ở đời, trừ bé Maggie - đúng lúc ba ráng lại gần bé - thì ba nghe thấy có tiếng ai trong treo ở gần ba bảo ba rằng :

- Tiến sĩ, ông búa lấy đầu kia cái thùng này thì tôi dễ nắm nó hơn.

Đấy là tiếng ông Mike Brown đang bám vào đầu một thùng dầu. Ba đưa tay ra búa vào thùng. Thật là dễ chịu vô cùng cho ba và cả cho ông ấy nữa. Một thùng dầu, mỗi người búa vào một đầu thì thẳng bằng như một cái đu, không chòng chênh, lặn qua lặn lại nữa.

Lúc đó ba thấy chiếc thuyền tiến lại gần. Có người liệng xuống một chiếc dây thừng, ông Mike bắt được. Một tay nắm chắc dây thừng, một tay búa vào thùng dầu, ông để cho người trên thuyền kéo chiếc thùng với ba và ông ấy lại gần tàu.

Chiếc Vema chòng chênh dữ dội và ba mệt quá, không cất nổi bàn tay lên nữa. Đúng lúc chiếc thuyền nằm ở dưới hỏm, tại chân một ngọn sóng thì ông Mike nắm được lan can của thuyền,

leo lên. Thuyền lắc lư làm cho ba chìm. May thay ba thấy chiếc dây thừng ở bên cạnh, bèn chụp lấy. Ba đã tưởng không sao ngoi lên được mặt nước, vậy mà nhờ dây thừng đó ba cũng ngoi lên được. Và khi chiếc Vema lại nghiêng một lần nữa ở dưới chân một ngọn sóng thì người trên thuyền nắm lấy cánh tay ba. Ba không còn nhớ chút gì những việc xảy ra sau đó cho tới khi ba tỉnh lại, thấy mình nằm trên một chiếc giường, dưới mấy lớp mền.

Chuyện đó xảy ra hôm qua và ba rất mừng đã thoát chết. Chú John mạnh khỏe, chân sưng một chút, nhưng xương không gãy. Ông Mike Brown cũng mạnh, chỉ vài giờ sau đã thay phiên cho bạn được... Nửa mình bên trái của ba còn nhức mỗi, chưa cử động được ; ở tuổi của ba mà lợi lâu như vậy sao được. Tối nay thuyền sẽ tới quần đảo Bermudes, và nhờ các bác sĩ, ba sẽ bình phục mau được.

Có những bài học chỉ kinh nghiệm mới dạy được cho ta thôi. Ba là nhà khoa học, dĩ nhiên mới đầu chỉ nghĩ đến những cái gì hữu hình. Hết thấy chúng ta đều phải tập luyện cho giỏi và tránh những thói xấu làm cho cơ thể suy nhược. Nhưng ba cũng biết rằng sở dĩ ba sống sót được, không phải chỉ là nhờ những vật hữu hình mà thôi.

Chúng ta phải nhớ rằng chính tình yêu, tình yêu của các con, của má các con và ba, tình yêu lẫn nhau đó đã cho ba đủ sức để khỏi chìm, đủ chống cự lại lâu sau khi đã kiệt sức rồi.

Tình yêu của má các con và các con đã mạnh hơn những ngọn sóng ghê gớm đó. Tình yêu của Chúa đã tới phút chót run rủi cho ông Brown và thùng dầu trôi lại phía ba. Có lẽ chúng ta không thể thấy rõ được sức mạnh của tình yêu. Nhưng nó có thực, nó rất thực và đó là một trong những sự thực nhất trên đời.

Ba của các con.

W.Maurice Ewing

[1] Em của tác giả, cũng làm trong đài Lamont.

[2] Trong bài này, tôi cắt đi vài đoạn ngắn.

HAI HIỆP SĨ BÉ CON Ở THỊ TRẤN VÉRONE

Một buổi sáng trong trẻo dưới bầu trời Ý, xe chúng tôi đang lăn trong cánh đồng, dưới chân dãy núi Alpes, khi tới vùng ngoại ô thị trấn Vérone thì hai đứa nhỏ ra hiệu ngừng xe lại và chìa cho chúng tôi hai giỏ đan bằng miên liễu.

Những trái dâu và "frainboise" (phúc bồn tử) tươi bóng, lót trên lớp lá xanh thẫm trong giỏ màu trắng, coi cũng đẹp mắt, nhưng chú Luigi, người lái xe cho chúng tôi, thấy vẻ lam lũ của hai đứa nhỏ, nổi quạu lên, cản chúng tôi :

- Đừng mua của tụi ăn mày này. Tới Vérone thiếu gì trái tươi tốt hơn... Và biết đâu chừng, tụi nhãi này...

Đúng vậy, trông y phục thảm hại của chúng không ai còn muốn mua nữa. Một đứa bận một chiếc "pullover" sờn, một chiếc quần cụt cắt bậy trong một chiếc quần dài bằng kaki, đứa kia khoác một chiếc áo nhà binh cũ đã hót ngắn, rộng thùng thình, nhăn nhúm mà thân mình nhỏ con của nó lại ốm tong teo, chỉ còn da với xương. Vậy mà... Vậy mà nhìn vẻ mặt rám nắng, đầu tóc bù xù, nhìn cặp mắt đen cương quyết của chúng, tôi thấy có cái gì thu hút kỳ dị, và tôi cho rằng lời xét đoán của chú tài xế có phần không đúng.

Ông bạn đồng hành của tôi hỏi chuyện hai đứa nhỏ : đứa lớn tên là Nicola, chưa đầy 13 tuổi ; đứa nhỏ tên là Jacopo, đầu chỉ ngang cái tay nắm cửa xe, chưa đầy 12 tuổi. Chúng tôi mua cho chúng một giỏ lớn trước khi vô thăm cảnh mê hồn của Vérone.

Thị trấn tuyệt thú đó còn nhiều con đường từ hồi trung cổ mà tại góc đường nào cũng thấy một kho tàng bí mật đầy những di tích lịch sử. Chính tại dưới bóng những lâu đài cổ kính đẹp đẽ đó mà Roméo đã yêu Juliette và cả hai đều để lại cái luồng không khí duyên dáng, vui vẻ trẻ trung mà những cuộc dội bom trong thế chiến vừa rồi không làm tiêu tan được mặc dầu đã tàn phá các cầu trong thị trấn.

Tới hôm trước thì sáng hôm sau, vừa ra khỏi khách sạn, chúng tôi ngừng lại, vui mừng gặp được hai em bán dâu. Chúng ngồi ở gần hồ nước tại công trường lớn, với một hộp kem ở trước mặt và đương bận rộn đánh giày cho khách qua đường.

Chúng tôi đợi cho chúng hơi ngót tay rồi mới tiến lại gần. Thấy chúng tôi mặt chúng tươi lên,

vui vẻ một cách thân mật.

Tôi bảo :

- Tôi tưởng các cháu chuyên bán trái cây chứ.

Nicola đáp, giọng rất nghiêm trang :

- Chiếc cung của chúng cháu có tới mấy cái dây lộn [1]. Có khi chúng cháu dắt cả du khách đi thăm thành phố nữa. Chúng cháu chỉ cho họ mộ của Juliette và nhiều cái lạ khác nữa.

Nhìn cặp mắt em, tôi biết rằng em đang ước ao điều gì rồi và tôi không muốn làm cho em thất vọng. Tôi mỉm cười :

- Nếu vậy thì tốt lắm, Nicola cháu hướng dẫn chúng tôi nhé.

Tôi phải thú thực rằng trong buổi đi thăm thị trấn đó, càng để ý tới thái độ của hai em đó tôi càng ngạc nhiên. Em Jacopo mặc dầu cặp môi lợt lạt khác thường nhưng nhanh nhẹn như con sóc; còn nụ cười của Nicola vừa cương quyết vừa niềm nở. Cả hai còn là con nít thật đấy, đôi khi rất đổi ngây thơ nữa, nhưng nét mặt có một vẻ nghiêm trang làm cho ta phải nể, và một vẻ quả quyết già dặn hơn tuổi nhiều.

Qua tuần lễ sau thì chúng hóa ra cần thiết cho chúng tôi nên chúng tôi gặp chúng thường lắm. Sốt sắng mà lại giỏi giang, nhờ việc gì cũng được; kiểm thuốc điều Mỹ này, giữ chỗ ở hí viện này, hoặc tìm những khách sạn nổi tiếng về món "ravioli"[2].

Và luôn luôn làm việc hăng hái lạ lùng. Ngày mùa hè thì dài mà dù là buổi trưa dưới ánh nắng chang chang hoặc buổi chiều trong ngọn gió mát từ núi thổi xuống, lúc nào cũng thấy hai anh em hoặc đánh giày ở công trường, hoặc bán trái cây ở các ngã tư, hướng dẫn các du khách, chạy các việc vặt cho người này người nọ, tóm lại là nhất định nắm lấy mọi cơ hội để kiếm ăn tại thị trấn cổ đó, trong thời buổi khó khăn đó.

Một đêm, chúng tôi bắt gặp chúng ngồi nghỉ ở công trường vắng tanh; gió thổi ào ào. Dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn lồng ngoài đường, Jacopo ngồi ngay ở vỉa hè, gục đầu vào vai Nicola mà ngủ. Còn Nicola, ngồi ngay ngắn, nét mặt bơ phờ vì mệt nhọc, nhìn một chồng báo chưa bán được.

Tôi hỏi :

- Ủa Nicola, làm gì mà trễ thế cháu ? Gần nửa đêm rồi.

Thấy tôi lại gần, em giật mình nhưng rồi vẻ nhìn của em lại bình tĩnh, tự chủ ngay được.

- Chúng cháu đợi chuyển xe ô tô buýt từ Padoue tới. Tối nào, hành khách trên xe cũng mua hết các số báo cho cháu.

- Nhưng các cháu cần gì mà phải làm việc cực khổ tới mức đó. Coi bộ các cháu mệt đừ rồi.

- Thưa ông, chúng cháu không thấy cực ạ.

Câu trả lời đó giọng tuy lễ phép nhưng làm cho tôi không muốn hỏi thêm nữa, e rằng tọc mạch, không lịch sự. Nhưng sáng hôm sau, khi lại gần hồ nước nhờ em Nicola đánh giày cho, tôi cũng quý quyết tìm cách để nối lại câu chuyện.

- Nicola, tôi tưởng hai anh em cháu cùng làm việc từ mờ sáng tới nửa đêm như vậy thì chắc là kiếm được nhiều tiền lắm. Mà các cháu chẳng may mặc gì cả, ăn thì lần nào tôi cũng thấy chỉ có một khúc bánh với vài trái sung. Vậy thì kiếm được tiền, các cháu để làm gì ?

Mặt rám nắng của em đỏ lên rồi tái đi. Em dăm dăm nhìn những phiến đá lót đường. Tôi tàn nhẫn nói tiếp :

- Bộ các cháu tính để dành tiền đi du lịch một chuyến sao đấy.

Em liếc ngó tôi và gắng sức đáp :

- Dạ, được du lịch một chuyến thì chúng cháu sung sướng lắm, nhưng ngay ở đây, chúng cháu cũng đã có vài dự định khác rồi.

- Dự định gì vậy ?

Em gượng gạo mỉm cười và trong cặp mắt em lại hiện lên cái vẻ nghiêm trang, cách biệt luôn luôn làm cho tôi ngạc nhiên. Rồi em lẩm bẩm :

- Dạ, thưa ông... những dự định...

Như để kết thúc câu chuyện, tôi bảo :

- Này cháu ! Thứ hai, chúng tôi sẽ rời Vérone. Trước khi đi, tôi có thể giúp các cháu được việc gì không ?

Nicola lắc đầu, còn cánh mũi của Jacopo hình hỉnh lên như một con chó con, và em vội vàng nói xen vào bằng giọng the thé của một em bé :

- Chủ nhật nào chúng cháu cũng đi thăm người quen ở Poleta. Ở nhà quê, cách đây ba chục cây số. Chúng cháu thường mượn xe đạp, ông làm ơn chở chúng cháu được không ?

Tôi đã cho chú tài xế nghỉ bữa chủ nhật đó, nhưng tôi đáp ngay :

- Được, tôi sẽ đích thân lái xe đưa các cháu đi Poleta.

Hai em làm thính. Nicola nhìn em có vẻ không tán thành. Rồi cương quyết nói với tôi :

- Thưa ông, chúng cháu tuyệt nhiên không muốn làm phiền ông.

- Có phiền tôi cái gì đâu.

Nicola cắn môi và nói, giọng có vẻ như chấm dứt câu chuyện.

- Thưa ông, như vậy thì xin vâng.

*

* *

Vậy buổi chiều hôm sau, cả ba chúng tôi ngồi xe lại làng Poleta, một làng nhỏ cảnh rất đẹp. Cheo leo trên một sườn đồi rợp bóng cây dẻ. Đỉnh đồi là một lùm thông, và ở chân đồi, một cái hồ sâu thu hút tất cả ánh sáng trên vòm trời. Tôi tưởng các em lại thăm một căn nhà tầm thường nào trong làng, nhưng Jacopo cất giọng the thé xin tôi ngừng xe lại trước một biệt thự lớn nóc đỏ, chung quanh có một bức tường cao. Không để cho tôi kịp thở, hai em nhảy ngay ra khỏi xe.

- Thưa ông, chúng cháu chỉ vô độ một giờ là nhiều. Ông lại uống cà phê đợi chúng cháu ở công trường, có lẽ như vậy tiện hơn cả...

Vừa nói xong, các em đã biến mất sau bức tường.

Sau vài phút do dự, tôi bước vô theo, tới một cái cổng, và quả quyết kéo chuông.

Một người đàn bà vẻ mặt thanh tú, nước da hồng hào, đeo cặp kính gọng bằng sắt, ra mở cửa và tôi ngạc nhiên thấy người đó bận đồng phục trắng của các y tá.

Tôi bảo :

- Xin lỗi bà, tôi mới lái xe đưa hai em nhỏ lại đây...

Vẻ mặt bà ta tươi rói và bà vội vàng mở rộng cánh cửa.

- Phải, hai em Nicola và Jacopo... Để tôi dẫn đường ông.

Bà ta nhã nhặn dắt tôi vô biệt thự đối làm dưỡng đường đó. Trước hết, chúng tôi đi qua một căn phòng ngoài mát mẻ, lát gạch, rồi theo một hành lang dài lát gỗ đánh xi bóng loáng, hai bên là những phòng bệnh nhân sắp đặt rất đàng hoàng. Lên hết cầu thang thứ nhất, tới một cái ban công hướng về phía Nam, từ đó nhìn bao quát được cả khu vườn và mặt hồ màu xanh dương. Bà y tá ngừng lại trước cửa khép kín của một căn phòng, đưa ngón tay lên môi ra hiệu cho tôi im lặng, rồi mỉm cười chỉ cho tôi ngó qua một tấm kính trên cánh cửa.

Tôi nhìn vào thấy một phòng mát mẻ, sạch sẽ, hai em ngồi ở đầu giường một thiếu nữ trạc hai mươi tuổi đương mỉm cười âu yếm nhìn hai em mà không để ý lắm đến câu chuyện liến thoắng của chúng. Nàng bận một chiếc áo ren đẹp, có hoa, ngồi dựa vào một chõng gối. Mặc dù nàng đau ốm vì tôi thấy hai gò má đỏ bừng, mà lại ngồi yên không nhúc nhích, có cái gì khác thường, tôi cũng nhận được họ là chị em ruột vì nét mặt rất giống nhau. Trên chiếc bàn kê ở sát giường, có một bó hoa đồng nội, một đĩa trái cây và một gói sách.

Bà y tá hỏi tôi :

- Ông có muốn vô không ? Cô Lucia sẽ mừng lắm đấy.

Tôi khoát tay ra dấu rồi lách đi. Tôi tự cảm thấy không có quyền xen vào phá cuộc hội họp thân mật, âu yếm của mấy chị em đó. Nhưng vừa xuống cầu thang tôi vừa xin bà kể cho tôi nghe chuyện của hai em nhỏ, và bà vui vẻ kể liền.

Hai em không còn ai là người thân, trừ cô chị Lucia. Thân phụ của các em, xưa là kép hát nổi danh ở Scala, sau khi góa vợ, tận tâm nuôi các con, nhưng bị bom đạn chết ngay từ đầu chiến

tranh. Ít lâu sau, nhà cũng bị tàn phá, và ba đứa trẻ đương sống một cuộc đời sung túc, được ăn học đàng hoàng thì phải chịu cái cảnh đói rét, lang thang. Em Lucia đương học hát, phải bỏ, còn đau khổ hơn hai em trai nữa. Mùa đông ở Vérone rất lạnh, các em phải tự dựng lấy một cái chòi trong cảnh tan hoang của thị trấn. Rồi đạo "tinh binh" của Đức đặt đại bản doanh ở Vérone, và suốt ba năm đau khổ, cai trị thị trấn tội nghiệp đó một cách tàn nhẫn vô cùng. Hai em trai lớn lên trong lòng căm hận tui xâm lăng, và khi bộ đội kháng chiến bí mật tổ chức rồi thì chúng ra bùng liền. Không phải chỉ gia nhập cho vui, coi chiến tranh là một trò đùa đâu. Hai em kháng chiến thực sự kia. Vì tuổi còn nhỏ xíu, thân mình lại bé tí tẹo mà biết kỹ mọi nơi trong miền, nên hai em hóa ra cần thiết cho bộ đội. Hai em làm liên lạc viên, và việc này mới nguy hiểm hơn, dò la các cuộc chuyển quân của Đức.

Bà y tá rung rung nước mắt, kể tiếp :

- Ông ạ, ông không thể nào tưởng tượng nổi sự can trường của hai em đó! Y như các chiến sĩ anh dũng, hai em vượt núi ban đêm, giấu tin tức và mật lệnh trong gót giày, quân địch mà bắt được thì thế nào cũng hạ sát liền chứ không tha. Và khi chiến tranh mới chấm dứt thì hai anh em trở về kiểm chị ngay, thật là tự nhiên, giản dị, không hãnh diện chút gì về những hoạt động của mình. Hỡi ơi!... gặp chị thì chị đã bị bệnh lao xương, có lẽ vì sống thiếu thốn, cực khổ quá.

Tới đó, bà y tá ngừng một chút, thở dài :

- Chẳng cần thưa thì ông cũng rõ, bẩm sinh can đảm, có nghị lực như hai em đó thì không khi nào chịu bỏ cuộc. Nicola và Jacopo bèn đưa chị lại dưỡng đường này, xin chúng tôi săn sóc cho. Lucia đã nằm ở đây được một năm và bệnh đã thuyên giảm. Chẳng bao lâu nữa, nàng sẽ đi được, và - biết đâu chừng? - sẽ hát được nữa. Nhưng lúc này sự tiếp tế lương thực rất khó khăn và tốn kém. Mặc dầu chúng tôi rất có thiện chí mà cũng không thể nào giữ hoài một bệnh nhân nếu không đóng đủ tiền phòng. Và, ông ạ, hai em đó đã đóng tiền phòng cho chị, đều đều mỗi tuần, không khi nào trễ. Tôi không biết các em ấy làm sao kiếm được đủ tiền, và tôi cũng không muốn hỏi thẳng các em. Không dễ gì mà kiếm được việc ở Vérone lúc này, nhưng tôi chắc chắn rằng bất kỳ làm việc gì thì hai em đó cũng tận tâm.

Tôi đáp:

- Thưa bà, bà nói đúng đấy. Không ai có thể làm việc can đảm hơn hai em đó nữa.

Tôi đứng đợi ở cổng đợi hai em trở ra rồi chúng tôi cùng quay về Vérone. Hai em ngồi bên

cạnh tôi, không nói một lời nào cả, nhưng coi nét mặt, cử chỉ, thấy có vẻ hoàn toàn yên dạ, thỏa mãn. Tôi cũng không hỏi các em một câu nào cả: tôi muốn cho các em được hãnh diện rằng giữ kín nỗi bí ẩn trong lòng, không thổ lộ với ai. Nhưng nghĩ tới niềm hy sinh âm thầm của hai em, lòng tôi dào dạt một niềm xúc động. Ngay cả chiến tranh với biết bao nỗi đau khổ nó gây ra, cũng không làm cho hai em nản chí mà chỉ làm cho tâm hồn hai em cao cả thêm lên thôi. Chiến tranh đã bắt hai em phải già trước tuổi, hai em nghiêm trang, can đảm nhận sự thử thách đó. Chính nhờ những hành động cao thượng âm thầm đó mà đời người mới giữ được tính cách cao quý và xã hội đau khổ của chúng ta mới giữ được niềm tin ở tương lai.

A.J. Cronin

[1] Ý nói biết nhiều nghề, không có việc này để làm thì làm việc khác.

[2] Món thịt băm ăn với nước "sốt" và pho mát xắt thành bột.

HÔM NAY CÓ CÁI GÌ LÀM CHO TA SUNG SƯỚNG KHÔNG ?

Tôi cúi xuống để hôn đứa cháu trai sáu tuổi trước khi nó ngủ.

Nó vội vàng bảo tôi:

- Bà quên một việc rồi. Bà quên không hỏi con hôm nay có cái gì làm cho con sung sướng không.

- Ừ nhỉ, bà có lỗi rồi.

Tôi ngồi xuống mép giường. Một lát sau cháu thủ thỉ với tôi :

- Con đã bắt được một con lươn. Con cá đầu tiên của con.

Rồi cháu rút đầu vào gối.

- Con chúc bà ngon giấc...

Cái lệ đó bắt đầu từ hồi nào và do đâu mà có, tôi không nhớ rõ nữa; nhưng đã từ lâu lắm, nó như một lời cầu nguyện và là một nguồn ân huệ thâm trầm cho chúng tôi. Ngày nào chúng ta cũng có được một lúc hoàn toàn tịch liêu: khi đã chúc người thân an giấc rồi, ta đặt đầu lên gối thì ta hoàn toàn lòng lại đối lòng; lúc đó tôi tự nhủ: "Hôm nay có cái gì làm cho mình sung sướng không?"

Dù những giờ trong ngày có cực nhọc, đè nặng ta nữa, dù màu sắc có ảm đạm thì vẫn có một điểm nào đó lấp lánh.

Ít khi là một biến cố lớn, chỉ là một cái đẹp thoáng qua thôi: tiếng kêu của một con ngỗng trời khi ta tỉnh dậy một buổi sáng lạnh lẽo đầu thu, bức thư bất ngờ của một bạn thân, tắm mát trong một dòng sông khi trời nóng như thiêu, ngắm một cảnh huyền ảo dưới ánh trăng, tìm thấy những đọt sơn trà dưới lớp tuyết.

Luôn luôn tôi thấy có một điểm nào đó rực rỡ. Cho nên không bao giờ tôi phải uống thuốc ngủ và tôi chắc rằng cháu không khi nào phải dùng tới thuốc ngủ nếu cũng nhớ rằng hạnh phúc không phải là một đích xa xăm tùy thuộc một biến cố vị lai, mà trái lại, ngày nào cũng có ở sẵn trong lòng ta nếu ta chịu khó nhận ra khi nó thoáng hiện.

J. Harvey Howells

VỊ ÂN NHÂN BÍ ẨN CỦA TÔI

Đã trên nửa thế kỷ nay tôi vẫn thắc mắc hoài về một người mất cách đây bốn mươi lăm năm mà tôi chưa bao giờ thấy mặt. Càng sắp tới cái lúc không sao tránh khỏi, cái lúc tôi phải từ biệt cõi đời, không làm sao giải được bí ẩn đó thì tôi lại càng gấp muốn biết nhiều hơn về ông ấy. Tại sao tôi tọc mạch hoài như vậy? Tại tôi chịu của ông ấy một cái ơn mệnh mông; giá phải đổi bất kỳ cái gì thì tôi cũng xin đổi để tỏ cho ông ấy thấy rằng hồi xưa một sự đầu tư hù họa của ông ở Texas rất cuộc đã có kết quả tốt!

Không thể báo cho ông William Hinds (tên vị đó) hay được, tôi đành đăng lên báo, mong rằng có một số độc giả của tôi muốn biết tinh thần của ông. Tôi nghĩ rằng điều đó sẽ làm vui lòng ông vì có lần tôi muốn tỏ lòng biết ơn của tôi với ông thì ông viết cho tôi như vầy: "Em

không thể giúp tôi được gì đâu, nhưng sau này có lẽ em cũng có thể giúp đỡ lại cho một người khác như bây giờ tôi giúp em". Tôi nghĩ theo đúng đạo Ki-tô thì không có cách nào hơn cách đó.

Ông William Hinds không hề nói gì nhiều về ông cả mà tôi cũng không hỏi ông: một chú bé nhà quê miền Texas mà đâu dám tò mò hỏi một vị ân nhân bí ẩn và phi thường ở New York. Ông đã mất trước khi tôi có tin mừng để báo cho ông, trước khi sự đầu tư của ông có kết quả. Vì vậy bài này như là một chứng thư công bố rằng tôi mắc một món nợ với ông.

*

* *

Sau cuộc Nam Bắc phân tranh, song thân tôi tiêu tan sự nghiệp, bỏ miền Mississippi, qua Texas làm ăn. Tôi sinh ở đó năm 1888. Ba tôi tự học, làm thầy giáo làng, mỗi năm chỉ dạy có năm tháng, lương chẳng được bao nên mùa hè phải làm ruộng và mọi công việc lặt vặt để kiếm thêm tiền. Tôi sớm biết đọc và phải đi năm cây số qua cánh đồng để kiểm sách báo. Nhờ đọc sách mà tôi được biết một thế giới tuyệt đẹp và đâm ghét cái thế giới chung quanh tôi, quyết thoát ly nó để bước vô cái thế giới của các nhân vật trong sách.

Hồi tôi mười hai mười ba tuổi, ba tôi khai khẩn một đồn điền nhỏ ở miền Tây Texas. Người ta đã chiếm hết các lô tốt rồi, chỉ còn lại cho chúng tôi một khoảnh nhỏ ở trong cái xó xỉnh cuối cùng mà người ta gọi là Cross Timbers. Trên mặt có một lớp cát dày, dưới là đất sét đỏ. Cây cối thì là thứ "chêne", lá như lá ô rô (houx) và thứ "chêne" Maryland. Chúng tôi khai phá để trồng trọt. Đối với một em trai, thì không có công việc nào cực nhọc hơn công việc đó. Bốn năm đầu tôi thấy sao mà dài bất tận. Lúc cày thì gặp toàn những gốc cây trên một đất hoang, mà hễ buông cày ra thì phải đốn cây để có đất mà trồng, mặc dầu là đất cằn. Ít nhất là tôi phải nghỉ học hai năm vì mùa đông ba tôi dạy học thì tôi là "đàn ông trong nhà", phải thay ba tôi trong mọi việc, trừ những ngày nghỉ cuối tuần.

Một hôm ba tôi dắt tôi lại Ranger và tôi đánh bạo vào tòa soạn nhật báo Record của thị trấn đó. Đứng sau lưng ông chủ bút, ngó qua vai ông cho tới khi ông thí cho tôi một chồng báo, toàn những số làm mẫu, chất đống ở một góc, để tôi khỏi quấy rầy ông nữa. Trong chồng báo đó tôi thấy nhiều số The Sunny South: tạp chí này đăng truyện của Conan Doyle và nhiều tác giả đứng đắn khác. Tôi thích mê đi! Và tôi đọc được lời rao này: trả mười xu thì mỗi tuần nhận được một số The Sunny South liên tiếp ba tháng.

Số tiền mười xu đó lớn quá, tôi làm sao có được. Nhưng một buổi tối tôi bày tỏ ước nguyện

với má tôi. Bây giờ đây tôi còn thấy rõ người đi qua căn phòng dưới ánh đèn dầu vàng vọt, lấy ra một đồng bạc cắc cất trong một chỗ kín đáo; có lẽ trong nhà chỉ còn có mỗi đồng bạc cắc đó thôi.

Đồng bạc cắc đó là đồng bạc quan trọng nhất trong đời tôi, vì các mặt lấp lánh của nó là cái trụ trong suốt đời tôi. Nhờ nó mà tôi nhận được những số The Sunny South và tôi thấy có mục Thư độc giả. Một hôm tôi viết cho tòa soạn báo rằng tôi muốn được học để sau thành một văn sĩ. Bức thư của tôi đăng trên số báo ngày 14 tháng 5 năm 1904.

Cách đó ít lâu, ba tôi trở về nhà (vì niên học đã hết) và hai cha con tôi cùng cày một khu ruộng để trồng bắp. Đã xế chiều và chúng tôi đều mệt, ngồi trên cái bắp cày cổ lỗ để cho ngựa nghỉ. Em gái tôi chạy ra chìa cho tôi một bức thư em thấy trong thùng thư.

Bao thư làm bằng một thứ giấy rất đẹp, trắng như tuyết, mực đen nhánh; nét chữ quả quyết mà tươi, tỏ rằng người viết có một cá tính mạnh; mép bao thư đóng khấn đỏ với con dấu có chữ H. Tôi bóc ra đọc :

Cháu,

Đọc tờ The Sunny South, tôi để ý tới bức thư của cháu trong mục "Thư độc giả". Tôi tin rằng cháu sẽ đủ kiên nhẫn giữ chí hướng làm được những việc lớn lao. Cháu biết dư rồi, thanh niên không bao giờ dùng tiếng "thất bại". Vậy cháu cứ hướng về một lý tưởng cao cả đi và chịu kiên nhẫn làm việc nhiều vào thì sau một thời gian, thế nào cháu cũng toại nguyện, tôi tin chắc vậy. Tôi sẽ sung sướng gửi sách báo cho cháu, nếu cháu chịu nhận, nhưng cháu phải cho tôi biết cháu thích loại nào.

Chúc cháu mạnh.

William Hinds

Từ ngày đó, không lúc nào tôi thiếu món ăn tinh thần: những tạp chí hay nhất và thỉnh thoảng cả sách nữa. Càng đọc tôi càng khát khao học hỏi. Ba tôi, vốn trầm tĩnh, ít nói mà thấy tôi hăng hái như vậy, cũng cảm động và một hôm - năm đó tôi mười bảy tuổi - người hỏi tôi:

- Học một năm ở Ranger con có thể lấy được bằng cấp khả năng sư phạm không ? Nếu được mùa thì chúng ta có thể ra ngoài đó ở một năm và con có thể đi học được.

Năm 1905 nhờ mưa thuận, mùa màng rất tốt, ruộng đã trúng mùa, máy tuốt bông cũng chạy

suốt ngày thâu đêm cả mùa thu. Tuy nhiên tôi cũng phải hy sinh.

Thanh niên nào ở Texas cũng có một con ngựa; để có đủ tiền mua sách, tôi phải bán con ngựa cái của tôi, một con ngựa lưng đầy đà, nhanh nhẹn, đẹp đẽ, để lấy 60 đồng. Còn học phí thì tôi quét lớp học để khỏi phải đóng.

Tôi cảm đầu cảm cổ học. Nhờ trước kia đọc tản mạn các sách báo nên tôi hiểu biết hơn các bạn khác được ít nhiều nhưng về toán và ngữ pháp thì dở tệ, phải cực nhọc mới theo nổi. Sau cùng tôi đậu được một bằng cấp cho phép dạy tại các trường làng: đối với tôi bằng cấp đó là một bằng cấp giải thoát. Từ đó, trong mấy chục năm dạy học tôi còn giật được nhiều bằng cấp quan trọng hơn nhiều, nhưng tôi vẫn quý bằng cấp đầu đó hơn cả.

Tôi được bổ dụng ngay trong giáo giới. Kiếm được tiền, tôi dành dụm một số để có thể nghỉ dạy mà học thêm một năm lấy một bằng cấp cao hơn. Thời vận tới, tôi làm gì cũng thành công. Tôi thành một nhân vật quan trọng: tôi được lãnh số lương cao nhất trong giáo giới trường tỉnh, tôi ăn bận hàng hoàng, ra vào những chốn sang trọng nhất trong tỉnh, làm việc năm ngày trong một tuần mà chiều nào cũng được về rất sớm.

Rồi bỗng một ngày mùa đông 1909, tôi nhận được một bức thư nữa:

Tôi mong được em cho tôi biết những ước vọng và dự định của em về tương lai. Có thể rằng tôi giúp em được. Giúp đỡ được người khác, chẳng là điều vui nhất trong đời tôi ư? Giúp cho một người nổi danh, chẳng hạn thành Lincoln hay Gladstone, thì sau này nhớ lại, thú biết bao nhiêu. Biết đâu chừng một ngày kia tôi chẳng có thể nói được: "Chính tôi đã giúp Webb khi ông ta còn là một thanh niên đấy".

Thân ái.

William Hinds

Trên một tờ giấy đánh theo, ông tỏ rõ ý muốn của ông:

Em có tính mùa thu này vô đại học không? Nếu em chưa nghĩ tới thì em cho tôi biết có thích như vậy không? Nếu có thì em muốn vô trường đại học nào? Hồi âm ngay cho tôi nhé.

Hồi đó tôi có bao giờ dám nghĩ tới chuyện vô đại học, đó là việc của "bọn con nhà giàu". Với lại tôi đã có địa vị rồi, chẳng gì thì tôi cũng thỏa mãn về ảo tưởng đó rồi. Bức thư đó buộc tôi

phải suy nghĩ và tôi bỗng thấy hoạt động của tôi tầm thường quá. Chỉ là một cách để kiếm ăn.

Tôi bèn trả lời tất cả các câu hỏi trong thư, nói rõ rằng tôi muốn vô đại học Texas. Tôi đã để dành được một số tiền, quyết tâm dành dụm thêm nữa. Tôi bớt giao du, hội họp đi, có hùng tâm không hỏi cưới một thiếu nữ mà tôi khó quên được: con đường còn chật vật, không nên lôi kéo bất kỳ ai theo mình.

Thế là tháng 9 năm 1909, mang theo khoảng hai trăm đồng, tôi lên xe lửa tại Austin, vô trường đại học. Đã thỏa thuận trước với ông Hinds, mới đầu tôi hãy tiêu số tiền đó đã, khi nào hết mới cho ông hay và ông sẽ đều đều mỗi tháng gửi cho tôi một chi phiếu.

Học hết năm thứ nhì, tôi nợ ông khoảng 500 đồng. Ông khuyên tôi hãy ngưng học để kiếm một chút tiền. Ông bảo: "Tôi không giàu có gì". Tôi gửi cho ông một tờ biên nhận thiếu nợ ông, nhưng ông không chịu lấy lời, ông luôn luôn khẳng khăng một mực như vậy.

Vậy niên học 1911-1912, tôi đi dạy và trả lần được món nợ. Cuối năm đó, tôi ngỏ ý với ân nhân của tôi muốn trở về đại học. Ông đồng ý. Tóm lại, tôi có thể nói rằng suốt thời gian ở đại học, năm nào ông cũng giúp đỡ tôi.

Khi vô đại học, tôi hai mươi mốt tuổi mà không chuẩn bị gì cả. Trước kia sự học của tôi không bao giờ được liên tục. Nếu đời sinh viên của tôi chẳng rục rở gì: trong đa số các môn, tôi cũng được những điểm khá khá đấy nhưng không lần nào làm cho ông Hinds có thể hãnh diện được về tôi. Nhưng cũng không lần nào ông rầy tôi. Và chi phiếu cứ tới đều đều mỗi tháng.

Ông thấy ở tôi có tài năng gì không ? Thú thực tôi không bao giờ hiểu nổi ông. Nhưng chắc chắn ông thấy ở tôi có cái gì đó và có vẻ tin tôi thành công, điều ấy là một dẫn lực nâng đỡ tôi trên suốt con đường học vấn. Tôi có lần nào, như các bạn học của tôi, muốn bỏ dở cuộc chiến đấu, phóng đảng, phung phí tiền bạc hay không? Có, nhưng không lâu, vì có một người ẩn danh bí mật ở New York tin cậy nơi tôi.

Năm 1915, tôi đậu Cử nhân và thiếu nợ ân nhân tôi gần 500 đồng, đó là cái giới hạn ước định với nhau rồi. Tôi được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Trung học Cuero và tôi bắt đầu trả lần lần số nợ. Rồi tới mùa thu năm 1915 một bức thư cho tôi hay tin ông William Hinds đã qui tiên.

Tôi còn thiếu ông 265 đồng.

*

* *

Mùa thu năm 1916 tôi cưới nhà tôi, tên là Jane Oliphant và được bổ làm giáo sư Sử ở trường Trung học San Antonio. Người em gái của ông William Hinds, cô Ida Hinds - được hưởng của anh trái quyền 265 đồng đó - lại trọ khách sạn Councner một phần mùa đông và thường lại thăm vợ chồng tôi. Nhờ cô mà tôi được biết về đời ông Hinds: ông suốt đời ở độc thân, đã giúp nhiều thanh niên khác nữa, nhập cảng các đồ trân kỳ ở châu Âu nhưng không bao giờ hăng hái kinh doanh. Cô cho tôi một tấm hình rất đẹp của ông mà lúc nào tôi cũng đặt ở bàn viết: mắt đẹp, tóc đen, nước da sáng, mũi thẳng và thanh, râu mép đen, tóc rậm, rối bù. Nét mặt có vẻ hiền từ, cao thượng.

Tôi nhớ đầu như vào tháng giêng năm 1917 thì cô Ida Hinds rời San Antonio. Bức thư cuối cùng tôi nhận được của cô mang dấu bưu điện Burlington, Vermont, ngày 18 tháng tư năm 1918. Trong bao thư đó có mấy hàng này không đề ngày :

Ông Walter thân mến, tôi bỏ tờ giấy nợ của ông vào bao thư đề tên ông này. Như vậy, có chuyện gì xảy ra cho tôi thì tờ giấy nợ đó sẽ tới tay ông. Ngày nào ông nhận được thư thì ông sẽ biết rằng tôi không sống nữa mà ông không còn thiếu nợ ai cả. Ông coi như việc đó đã xong vì tôi không còn người thừa kế.

Thân ái

Ida Hinds

Tính ra tôi còn thiếu 75 đồng. Bảy mươi lăm đồng đó không hề được trả cho một người nào có tình họ hàng xa gần gì với anh em ông Hinds. Nhưng số tiền đó đã được trả không phải một lần mà nhiều lần cho những người cần tiền; và sau này tôi sẽ tiếp tục trả nữa, tôi chắc đó cũng là ý muốn của ân nhân tôi.

Cho tới nay tôi vẫn không hiểu tại sao ông lại giúp đỡ tôi như vậy. Gửi một chi phiếu giúp một sinh viên túng thiếu mà mình biết mặt, biết tính tình, điều đó là chuyện thường. Nhưng tôi không làm sao hiểu được một người ở New York mà lại đi kiếm một đứa nhỏ làm việc cực khổ ở một xó xỉnh miền Texas, giúp đỡ em khỏi cầm cày, thoát ly được khu ruộng đầy những gốc cây, rồi nâng đỡ không ngừng suốt mười một năm, mà chẳng bắt buộc em phải theo ý mình, cũng chẳng bao giờ hỏi điều này điều nọ, cho tới khi chết mới thôi.

Tiếc thay ông không được sống để thấy một dấu hiệu nhỏ nhất đáng phấn khởi, tỏ rằng số

tiền đầu tư của ông không phải là uổng. Năm 1918, tôi thành giáo sư ở đại học Texas. Sự thăng tiến của tôi ở đó hơi chậm - trong đời tôi, bao giờ tôi cũng trễ - và mãi đến năm 1931 tôi mới xuất bản tác phẩm đầu tiên của tôi. Tới năm 1950 công việc của tôi mới có mòi có thể làm cho ông William Hinds thỏa mãn được. Nhưng ông là người đọc nhiều, chắc nhớ những câu thơ chán đời dưới đây của Shelley.

*Hạt giống anh gieo người khác sẽ hái,
Tài sản anh dựng, người khác sẽ hưởng.
Áo anh dệt, người khác sẽ mặc,
Khí giới anh rèn, người khác sẽ đeo.*

Tôi đã gặt thứ hạt mà ông đã gieo, đã mặc chiếc áo đẹp mà ông đã dệt; sự thực tôi đã hưởng được một phần tài sản ông đã dựng. Nhưng tôi cũng đã ráng hưởng một chút cái tinh thần của ông khi ông gieo, dệt, và tinh thần đó đã luôn luôn hướng dẫn tôi trong cuộc đời.

Walter Prescott Webb

NĂNG LỰC KỲ DIỆU CỦA NHIỆT TÂM

Đã lâu rồi, một hôm má tôi bảo tôi:

- Norman, từ trước tới nay má đã khuyên con nhiều điều, có điều con nghe, có điều con bỏ qua. Nhưng có lời khuyên này má muốn con theo cho được: đừng quên rằng thế giới đầy những vẻ đẹp làm cho ta xúc động, hồi hộp. Ráng mở lòng ra để tiếp nhận những cái đó, đừng bao giờ để cho lòng lạnh giá tê liệt đi, đừng bao giờ làm mất cái nhiệt tâm của con.

Từ hôm đó tôi luôn luôn ráng nuôi cái nhiệt tâm của tôi. Vậy tôi nói đây là do kinh nghiệm bản thân, chứ không phải là lý thuyết suông. Xin bạn nghe tôi: lời khuyên của má tôi tốt đấy. Trên đường đời, những người nào đi xa nhất, leo lên được những nấc thang cao nhất, đều là những người có nhiệt tâm. Một kỹ nghệ gia nghĩ như vậy, có lần bảo tôi:

- Hai người tới xin làm việc mà khả năng suýt soát nhau thì tôi lựa người nào có nhiệt tâm hơn vì tôi biết rằng người đó sẽ đi xa hơn người kia. Nhiệt tâm gây cho người đó được nhiều

khí lực, và người đó có thể tận lực làm công việc được. Mà nhiệt tâm lại dễ lây nữa, nó quét sạch mọi sự cản trở.

Nếu hôm nay bạn bị tánh nhu nhược, bộ thần kinh, nỗi lo sợ và các mặc cảm tự ti của bạn lôi cuốn mà không chống cự lại được thì có thể rằng chỉ tại bạn không ngờ được khả năng của mình. Hầu hết chúng ta đều tự đánh giá mình thấp quá. Tự cao tự đại thì không nên, nhưng bạn có thể và có bốn phận bồi dưỡng nhiệt tâm của bạn. Triết gia và tâm lý gia William James khuyên chúng ta tự tin. Ông bảo: "Bạn nên thăm tin rằng bạn có một nguồn sức khỏe, sinh lực, sức bền bỉ còn dự trữ ở trong người. Cứ tin rồi thì sẽ có".

Điều thứ nhất phải làm: tự xét ý nghĩ và tâm trạng của mình. Một người mà trí óc toàn những ý nghĩ rầu rĩ, bệnh hoạn, tiêu cực thì không thể có nhiệt tâm được. Muốn thay đổi tâm trạng đó, mỗi buổi sáng bạn nên soi gương tự nhủ đại khái như vầy:

- Hôm nay là ngày lành của tôi. Tôi có được nhiều cái may mắn: có gia đình, nhà cửa, có công việc làm ăn, có sức khỏe... Nhờ trời, tôi sẽ ráng lợi dụng tất cả những may mắn đó trong suốt ngày. Tôi sung sướng được sống.

Buổi sáng, bạn lặp lại lời đó nữa. Cách đó công hiệu đấy, vì tâm trạng ảnh hưởng tới thái độ, hành vi của ta. Những ý tưởng không lành mạnh có thể làm cho ta hóa đau, những tình cảm thất bại có thể làm cho ta thất bại. Cách tôi chỉ cho bạn đó không dễ theo đâu, nhưng nếu bạn ráng kiên nhẫn thử thì bạn sẽ ngạc nhiên về kết quả.

Một buổi tối nọ, một người hoảng hốt kêu điện thoại cho tôi:

- Tôi không biết phải làm gì nữa. Tôi không còn chút can đảm nào cả, lo quá ngủ không được. Chiều mai, tôi tới khúc queo nguy kịch nhất trong đời tôi đây, nếu việc hỏng thì đời tôi kể như hết.

Tôi nói ít lời cho ông ta vững lòng rồi vô thẳng vấn đề:

- Chắc ông đã nhiều lần thắng được những nỗi khó khăn khác, vậy lần này ông cũng sẽ vượt được nữa. Nhưng này, sao ông có vẻ mất bình tĩnh như vậy hả? Ông kéo một chiếc ghế bành lại, ngồi cho thoải mái rồi bình tĩnh nói chuyện cho tôi nghe nào? Cơ thể có thoải mái rồi óc mới suy nghĩ sáng suốt chứ.

Rồi tôi khuyên ông ta đừng nghĩ về mình mà nghĩ về người khác, vì có cái luật tinh thần tế

nhị này là nghĩ tới người, hy sinh cho người thì mình lại tìm ra được mình.

Tôi nói thêm: ngay sáng mai, ông bảo người ta chỉ cho ông một người nghèo khổ. Ông lại thăm người đó và giúp người đó một việc gì: giúp mà không một chút vị lợi, thực tâm hy sinh. Chiều mai, ông cứ tin tưởng, yên tâm lại chỗ hội họp đó. Tôi kết: nhưng trước hết, ông phải nuôi lòng lạc quan và nhiệt thành đã.

Vài tuần lễ sau ông ta kêu điện thoại cho tôi hay mọi sự xảy ra như ý muốn. Ông ta bảo:

- Tôi tập có nhiệt tâm và tôi đã thấy có sự thay đổi lạ lùng trong người tôi, nên tôi quyết tâm tiếp tục. Tôi cũng đã theo lời ông khuyên: ngày nào cũng giúp cho ai một việc gì đó... Quả là lời khuyên của ông chí lý.

Bạn hỏi tôi:

- Nhưng phải làm cách nào để có được nhiệt tâm đó? Giản dị lắm: mới đầu cứ làm bộ như mình có nhiệt tâm, đóng trò riết rồi thì mình thay đổi mà không hay. Đó là một thuật tâm lý ai cũng nhận là đúng: muốn trút một tình cảm xấu nào thì cứ làm bộ có tình cảm ngược lại: bạn khốn khổ ư, cứ làm bộ như mình là người sướng nhất đời, và bạn sẽ thấy đỡ khổ. Bạn cứ làm bộ có nhiệt tâm rồi thì sẽ thực sự có nhiệt tâm.

Tiếng Anh enthusiasm, Pháp enthousiasme do tiếng Hy Lạp entheos nghĩa là "có thần linh ở trong lòng". Vậy theo nghĩa gốc, nhiệt tâm là một thần cảm, một tình cảm về tâm linh, phát từ chỗ sâu thẳm của linh hồn, tác động tốt của nó tới sức khỏe thật hiển nhiên, gần như có thể đo được.

Một danh y đã quả quyết rằng:

- Mất nhiệt tâm thì người ta có thể chết được, vì cơ thể không chịu nổi sự chán nản khi thấy sống không có ích lợi gì cả.

Một vị khác nói chuyện về sức mạnh tâm lý của tinh thần lạc quan, bảo tôi:

- Những ý nghĩ rầu rĩ nếu hiện ra thường thì làm cho cơ thể ta dễ bị nhiễm độc gấp bội. Lòng lạc quan, tin tưởng, nhiệt tình tạo cho ta một thứ áo giáp để chống với vi trùng. Tôi nhận thấy rằng những người có thái độ tin tưởng thường mau hết bệnh hơn những người khác. Không còn nghi ngờ gì nữa, nhiệt tâm là một nguồn sức khỏe dồi dào nhất.

Những người thành công, những người xây dựng được cái gì cho xã hội, đều có một nhiệt tâm bất tận trong khi làm việc. Họ không đánh giá thấp công việc cùng khả năng của họ; trái lại họ hăng hái làm việc, nhờ vậy mà sức sáng tạo của họ tăng lên. Chrysler, nhà chế tạo xe hơi, một hôm bảo:

- Bí quyết để thành công là sự nhiệt tâm. Hễ làm việc mà hăng hái như điên thì là có cơ thành công rồi đấy.

Công việc hằng ngày của bạn nhạt nhẽo quá thì bạn gia vị cho chút dấm ớt vào, bạn sẽ thấy nó hóa ra thú vị, như có phép thần vậy. Chỉ nhờ ý nghĩ của bạn mà bạn có thể làm cho cuộc đời của mình hết buồn tẻ, thành một cuộc mạo hiểm say mê, đáng sống. Quả quyết yêu công việc của bạn đi, tận tâm, nhiệt tâm làm nó, thì dù nó là công việc gì, bạn cũng sẽ thấy nó đẹp, bạn nên tin tôi đi.

Norman Vincent Peale

MỘT EM NHỎ ĐÁNG LÀM GƯƠNG CHO NGƯỜI LỚN HỌC TẬP

Tôi được biết em Larry hỏi tôi dạy học ở một trường ngoại ô Minneapolis. Mới tựu trường được mấy bữa, chiều hôm đó tôi ngồi lại trong lớp khi trẻ đã về hết; lớp học suốt buổi ồn ào như chợ, lúc đó tĩnh mịch một cách không tưởng tượng được. Tôi bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Rồi một thiếu phụ duyên dáng hiện ra ở bậc cửa, rụt rè nói với tôi:

- Ông hiệu trưởng khuyên tôi lại kiểm cô. Ông có báo trước cho tôi biết rằng lớp II của cô đông, cô bận rộn lắm, nên tôi không lại thăm cô ngay từ buổi đầu. Tôi nghĩ nên đợi ít bữa cho cô có thì giờ tổ chức lớp học đã.

Bà ta ngắm nghía những bàn đánh bóng loáng, những chiếc ghế dựa xinh xinh, những cuốn sách bìa dày màu rực rỡ, những hình vẽ của các em treo ở tường, có vẻ thèm thuồng lắm, nói nhỏ nhỏ:

- Ước gì cháu Larry được đi học.

Tôi hỏi:

- Larry nào?

- Cháu trai của tôi. Cháu đủ tuổi rồi. Từ tháng sáu vừa rồi, cháu được sáu tuổi. Nhưng cháu đi không được mà tay cử động cũng vụng về. Cháu mới vừa biết nói. Nhưng cháu có thể bò mà lết đi được. Tóm lại, mặc dầu cháu bị bệnh tê liệt giật giật, cháu cũng có thể làm được nhiều chuyện.

Bồng bà ta nhìn thẳng vào mặt tôi, vẻ chăm chú tuyệt vọng:

- Ông hiệu trưởng bảo để tùy cô quyết định. Tôi sẽ gắng hết sức để cho công việc của cô được dễ dàng. Giờ ra chơi, tôi sẽ lại đây đưa cháu đi cầu và dắt cháu ra sân chơi. Tới trưa, tôi sẽ lại cho cháu ăn. Đi đâu tôi cũng dắt cháu theo, tôi đặt cháu ngồi vào chiếc xe nhỏ của cháu. Cháu suốt ngày ngồi một mình, ít có cơ hội gặp các trẻ khác, mà cháu thích có bạn, yêu bạn lắm!

Tôi rất bức mình nghe bà ta biện hộ cho con như vậy để xin một chỗ học. Tôi bảo bà ta rằng tôi sẽ vui vẻ nhận em Larry, với lại em có quyền đi học như mọi trẻ khác. Không bao giờ tôi quên được vẻ mừng rỡ, ngạc nhiên và hoài nghi của bà ta.

Bà ta ra về rồi, tôi mới sực nhớ rằng tôi đã phải điều khiển một bọn sáu chục em nhỏ nghịch ngợm, phá phách và la hét đình tai. Mà bây giờ lại còn nhận thêm một em tật nguyền nữa! Nghĩ lại, bắt nó sống trong cái thế giới quỷ sứ này có tội cho nó không ?

Thân mẫu em Larry sáng hôm sau dắt con lại. Nó ngồi trong chiếc xe nhỏ, một hộp bút chì màu, một tập vở và một hộp bút đặt trên đùi. Em nhỏ thật ngộ: mắt lớn màu xanh dương, tóc vàng rủ xuống, bao một khuôn mặt tròn trĩnh. Khi tôi hỏi em, em mỉm cười, má lúm đồng tiền, nhưng rồi nét mặt em lại nghiêm trang, không vui mà không buồn, không chấp nhận mà cũng không từ chối.

Thân mẫu em khoe:

- Cháu ngồi vững lắm rồi.

Tôi gạt đầu, Larry y hệt các trẻ khác, chỉ trừ lâu lâu đầu lại giật giật. Thân mẫu em bồng em ra khỏi xe, đặt em ngồi lên một chiếc ghế dựa, trước một cái bàn thấp.

Tôi đề nghị:

- Chúng mình nên để em ngồi một mình như mọi trẻ khác lần đầu tiên tới trường.

Bà ta bằng lòng và bước ra ngoài.

Em Larry ngồi yên, rất ngoan ngoãn, trong khi các trẻ khác lần lượt vô lớp. Cặp mắt em ghi nhận hết thấy. Em chăm chú ngó các bạn cho tới khi tôi phát giấy vẽ và bảo chúng lấy hộp bút chì màu ra.

Tôi đứng bên cạnh em khi mở hộp bút chì màu. Em đang lấy ra một cây thì bỗng cánh tay em giật giật, em không làm chủ được cử động và tất cả các cây viết lăn xuống đất.

Các em khác cười rộ lên, mà người lớn thì cũng vậy khi có một việc gì bất ngờ xảy ra. Em Larry ngồi yên, lúng túng. Em cũng muốn góp vui với các bạn, nhưng ngỡ ngàng, không hiểu tại sao các bạn lại cười như vậy.

Tôi đợi cho các trẻ khác hết cười rồi mới ung dung bảo:

- Việc mới xảy ra không có gì ngộ nghĩnh, bí mật cả.

Tôi giảng vắn tắt cho chúng hiểu bệnh tê liệt giật giật và bảo trước cho chúng biết rằng những chuyện như vậy sẽ còn xảy ra thường. Rồi tôi quay về phía Larry, không kịp suy nghĩ gì cả, bảo em:

- Larry, con phải lượm bút chì lên chứ.

Larry trườn xuống, té sổng soài trên đất, rồi bấu lấy chân bàn, em quì lên được. Em lượm được một cây viết, cẩn thận đặt lên bàn. Rồi em bò tới kiếm một cây khác, vừa mới chụp được thì nó lăn ra xa. Em bò tới, đuổi theo, chụp được nó nữa và trở lại bàn.

Em tiếp tục lượm như vậy, một cách chậm chạp, khó nhọc, không ngừng mà cũng không ngược mắt lên. Mấy lần, cứ đưa tay ra chụp thì viết chì lại lăn đi, em lại đuổi theo, khó nhọc và siêng năng chuyên tâm vô cùng. Lượm hết rồi, em bò trở về chỗ, bấu lấy chân bàn, leo lên rồi ngồi phịch xuống ghế. Lúc đó em mới nhìn tôi, khẽ mỉm cười thích thú.

Lúc đó tôi mới bỗng nhận thấy rằng bọn trẻ bao vây chúng tôi và đứng ngó cảnh đó, hoàn toàn kinh ngạc. Nét mặt tôi chắc cũng kinh ngạc như nét mặt chúng. Chúng tôi đều thán phục

em Larry, thật là một nhân cách cao, có tính cương cường làm những việc khó khăn nhất mà không khi nào chịu nhờ người khác tiếp tay với mình cho việc được dễ dàng.

Tối giờ ra chơi, tôi ra lệnh cho các em xếp hàng. Larry không do dự, trườn xuống đất bò ra cửa. Gom hết sinh lực, em bám chặt vào chân các bàn, lết tới bằng đầu gối, thân mình thẳng thắn. Thân mẫu em đứng đợi ở cửa lớp với chiếc xe. Tất cả các em khác đòi được đẩy xe. Từ đó, em nào được đẩy xe thì mừng rỡ như được một đặc ân.

Sau buổi học đầu tiên đó, tôi biết rằng em Larry có một nghị lực phi thường, không gì lay chuyển nổi. Bất kỳ làm công việc gì em cũng theo cái lối lượm bút chì đó. Khi em viết hoặc vẽ, cánh tay em giật giật, run run, có lúc cây bút chì chạy vọt ra ngoài trang giấy thành một nét bậy bạ, nhưng em vẫn kiên nhẫn. Larry vẽ hình những em bé, nét run run, nhưng không bỏ dở.

Tới lúc tập đọc, em trườn xuống đất, lết tới phía trước lớp học. Em chú ý lắm, hết sức đọc cho đúng. Em nói được nhưng rất khó khăn, cơ thể em phải chiến đấu dữ dội mới phát ra được một tiếng. Cánh tay, vai em run bần bật, mặt em đỏ tía lên, trán nhóp mồ hôi. Nhưng em vui vẻ, theo các bài tập đọc, tràn trề hi vọng. Chiến đấu cực khổ bao nhiêu, em không nề hà, em chỉ nghĩ tới công việc em đương làm thôi.

Và tôi hiểu thêm ngay rằng lòng ham sống của em cũng mãnh liệt không kém nghị lực của em. Ở trong lớp cũng như ở ngoài sân, em không bỏ qua một cơ hội nào cả. Các trẻ khác bày các trò chơi để em có thể dự được và em luôn luôn vui vẻ dự. Nếu một trò chơi nào mạnh quá, em không dự được thì ngồi một chỗ mà ngó, nhưng ít khi em ngồi một mình vì thường có bạn lại bên cạnh, bảo:

- Tôi lại ngồi với Larry cho Larry có bạn.

Các bạn em giúp đỡ em trong việc học, tự cho là được một đặc ân khi đuổi theo chụp một cây viết chì hoặc lượm một vật gì khác đem lại trả em. Larry không than thân, mà cũng không bao giờ tỏ vẻ lúng túng khi có người giúp đỡ. Dĩ nhiên em không bao giờ ngờ rằng chính em, em cũng giúp lại được cho các bạn. Nhờ có em mà các bạn em tập chia sẻ gánh nặng của người khác, đó là một kinh nghiệm làm cho tâm hồn các em phong phú lên.

Mùa xuân năm sau tôi phải rời thị trấn và trước khi đi, tôi lại thăm Larry tại nhà. Tôi thấy em đang đi đi lại lại giữa hai thanh ngang (để tập thể thao) mà thân phụ em dựng cho em. Em đưa tay chào tôi. Thân mẫu em bảo tôi:

- Cháu đã bắt đầu tập dùng nạng, cô biết tính cháu cương quyết lắm.

Phải, tôi biết rõ tính Larry rồi. Nếu có thể đi được thì em sẽ rón đi cho được; nếu không được thì em cũng không buồn. Không khi nào em ngừng lại để tự hỏi xem công việc có khó nhọc hay không, không bao giờ em do dự, suy tính hoài về công việc em phải làm, em chỉ nghĩ tới một điều là hoạt động.

Rồi sao em Larry sẽ ra sao? Em lên trung học và học giỏi. Em đã chống nạng mà đi lại khắp nơi được. Nhờ nghị lực, em vượt được mọi khó khăn mà bây giờ nói được như mọi người. Thật là một thiếu niên thông minh, quả quyết, hăng hái. Ngay từ hồi nhỏ đã vậy.

Virginia Gordon

LÒNG NHỚ ƠN LÀ MỘT ĐỨC QUÍ

Tuần trước, một buổi chiều đẹp trời, tôi thuê một chiếc taxi. Coi vẻ mặt và thái độ hung hăng khi nhấn ga, tôi hiểu ngay rằng người lái xe không được bình tĩnh. Tôi hỏi chú ta bực mình vì chuyện gì vậy?

Chú ta càu nhàu:

- Không bực mình làm sao được! Sáng nay một khách hàng bỏ quên trong xe tôi một cái ví, trong đó có gần 50.000 quan [1]. Tôi bỏ ra trên một giờ đồng hồ để tìm hắt, sau cùng tìm được trong khách sạn hắt trọ. Ông tưởng hắt đã cảm ơn tôi vài lời ư? Hắt đỡ lấy cái ví và ngó tôi như thể tôi đã ăn cắp của hắt.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Người đó không thưởng cho chú một đồng nào ư?

- Một xu cũng không. Công tôi đi tìm cả giờ, lại thêm tiền xăng nhớt nữa, mất toi! Tiền nong, tôi không cần. Nhưng nếu thằng cha đó cảm ơn tôi một tiếng thôi...

Thế là cả ngày hôm đó chú ta hết vui vì lỗi của một kẻ không biết nhận đúng cử chỉ lương

thiện và lòng hảo tâm của chú; và tôi tin chắc rằng từ bữa đó chú sẽ suy đi tính lại trước khi giúp ai một việc như vậy. Hết thấy chúng ta, khi làm một việc thiện đều muốn người ta tỏ lòng biết ơn mình; không có gì diệt lòng nhân từ, đoàn kết bằng thói vong ân.

Trong thế chiến vừa rồi, bà mẹ của một người lính nhảy dù Mỹ nhận được một bức thư của con cho hay rằng trong lúc bị thương và đói khát, đã được một người đàn bà ở Avranches cứu giúp, giấu không cho tụi Đức bắt. Chẳng may ít tháng sau chính người lính đó tử trận trong khi tấn công Ardennes. Nhưng bà mẹ anh ta vẫn tiếp tục thực hiện một ước nguyện không thể nào quên được. Bà dành dụm tiền trong hai năm để vượt Đại Tây Dương, lại thành phố ghi trong bức thư của con trai. Phải dò hỏi lâu bà mới kiếm được người đàn bà đã cho con trai bà trú ngụ - vợ một tá điền nghèo - và rụt rè đưa biếu người đó một gói nhỏ. Trong gói có một chiếc đồng hồ vàng, mà con trai bà được thưởng khi đậu một bằng cấp tốt nghiệp; chàng chỉ có mỗi vật đó là đáng giá.

Cử chỉ biết ơn của một người mẹ đó làm cho toàn dân miền Normandie rất đổi cảm động, ở Avranches và khắp cả vùng chung quanh ai cũng nhắc tới, gần như một truyền kỳ.

Lòng biết ơn là nghệ thuật nhận ơn huệ một cách vui vẻ, nhã nhặn, tỏ rằng mình cảm động trước mọi dấu hiệu nhân từ của người khác, dù lớn dù nhỏ. Phần đông chúng ta đều biết tỏ nỗi mừng khi được ai vui vẻ tiếp đãi hoặc tặng một món quà, cho hưởng một cái lợi rõ rệt nào đó. Nhưng phải tìm cách biểu lộ lòng biết ơn một cách thật thành thực, không có vẻ gì xã giao thì nghệ thuật mới hoàn toàn.

Mới đây, trong khi vợ chồng tôi đi du lịch ở miền Nam nước Ý, tôi gửi về tặng một ông bạn thân vài chai rượu vang thổ sản mà chúng tôi cho là rất ngon. Món quà chẳng đáng gì, vậy mà ông bạn tôi đã viết thư cảm ơn lại còn gửi cho một đĩa hát nữa. Đĩa đó ghi giọng nói của bạn tôi, sau bữa ăn tối, tả nỗi vui của các khách khứa và chính ông ta khi được nếm rượu và cảm ơn chúng tôi đã nghĩ tới họ. Lối cảm ơn đó thực độc đáo; và chúng tôi rất sung sướng khi biết rằng món quà đã làm cho họ thích.

Không gì làm phật ý người ta bằng lối cảm ơn ngoài miệng. Ông bạn già của tôi, James Barrie mà các vở hát và các tác phẩm tỏ rằng đã hiểu rõ tâm lý thanh niên, thường kể câu chuyện này:

- Một buổi chiều nọ, một ông bạn tôi gốc gác ở Ecosse và tôi đương bàn bạc về công việc làm ăn. Đứa con gái ông, chín tuổi, bước vô để dâng ông những chiếc bánh kẹp em mới làm xong vì biết ông thích thứ bánh đó. Ông bực mình vì câu chuyện bị ngắt, làm bộ nhăm nháp một chút,

vội vàng khen em một lời nho nhỏ nhưng vẻ mặt vẫn nhăn nhó, rồi tiếp tục ngay câu chuyện bỏ dở. Em đó lúng túng, rất rầu rĩ, lặng lẽ bước ra. Vài tuần lễ sau má em hỏi em tại sao không làm bánh nữa.

Em òa lên khóc, la lớn: "Không khi nào con làm bánh kẹp nữa". Em tuyệt vọng.

Ông Barrie nói tiếp:

- Và từ đó, em tuyệt nhiên không làm bánh nữa.

*

* *

Lòng biết ơn, đôi khi không phải chỉ là một việc riêng tư. Con trai tôi học y khoa ở trường đại học Mc Gill kể chuyện rằng một bệnh nhân chở lại đường Montreal, nhờ sang huyết mà được cứu sống. Khi khỏi bệnh ông ta hỏi:

- Có cách nào biết được tên người cho máu để tôi cảm ơn người đó không?

Người ta đáp rằng đường luôn luôn giấu tên những người cho máu. Về nhà được ít tuần, ông ta trở lại đường để cho máu và từ đó đến nay, đã mấy lần như vậy rồi. Một bác sĩ giải phẫu khen ông ta đã giúp đời một cách ẩn danh, ông ta chỉ đáp:

- Có một người ẩn danh đã giúp tôi. Tôi làm như vậy để đáp lại.

Thật là một điều phấn khởi khi ta nghĩ rằng lòng biết ơn có khi không phải chỉ là một tình cảm thoáng qua đâu mà có thể như một nguồn nước suốt đời không cạn. Một người chồng nhớ hoài một lần nào đó vợ đã tận tình hi sinh cho mình, một người vợ nhớ hoài những món quà chồng tặng mình, nhờ vậy sự hòa hợp trong gia đình sẽ tăng lên vô cùng. Nhà tự nhiên học W.Hudson kể câu chuyện dưới đây:

- Một buổi tối nọ, tôi dắt một ông bạn thân về nhà, gặp bữa, mời ông ăn. Ăn xong, ông ta bảo: "Anh thật có phước, chị nhà yếu đuối, phải săn sóc các cháu mà còn nấu cho anh được những món ngon như vậy". Lời khen đó đã mở mắt tôi ra: nhờ ông bạn đó mà tôi mới thấy sự can đảm hàng ngày của nhà tôi mà trước kia tôi cứ cho là tự nhiên, và từ đó tôi tỏ lòng mang ơn nhà tôi.

Thái độ nhã nhặn khi nhận ơn đó, phải được biểu lộ trong cả những tiểu tiết, những việc lật vạt. Người đưa thư, người giao sữa, người hớt tóc, chị hầu bàn ở khách sạn [2], người điều

khẩn trương máy, đều là người giúp việc cho ta quanh năm. Ta biết cảm ơn họ thì những giao tế đó không có tính cách máy móc nữa mà còn đượm thêm cái tình người, nhờ đó những công việc đơn điệu hàng ngày đỡ buồn tẻ, hóa dễ chịu hơn. Mấy năm trước, có lần tới Cannes, tôi ở chung một khách sạn với huân tước Grey, một chính khách Anh. Tôi nhận thấy ông cảm ơn người giữ cửa mỗi khi người này mở cửa cho ông. Một hôm tôi đánh bạo hỏi tại sao ông lại mất công như vậy. Ông ngó thẳng vào mặt tôi, đáp:

- Tại chú ấy đã mất công giúp tôi.

Một bệnh nhân của tôi, bán vé ô tô buýt ở Londres, một hôm tâm sự với tôi rằng:

- Có nhiều lúc tôi ngán công việc của tôi quá. Thiên hạ kêu nài, làm tôi chịu không nổi, họ không bao giờ đem theo tiền lẻ cả. Nhưng có một bà sáng nào chiều nào cũng đi chuyển xe của tôi và lần nào cũng nhã nhặn cảm ơn khi tôi phát vé cho bà. Tôi cứ tưởng tượng rằng bà thay mặt tất cả hành khách mà cảm ơn tôi, có vậy tinh thần tôi mới phấn khởi lên được.

Có khi phải cho tiền thưởng; những lúc đó chúng ta nên nhớ rằng một nụ cười, một lời không sáo còn quý hơn món tiền thưởng nữa. Một ông bạn thân của thi hào Paul Valéry có thói quen ăn bữa trưa ở một quán trọ nhỏ ở Paris, ông ta làm thỉnh khi người hầu bàn dọn ăn cho, không khen chê gì cả và lần nào cũng thưởng một món tiền hậu hĩ. Valéry một hôm lại cùng ăn với ông và khi đi, mỉm cười cảm ơn người hầu bàn, khen rằng nhờ cách tiếp đãi niềm nở, khéo léo mà bữa ăn ngon hơn nhiều. Người hầu bàn đó nhớ hoài Valéry và cứ thỉnh thoảng lại hỏi thăm ông.

Ông giám đốc một nhà xuất bản nhỏ thường khen tài năng của cô thư ký. Một hôm, nhà văn Arnold Bennett lại thăm ông ta, nói với cô thư ký:

- Ông chủ của cô khen cô là một thư ký tuyệt luân.

Cô ta đáp:

- Đâu phải là bí quyết của tôi, chính là bí quyết của ông chủ tôi đấy chứ.

Mỗi lần cô làm xong một việc gì dù là nhỏ nhặt tới đâu đi nữa, ông giám đốc cũng không quên cảm ơn cô. Nhờ được khuyến khích như vậy, cô tận tụy làm cho đến nơi đến chốn.

Không có gì làm cho đời sống - của chúng ta và của người khác - vui tươi rục rịch hơn là lòng

biết ơn. Tôi biết một y sĩ cho một số bệnh nhân thần kinh suy nhược cái toa này: "đa tạ". Khi một bệnh nhân tới nhờ ông chẩn mạch, có vẻ thất vọng, chán đời, óc chỉ nghĩ tới những đau khổ của mình thôi, mà cơ thể không có triệu chứng gì đau nặng cả thì ông ta khuyên:

- Liên tiếp sáu tuần lễ, hề có ai giúp ông một việc gì thì ông nói: "đa tạ", và để tỏ rằng trong thâm tâm thực tình ông mang ơn người đó thì ông nên vừa nói vừa mỉm cười nhé.

Có vài bệnh nhân bảo:

- Nhưng thưa bác sĩ, có ai giúp tôi được việc nào bao giờ đâu.

Vị y sĩ già đó, nhắc lại câu này trong Thánh kinh:

- Cứ tìm đi thì sẽ thấy.

Sáu tuần lễ sau, đa số bệnh nhân đó trở lại, thay đổi hẳn, không trách oán người khác nữa, tin rằng thiên hạ sao mà tự nhiên hóa ra tốt hơn, nhân từ hơn.

Có vài người không tỏ lời cảm ơn vì ngại quấy rầy người ta. Một bệnh nhân của tôi hết bệnh, rời dưỡng đường rồi, vài tuần sau trở lại để cảm ơn nữ y tá đã săn sóc cho mình.

Ông ta bảo:

- Tôi không dám tới sớm vì tôi nghĩ rằng có nhiều người lại cảm ơn cô quá, làm rầy cô.

Nữ y tá đó đáp:

- Trái lại. Ông lại thăm tôi, tôi mừng lắm chứ. Rất ít người hiểu rằng chúng tôi cần được khuyến khích, và những lời bệnh nhân khuyến khích chúng tôi làm cho chúng tôi phấn khởi nhiều lắm.

Vậy chúng ta đừng bao giờ nên ngại tỏ lời mang ơn người khác. Và chúng ta đừng nên quên rằng nụ cười, lời cảm ơn, những hành động biểu lộ lòng mang ơn của ta giúp cho người chung quanh ta có một thái độ lạc quan về đời sống.

A.J. Cronin

[1] quan cũ, bằng một phần trăm quan mới.

[2] người phương Tây bữa trưa thường ăn ở tiệm, tối mới về nhà.

NGHỆ THUẬT CHO

Đêm đông mà ngồi trước một lò sưởi, ngọn lửa cháy đều, củi nổ lách tách thì lòng ai cũng cởi mở mà câu chuyện nổ như pháo ran. Chị bạn tôi, bình thường kín đáo lắm mà tối đó cũng kể lể tâm sự:

- Có một điều làm cho tôi đau khổ nhất là chưa hề tặng ai được vật gì.

Tôi hiểu chị muốn nói gì rồi. Chồng chị đau hoài và hai anh chị nợ ngập tới cổ. Có ba người con, phải ráng cho chúng ăn học đàn ông, thành thử chị phải tiết kiệm từng xu một. Vậy mà, chị không biết đấy thôi, chứ khắp thành phố không ai được cái tiếng là hay giúp đỡ người khác bằng chị.

Nghe chị nói vậy, tôi giận, la lên:

- Chị là người rộng rãi nhất mà tôi được biết, tôi xin giảng cho chị nghe.

Thế là chúng tôi nói chuyện về cái việc tặng lẫn nhau, có đi có lại trong đời sống hàng ngày của mọi người. Lần lần vẻ mặt chị tươi ra. Chị đã hiểu cái đức rộng rãi theo một quan niệm mới.

Trước hết chúng tôi nói về tiền nong, vì nói tới rộng rãi thì thường thường người ta nghĩ nhiều nhất tới tiền nong. Dĩ nhiên, không nên coi thường những cơ quan do các phú gia thành lập, vì những cơ quan đó làm được nhiều công việc từ thiện lớn lao. Nhưng tôi cho rằng chính các nhà tỉ phú đó cũng phải nhận rằng lòng nhân từ chân chính biểu lộ bằng những cách khác còn đẹp đẽ hơn nữa.

Trong hồi dịch cúm ghê gớm năm 1918, khi mà y sĩ và y tá tối tăm mặt mũi vì công việc, tình cảnh trong các dưỡng đường, bệnh viện thật là thảm hại thì hội viên của một hội thượng lưu

nọ ở New York quyết đem sức lực ra giúp đồng bào. Họ giàu có và đã lớn tuổi, có thể chỉ ký một chi phiếu để giúp bệnh nhân, như vậy cũng đủ rồi. Vậy mà họ khoác áo "bờ lu" trắng tới bệnh viện cạo sán, săn sóc, tắm rửa các bệnh nhân, vỗ về các người hấp hối, an ủi những gia đình đau khổ, mà không ngại mệt nhọc, cũng không sợ lây bệnh. Đó mới là một tấm gương nhân từ chân chính, vì tặng ai bản thân mình mới quý hơn là tặng tiền.

Giá trị một tặng vật tùy thuộc hai yếu tố: hảo ý của người tặng và tinh thần của người nhận. Một ông bạn tôi kể chuyện rằng năm đó, nhân ngày sinh nhật của ông, vợ ông tặng ông một cây mộc lan (magnolia). Ở sở về sớm hơn thường nhật, ông thấy chú làm vườn ông chỉ muốn có nửa buổi, đương đào một cái hố, mặc dầu hôm đó không phải là ngày chú lại làm cho ông. Ông kể:

"Chú làm vườn hay rằng nhà tôi tặng cho tôi một cây mộc lan, bảo tôi:

- Tôi nghèo, nhưng cũng muốn tặng ông một cái gì và tôi tặng ông cái hố này đây.

Chưa bao giờ một tặng vật làm cho tôi cảm động như lần đó. Tôi không nói quá đâu!"

Khi tặng tiền thì càng tế nhị hơn khi tặng các vật khác. Sarah Bernhardt luôn luôn để một cái chén đầy tiền trong một gian phòng kín đáo. Các bạn đào kép của bà biết rằng có túi tiền thì vô đó mà lấy, chẳng ai thấy đâu. Một họa sĩ nổi danh cũng noi gương đó, bảo tôi rằng thỉnh thoảng, ông lại thấy cái chén tự nhiên đầy tiền, như có phép thần vậy. Thì ra người được ông giúp đã thành một người hảo tâm giúp đỡ lại bạn bè.

Có nhiều người đau lòng khi phải nhận tiền của ai. Gia đình một người hàng xóm nọ của bà S. thành linh đau. Bà tặng họ một số tiền để mướn nữ y tá và người giúp việc nhà. Bà giàu mà họ nghèo. Họ từ chối. Bà bèn đích thân săn sóc họ, đi chợ, làm bếp, tới khi cơn nguy kịch của họ qua rồi thì bà vì quá sức mà hóa đau, nằm liệt giường. Những người láng giềng đó vì tự ái một cách vô lối, không nhận tiền bà giúp mà bắt bà phải chịu cực khổ như vậy, quả là không tốt đối với bà chút nào cả.

Cho nên phải biết vui vẻ nhận mới là con người lịch sự. Không vui vẻ nhận thì có thể làm phật lòng người tặng, gây một vết thương lòng cho người đó. Tôi nhớ có lần gặp ông chồng một bà bạn tôi trở về nhà, tay ôm một gói lớn, vẻ mặt hí hửng như một học sinh được nghỉ hè.

- Chị biết chứ, nhà tôi vẫn mong có một chiếc áo măng tô bằng da lông. Hai năm nay tôi ki

cóp từng đồng mỗi chỗ một chút, và mới mua được một chiếc áo này đây. Hôm nay là ngày kỷ niệm lễ cưới của chúng tôi. Mời chị về với tôi! Chị sẽ thấy nhà tôi vui mừng ra sao.

Tôi theo ông ấy về nhà. Bà vợ mở gói ra rồi la lên:

- Minh! Tại sao lại mua thứ này tốn kém quá, mà chúng mình cần có một tấm nệm mới kia!... (Bà ta nói tiếp nhưng chẳng vui vẻ chút nào)... Dĩ nhiên, mình thật tốt bụng.

Câu vuốt đuôi đó thốt ra trễ quá rồi. Ông chồng mất cái vui tặng vợ, mà công hai năm ki cóp vì tình âu yếm hóa ra công toi.

Tôi cũng nhớ một thái độ trái ngược hẳn : Một hôm một bà giàu có, phàn nàn rằng bận việc mà sắp phải lặn lội ra tỉnh mua một món đồ. Lần đó tôi mới có dịp giúp đỡ bà ta, nhận đi mua giùm cho. Tôi ngạc nhiên và xúc động làm sao khi thấy bà mừng rỡ tới rưng rưng nước mắt và bảo tôi:

- Thật tôi không ngờ chị chịu lặn lội như vậy để làm vui lòng tôi!

Việc tôi làm giúp đó có đáng kể gì đâu mà bà đó niềm nở cảm ơn tôi như vậy làm cho tôi có cảm tưởng rằng chính bà đã gia ân cho tôi. Và tôi nhớ lại câu này đọc trong một cuốn nào đó:

"Vui vẻ nhận của ai một món quà, thì cũng như là đã tặng lại người đó một món khác rồi, mặc dầu mình không có gì để tặng".

Tôi nhận thấy rằng không có tặng vật nào đáng quý hơn là thì giờ của mình. Vì tặng ai thì giờ của mình chính là tặng người đó một phần của bản thân mình. Một hôm ông bạn tôi đương mải làm một việc gấp thì đưa con trai của ông vô. Ông đưa cho nó một con dao nhỏ, một cây viết chì, một đồng bạc cắc để nó chơi, nhưng nó không thích mấy thứ đó.

Ông hỏi nó:

- Vậy chứ con thích cái gì?

Đứa nhỏ đáp:

- Con chỉ thích ba thôi.

Chúng ta biết nhiều bậc cha mẹ bề ngoài có vẻ rộng rãi, không từ chối con cái một chút gì, có

thể nhìn ăn nhìn tiêu cho chúng nữa. Vậy mà nhiều khi những đứa con được nuông chiều lại hóa ra vong ân.

Cha mẹ nào mà sáng suốt hơn thì nhận thấy rằng không nên cho trẻ nhiều tiền mà phải cho chúng nhiều thì giờ của mình.

Một nhà kinh doanh làm ăn thịnh vượng hỏi một ông hàng xóm:

- Ông có biết Noel này tôi cho cháu món quà nào không?

Ông hàng xóm tưởng rằng món quà tất đắt tiền lắm, cho nên ngạc nhiên làm sao khi thấy ông nọ chìa một miếng giấy chỉ có mấy hàng chữ này: "Con cưng của ba: ba cho con mỗi ngày một giờ và mỗi chủ nhật hai giờ của ba để con tùy ý dùng. Ba của con".

Ông hàng xóm đáp:

- Đó là món quà quý nhất mà một người cha có thể - và phải - tặng cho con.

Một món quà không cần phải đắt tiền; cũng vậy, thì giờ tặng người khác không cần phải nhiều. Nếu chúng ta không rảnh để bỏ ra cả một buổi chiều đi thăm bạn được thì kêu điện thoại ít câu, không có thì giờ viết một bức thư thì gửi một tấm bưu thiếp.

Mới chỉ thành thực và nhã nhặn thì chưa phải là nhân từ. Trước hết, cần phải biết tưởng tượng nỗi khó khăn cùng nhu cầu của người khác rồi tìm cách giúp sao cho có lợi cho họ. Có một điều tôi muốn dạy cho trẻ trước cả những điều khác là chỉ cho chúng nghệ thuật tự đặt mình vào địa vị người khác, hiểu sự cực nhọc của mẹ, nỗi ưu tư của cha, nỗi sợ sự cô độc của em, rồi tận tâm tìm cách làm nhẹ bớt cái gánh đó cho người thân. Trẻ mà có ý thức tập được tính đó thì sẽ giữ được nó suốt đời và lớn lên, tới đâu cũng được mọi người quý mến.

Phần nhiều ai cũng thích tặng. Cũng may mà có nhiều cách tặng lắm. Thấy người khác gặp may hoặc thành công mà mình cũng vui lây; hoặc khoan hồng với người khác, chấp nhận quan điểm của họ, nhận rằng ai cũng có quyền có ý kiến riêng, có cá tính riêng, như vậy cũng là một cách tỏ rằng mình rộng rãi, nhân từ.

Biết nhã nhặn, tránh những lời nói, những hành động khinh suất, tàn ác, cũng là có lòng nhân từ nữa; kiên nhẫn nghe người khác kể lể nỗi khổ của họ, có thiện cảm chia sẻ nỗi khổ tâm, thất vọng, rầu rĩ của người, cũng là một hình thức từ tâm.

Trong mọi cách từ tâm, cách quan trọng nhất có lẽ là nghi ngờ, không tin, không kể lại những lời nói xấu người khác và sẵn sàng tin những điều tốt về họ.

Chị bạn ngồi nói chuyện với tôi ở trước lò sưởi mà tôi đã kể ở trên, mới đây hay tin rằng một người trong bọn chúng tôi bị xã hội tẩy chay. Chị đã tìm ra nguyên do: chỉ tại một lời vu cáo dễ tiện mà kẻ có dã tâm thốt ra đã phải rút lại trước đám đông.

Tôi bảo chị:

- Chị có những cách thức nhân từ như vậy, không ai hơn được: chị hết lòng với mọi người.

Dưới ánh lửa, tôi thấy chị e lệ mỉm cười, như đã được nhận một lời an ủi bất ngờ.

I. Wylie

NGHỆ THUẬT NHẬN

Theo nguyên tắc thì không có dấu hiệu nào tỏ lòng nhân từ, thân thiết bằng tặng người khác một vật gì. Nhưng chúng ta thường quên rằng trong công việc đó luôn luôn có hai người: người tặng và người nhận.

Tôi nhớ có lần một chị đồng sự của tôi bỗng nhiên bị đuổi vì những biến cố khá rắc rối mà chị không chịu trách nhiệm. Lại thêm nông nổi trong nhà chị đương có nhiều chuyện lo lắng: một cô em đau nặng, chị thì thiếu một món nợ lớn. Những khó khăn đó, do tình cò nghe được vài mẩu chuyện trong điện thoại.

Vài ngày sau khi chị thôi việc rồi, tôi gửi biếu chị một bó hoa rất đẹp, thú thực hồi đó món tiền mua hoa đó đối với tôi quả là nặng. Chị kêu điện thoại nói với tôi:

- Chị không bao giờ ngờ được đâu, chị đã an ủi em đến bậc nào. Khi em trông thấy người đem bó hoa lại, em khóc, chị ạ. Sau mấy tuần nay, mấy tuần u ám đặng đặng, em mới thấy được một tia nắng. Chỗ em xin việc bảo em ngày mai tới để người ta xét đơn, và hôm nay là lần đầu

tiền em mới lại thấy yêu đời một chút.

Thái độ của chị ấy khi nhận bó hoa của tôi một cách thành thực, vui vẻ, không lúng túng, không hề bảo tại sao tôi lại phí tiền như vậy, làm cho tôi thích quá và tôi rút được kinh nghiệm này. Nhận một cách giản dị, không màu mè gì cả là cách làm cho người tặng vui lòng nhất. Người khác tặng ta bất kỳ một thứ gì - một món quà, một lời khuyên, một lời vỗ về, tỏ tình quý mến, hoặc tiếp đãi ta tại nhà, giúp đỡ ta một việc - thì ta cũng nên nhã nhận, vui vẻ nhận. Không có cách cảm ơn nào hiệu nghiệm hơn cách đó.

Biết nhận một cách nhã nhận là việc khó khăn hơn là biết tặng. Bạn không tin như vậy ư ? Xin bạn suy nghĩ về cách bạn nhận lời khen của người khác ra sao.

Một hôm tôi được mời tới dự một cuộc hội họp nhỏ, mà chủ nhân muốn giới thiệu vị hôn thê của một người bạn thân. Thiếu nữ đó là người Pháp, gần như không biết nói tiếng Anh, nhưng nàng thành thực, vui vẻ chú ý tới chúng tôi, mà nàng lại đẹp đẽ, dễ thương thành thử chúng tôi bao vây nàng, khen nàng đủ điều, giá nàng hiểu được chắc phải thẹn đỏ mặt lên. Sau cùng nàng khẽ chạm vào tay vị hôn phu hỏi xem chúng tôi nói gì vậy. Vị hôn phu của nàng mỉm cười, giảng cho nàng ít lời mà tôi không còn nhớ rõ. Nhưng tôi nhớ rằng nàng ngó chúng tôi, khẽ cúi đầu chào rồi nói bằng tiếng Anh: "Đa tạ".

Lời cảm ơn bình dị đó có kết quả lạ lùng. Chúng tôi bỗng có cảm tưởng rằng được nàng đặc biệt chú ý tới một cách nhã nhận, tế nhị. Mà nàng có làm gì đâu, chỉ thành thực nhận lời khen của chúng tôi thôi.

"Bàn tay nắm lại thì không nhận được"; tấm lòng không cởi mở ra thì cũng không nhận được. Một bà nọ giữ một chức vụ quan trọng trong một công ty chiếu bóng, nhân dịp lễ Noel tặng cô thư ký một chi phiếu, và xin lỗi cô vì bận việc quá không thể ra tiệm lựa cho cô một món quà được. Cô thư ký mỉm cười đáp:

- Thưa bà, cháu mừng quá, nhẹ hẳn lòng đi. Cháu cũng ở trong cảnh của bà và nghĩ hoài không biết nên thưa với bà ra sao để bà nhận cho vật mọn này.

Rồi cô ta cũng chìa ra một tấm chi phiếu, số tiền nhỏ hơn nhiều.

Tức thì bà nọ thụt tay lại, diễn thuyết một hồi về lương lậu nhỏ nhoi của một nữ thư ký, và bảo nếu vậy thì bà, ở địa vị chủ, có thể giảm số tiền ghi trên chi phiếu đi, vân vân.

Cô thư ký làm thỉnh nghe, sau cùng thưa:

- Được bà chủ như bà, cháu thật có phước, bà đã dạy cho cháu biết công việc. Nhưng có một điều mà cháu có thể - xin lỗi bà - dạy lại bà được: tức nghệ thuật nhận. Nghệ thuật đó làm cho đời sống mọi người dễ chịu hơn biết bao?

Bà nọ sững sờ, sau cùng bảo:

- Cô có lý đấy. Vậy xin cô cho tôi lại tấm chi phiếu đó. Tôi vẫn muốn mua một đôi vớ tốt mà còn ngại tốn tiền. Cảm ơn cô nhiều.

Người ta cho mình hay tặng mình cái gì thì cứ nhận liền, bất chấp qui tắc này qui tắc nọ, như vậy có lẽ mới thực là nhã nhận, lịch sự đấy. (...)

Tôi ráng tập cách nhận vật tặng của người khác, để cho những vật đó làm cho đời của tôi và đời của họ phong phú lên. Mới cách đây vài ngày, một chị bạn còn trẻ, có chồng rồi, không có dư tiền để phung phí, ở rất xa, kêu điện thoại bảo rằng nhớ tôi lắm, đúng vào một lúc tôi cần được an ủi. Hết ba phút nói chuyện rồi, tôi muốn bảo cô giữ điện thoại: "Cô để cho tôi nói chuyện thêm ít phút nữa, phí tổn tôi sẽ chịu."[*] Nhưng tôi suy nghĩ lại kịp, nếu không thì xấu hổ quá, có khác gì bảo thẳng vào mặt chị bạn tôi: "Chị nghèo, để tôi trả tiền cho". Nhận một thiện cảm của bạn mà thiếu lịch sự như vậy ư? May quá, tôi ngừng lại ngay, chào chị bạn và liền sau đó, gửi cho chị một bức thư tỏ nỗi vui của tôi khi chị kêu điện thoại hỏi thăm tôi.

Michèle Drury

[*] Vì ở xa kêu điện thoại tốn tiền lắm, cô bạn kia nghèo, chỉ đủ tiền kêu trong ba phút thôi.

LÀM VUI LÒNG NGƯỜI LÀ MỘT NGHỆ THUẬT TẾ NHỊ

Cách đây mấy năm, đi du lịch xứ Ecosse bằng xe ca, tôi ngồi bên cạnh một bà cao mà gầy, làm

chủ một trại ruộng.

Bà ta bảo tôi:

- Bà là người Mỹ, giữa mùa đông này mà qua đây du lịch miền Bắc làm chi! Thời tiết trên đó lúc này xấu lắm.

Tôi đáp rằng tôi không ngại các cơn đông tố, và tôi đang thu thập tài liệu để viết một tiểu thuyết lịch sử, nên muốn được hỏi chuyện các người nhà quê còn thuộc các truyền kỳ, các phong tục trong miền gần như bốn thế kỷ nay vẫn chưa thay đổi.

Bà ta mời tôi tối đó nghỉ ở nhà bà:

- Nhà chúng tôi không rộng rãi nhưng ấm áp. Với lại có bà tới cũng vui nhà, vì những khi nhà tôi đi vắng, tôi sống một mình lẻ loi lắm.

Khi tới ngôi nhà nhỏ bằng đá của bà ở sườn một ngọn đồi trống gió thì mưa đổ xuống tầm tã.

Một đoàn chó béc giê ủa ra sủa mừng chúng tôi. Tôi vô một phòng khách nhỏ bày biện sơ sài nhưng rất sạch sẽ.

Bỗng mấy ngọn đèn nháy nháy rồi tắt. Bà chủ nhà thở dài:

- Tắt điện rồi.

Bà vừa mới đốt mấy ngọn đèn cầy và đương nhúm lửa trong lò sưởi thì có tiếng gõ cửa.

Bà ra mở cửa cho một em trai vô, lột cái áo ngoài và cái mũ nâu ướt đầm cho em. Em lại gần lò sưởi và dưới ngọn lửa, tôi thấy em trạc mười hai tuổi mà tật nguyền.

Nghỉ một chút cho hết hỗn hển rồi em mới nói:

- Ba con muốn kêu điện thoại hỏi bác, nhưng tắt điện. Con qua xem bên bác có sao không.

- Không sao cả, cảm ơn cháu John.

Và bà Mc Intosh giới thiệu chúng tôi. Một cuồng phong rít lên, các cánh cửa lá sách đập rầm rầm. Tôi nói:

- Tôi thích những cơn dông tố gầm lên như vậy, những lúc này mà thấy ngọn lửa sáng rực trong lò thì thú tuyệt.

Em John hỏi :

- Bà không sợ sao?

Tôi sắp đáp "không" thì bà chủ nhà - coi bộ mạnh dạn lắm, không biết sợ là gì - vội đáp một câu mà em trai nào cũng thèm được nghe:

- Sợ chứ cháu. Nhưng bây giờ đã có đàn ông trong nhà rồi, cũng vững bụng.

Mọi người làm thinh một chút. Rồi em John nói:

- Cháu đi coi xem các cửa đã đóng kỹ chưa.

Rồi em khắp khiêng bước ra ngoài, vẻ trịnh trọng lắm.

Câu chuyện đó làm cho tôi cảm động, mấy tuần sau vẫn ám ảnh tôi hoài. Tại sao mình không nghĩ ra được như bà Mc Intosh một câu đáp tài tình, khéo léo và âu yếm để trả lời câu hỏi của em đó nhỉ? Trong đời mình đã biết bao lần rồi, vì tính ích kỷ mà mình không nhận ra được nhu cầu của người khác?

Có lẽ con tim mình đã thêm thiếp ngủ từ lâu rồi chẳng? Nhưng lần này thì nó đã tỉnh dậy và quyết kéo lại thời gian đã mất, mà cũng tò mò muốn biết nữa. Do phép màu nào mà bà Mc Intosh đã làm cho em trai tật nguyền đó thành một nam nhi tự tin? Lòng tốt của bà là do bản năng hay là do cố ý? Do lòng trắc ẩn hay do tính tế nhị, hay là do cả hai? Tôi nhớ lại một triết gia bạn thân của tôi gọi thứ nhân từ đó là "sự tế nhị của lòng".

Ôn lại dĩ vãng tôi thấy chính tôi cũng đã mấy lần được những người có tính thiên phú đó giúp đỡ, đã mấy lần cảm động vì một câu hoặc một cử chỉ khoan nhân. Thân mẫu tôi đã bao nhiêu lần hành động như vậy khi tôi còn nhỏ và có nhiều nhược điểm; chỉ một cử chỉ tế nhị của người mà tôi hiểu được ý nghĩa quý báu của phẩm cách con người!

Hôm đó - hồi tôi bảy tuổi - người sửa soạn để đãi bạn bè một tiệc trà long trọng. Tôi muốn giúp người, hái một bó bồ công anh (pissenlit) để tặng người. Nhiều bà mẹ trong trường hợp đó thốt một lời cảm ơn xong rồi liệng mấy cành xấu xí đó vào một bình sữa cũ, đem hết thả

xuống bếp. Má tôi thì không, đem chúng vào bình bông đẹp nhất, đặt lên nắp bàn piano, giữa hai chân đèn lớn. Và người rất hồn nhiên giảng cho các bà bạn rằng đó là bó hoa của cháu Betty đấy". Bây giờ đây, trong các cuộc hội họp sang trọng tôi không thể nhìn một bình bông nào mà không nhớ niềm hãnh diện của tôi hồi đó khi thấy bó bồ công anh của mình được quý hơn một bó hồng.

Con người tế nhị trước hết hiểu thấu tình cảm của người. Hồi còn nhỏ tôi được anh tôi dạy cho tôi điều đó trong một buổi dạ hội có khiêu vũ. Một thiếu nữ nọ e lệ, xấu xí đứng trơ trơ một mình trong một góc, không ai mời vũ. Anh tôi thấy vậy, cảm động lại mời cô ta vũ và một phép màu đã xảy ra. Cô ta vui vẻ hóa ra tươi tỉnh gần như đẹp nữa. Một cậu khác cũng lại xin vũ và rốt cuộc cô ta vũ gần hết buổi tối đó.

Thái độ phong nhã đó làm cho loài người thân mật với nhau, nó có thể làm cho cuộc đời hôn nhân sáng rực lại. Một bà bạn tôi kể chuyện rằng năm bà bốn mươi tuổi, bà rất chán nản như nhiều người đàn bà khác. Bà biết rằng còn sống được nhiều năm sung sướng, phong phú nữa chứ, nhưng thời đại chúng ta coi trọng tuổi trẻ quá đổi, thành thử bà hoang mang, không nhận định được đúng nữa. Trong bữa điểm tâm hôm đó bà ráng không tỏ vẻ u sầu, nhưng khi ông chồng đi khỏi rồi, bà khóc. Bà tưởng tượng mớ tóc bạc, những nét nhăn trên mặt, rồi phải chiến đấu để giữ thân hình được mảnh mai. Khi ông chồng về, bà bình tĩnh lại được một chút, nhưng vẫn rầu rĩ.

Ăn tối xong ông bảo bà:

- Mình lại coi quà của mình nè.

Cặp đó thường tặng nhau những món thực dụng, và bà đoán rằng chồng đã đem lên về nhà một máy hút bụi trong nhà đương cần dùng. Bà ngạc nhiên làm sao thấy món quà là một đôi hài đính ngọc, và một chiếc áo dài bận trong nhà rất đẹp.

Bà ta kể tiếp:

- Nhà tôi không giảng tại sao lại lựa những món đó. Chẳng cần giảng tôi cũng hiểu rằng nhà tôi muốn bảo tôi: "Mình còn đẹp tuyệt trần". Và cái điểm hay nhất của câu chuyện là từ đó tôi bắt đầu tin rằng tôi đẹp tuyệt trần.

Một tâm hồn tế nhị thì luôn luôn tìm được cách biểu lộ. Tôi nhớ một em trai cô độc, mê đồ

chơi của em lắm, một con "gấu gấu" đã xấu xí lại chột. Người ta đưa em vô bệnh viện để cắt những bạch hầu long (amygdale) và khi viên y sĩ giải phẫu vô thì em ôm chặt con gấu vào lòng. Cô y tá đưa tay ra tính giật con gấu. Nhưng y sĩ giọng rất nghiêm trang, bảo:

- Cứ để con gấu đó, cũng chữa bệnh cho nó nữa.

Khi em tỉnh dậy thì con gấu nằm ở trên một cái gối, con mắt chột được băng rất khéo.

Không thiếu gì cơ hội để tỏ lòng tế nhị của ta. Một hôm tôi đi chợ với một bà bạn. Bà để ý tới một em trai tám tuổi giúp cha bán rong các hoa quả, rau đậu. Em hãnh diện lắm, bán một chiếc cải hoa cho một bà nọ, đợi bà này trả tiền, nhưng bà không để ý tới em, chìa tiền cho người cha và em tiu nghỉu. Bà bạn tôi nghĩ bụng: "Phải làm cho em nhỏ này vui lên mới được". Bà gọi em, lựa mấy quả cà chua, mấy cây hẹ, bỏ vào giỏ, và mặc dầu có tiền lẻ chứ, bà vẫn chìa tấm giấy bạc cho em thối. Em suy nghĩ một chút, tính nhắm rồi mặt tươi tỉnh hẳn ra, thối đúng tiền cho bà. Bà đáp:

- Cảm ơn cháu, tôi tính không nhanh bằng cháu được đâu.

Em ngó ba em, bảo:

- Có gì đâu ạ.

Sự thực thì em mừng rỡ lắm. Và bỗng cả bốn chúng tôi đều mỉm cười, vui vẻ vì thái độ tế nhị của bà bạn tôi.

Ông bạn triết gia của tôi bảo:

- Một người tế nhị thì biết trọng và làm phát triển nhân phẩm, cá nhân của người khác. Buổi tối, ở sở về, bạn thấy con bạn chạy ra đón, hăng hái khoe: ba biết có gì xảy ra ở đại lộ không?" thì dù biết, bạn cũng nên nói là không biết, để cho nó được cái vui kể chuyện cho bạn nghe. Nếu trái lại, bạn đáp: "Biết chứ, ba biết từ một giờ trước kia lận", thì là bạn chỉ nghĩ tới bạn thôi đấy.

Ở đời nhiều người có một tình thương rất tự nhiên, bất giác, chỉ đợi cơ hội mà biểu lộ ra. Chúng ta chỉ tế nhị chú ý tới những người đó một chút là làm cho tình thương tiềm ẩn, bị giam cầm trong lòng họ bộc phát ra liền.

Elizabeth Byrd

PHÚT TUYỆT THÚ

Trên đường đời, từ "buổi đầu" cho tới "lúc cuối" ai cũng được hưởng ít nhất là một lần, một lúc tận thiện tận mỹ. Có thể có nhiều lúc như vậy, nhưng hầu hết chúng ta đều hoặc bận quá, trẻ quá, già quá, phức tạp quá, quá thế này, quá thế nọ, nên không để ý tới... và những lúc đó trôi qua đi mà ta không hay.

Tôi được biết cái phút tuyệt thú của tôi hồi tôi tám tuổi. Đêm xuân đó, tôi bỗng thức dậy, thấy ánh trăng rọi qua cửa sổ, tràn ngập trong phòng. Trăng tỏ quá, tôi không ngủ được nữa, ngồi ở trên giường. Không có một tiếng động... Không khí nhẹ nhàng, thoang thoảng hương lê và kim ngân hoa (chèvrefeuille).

Tôi trườn xuống sàn, rón rén bước ra sân. Giờ đó đã khuya, trẻ tám tuổi không được thức, nhưng tôi muốn ngồi một lát trên cái đu để ngắm ánh trăng. Khi tôi khép nhẹ cánh cửa lại thì thấy má tôi ngồi trên bọc thềm. Người ngẩng đầu lên, mỉm cười, đặt một ngón tay lên môi, còn tay kia vẫy tôi lại. Tôi ngồi nép vào người, người đưa tay ra choàng tôi.

Đồng quê thêm thiếp trong cảnh tĩnh mịch; nhà nào cũng tắt đèn. Ánh trăng rót xuống như bạc, rực rỡ tới nỗi chúng tôi nhìn thấy được khu rừng cách đó một cây số.

Tôi thì thầm:

- Cảnh đẹp quá, má!

Và cánh tay người ghì chặt lấy tôi.

Con chó béc giê của chúng tôi, con Frollo đi băng qua bồn cỏ, lại nằm dài trên bọc thềm, vẻ sung sướng, đầu đặt lên đầu gối má tôi. Cả ba chúng tôi đều im lặng trong một lúc lâu. Những ngôi sao mờ mờ lấp lánh ở xa, xa lắm. Thỉnh thoảng một ánh trăng chiếu vào một cánh hồng gần thềm, và giọt sương rung rung tỏa sáng. Bụi cây như đeo những chuỗi kim cương và một mùi hương ấm thấp từ cỏ bốc lên.

Chúng tôi biết rằng ở giữa khu rừng âm u, đời sống thảo mộc, thú vật vẫn tiếp tục. Có cả ngàn

tiếng động của cỏ, sỏi, chồn đi đi lại lại trong thế giới của chúng. Ngoài đồng, trong vườn cũng vậy, cây cỏ vẫn âm thầm mọc. Con ngựa tơ đương ngủ bên cạnh mẹ nó trên bãi cỏ, và ở gần chúng tôi, một con bê nằm nép vào sườn mẹ.

Chẳng bao lâu nữa, những cánh hoa hồng hồng và trắng sẽ rụng lá tả như tuyết và hoa sẽ thành quả. Những bụi mận (prunier) sẽ đầy những trái tròn, sắc đỏ lần lần dưới ánh nắng, và được những cơn mưa tưới nhuần. Trong những thửa ruộng, những đợt bắp non bắt đầu đâm thẳng lên trời. Sáng mai, ong sẽ tập tót bay lại hút đầy mật các bông dưa bờ, và chẳng bao lâu trên các dây dưa, hoa sẽ rụng mà trái xanh xanh nho nhỏ sẽ lốm đốm xuất hiện.

Phép màu của đời sống tiếp tục một cách vô thanh vô hình trong cảnh tĩnh mịch bao la đó. Thuận theo luật hóa công, chim ấp trứng trên cây dâu. Trái qua biết bao thế kỷ, núi vẫn trơ trơ cùng tuế nguyệt, hiên ngang, hùng vĩ. Các vì tinh tú vẫn vận chuyển, cơ man nào là thế giới vẫn được bàn tay mạnh mẽ mà nhẹ nhàng của Hóa công điều khiển.

Má tôi chỉ cho tôi cây bá hương, nói khe khẽ với tôi:

- Con coi kìa, ngôi sao đó như mắc kẹt trên cành cây.

Trong khi chúng tôi ngắm ngôi sao đó thì một con chim họa mi cất tiếng hót trên ngọn một cây lê, cơ hồ như nó không thể không biểu lộ niềm vui tràn ngập trong lòng. Tiếng hót đó trong trẻo như tiếng vàng ròng, nhẹ nhàng như ánh trăng; âm bổng âm trầm hòa hợp lẫn nhau một cách dịu dàng, có lúc thật nhỏ gần như không nghe ra được, rồi lại vang lên, tỏ một niềm vui thú tuyệt trần. Bỗng tiếng hót im bặt và cảnh đêm trở lại tĩnh mịch dưới ánh trăng.

Một em gái tám tuổi không phân tích nổi những ý nghĩ đó, cũng không nhận được sự mênh mông của vũ trụ. Nhưng em thấy được ngôi sao cắm trên cành một cây bá hương và cảm được nỗi vui hoàn toàn xuất thần đó. Em nghe được tiếng họa mi dưới ánh trăng mà trong lòng tràn trề một niềm hoan hỉ âm thầm. Em cảm thấy cánh tay má ghì chặt em mà được hoàn toàn an tâm.

Em có thể không nhận ra được dòng sinh hoạt nghiêm khốc, lúc thăng lúc trầm, không nhận được sự vận chuyển của vũ trụ, sự lên xuống của thủy triều nhưng em cảm thấy lúc đó như được nhìn một vũ trụ mới qua một cánh cửa hé mở và đã được biết trong một lát cái tận thiện tận mỹ.

TÌM THÊM BẠN MỚI

Mùa hè năm ngoái tôi ngồi xe ca Thụy Sĩ, và một buổi sáng đẹp trời nọ, ở Berne, đoàn du lịch lên đường bỏ lại tôi. Mới đầu tôi thấy bức mình; nhưng các bạn đồng hành hôm sau thế nào cũng sẽ trở lại, tôi nghĩ khôn hơn hết là tìm cách lợi dụng thời gian phải ngừng chân bất như ý này. Vậy là tôi đi ngắm chiếc đồng hồ cổ - đồng hồ đó cứ mỗi giờ chuông gõ thì lại có một đoàn nhân vật cổ điển qua - và coi cái hầm nhốt gấu nổi danh của thị trấn.

Tôi nhờ một người đứng bên cạnh tôi chỉ cho một khách sạn tốt. Người Thụy Sĩ đó nhận ngay ra rằng tôi là một người ngoại quốc, bảo tôi:

- Tôi về nhà ăn bữa trưa đây, xin mời ông về dùng bữa với chúng tôi.

Tôi thú thực rằng lời mời mọc đó bất ngờ quá, nên tôi do dự một chút rồi mới nhận. Ông ta giới thiệu tôi với bà vợ và hai đứa con quần quít chung quanh; cả gia đình đều nhã nhặn và tôi thấy thoải mái liền.

Ăn xong chủ nhân mời tôi đi thăm xưởng đồng hồ nhỏ của ông. Tôi nhìn cách người ta lắp các bộ phận tế vi ra sao, hỏi chuyện vài người thợ.

Chúng tôi chia tay nhau, thân mật lắm và cùng hứa sẽ nối chặt thêm thiện cảm mới mẻ đó. Hôm sau, gặp lại bọn đồng hành rồi, tôi không hề tiếc một chút rằng tôi đã bị bỏ rơi, vì nhờ vậy tôi mới được thêm một tình bằng hữu trường cửu và tin thêm rằng nhiều người có một tâm trạng lầm lẩn làm tê liệt đời sống của họ.

Những người đó cho đời sống như một "cuộc du lịch đã được tổ chức", chỉ giao du với người đồng hành, không bao giờ ra khỏi những lộ trình lớn, chỉ coi những cảnh đã được sắp hạng. Sau này - nhưng lúc đó đã trễ quá - xét lại cuộc đời chật hẹp của mình, họ phàn nàn đã "không được sống một cách mãnh liệt" mà không hay rằng nguyên do là tại họ, vì chỉ cần quả quyết bỏ những đường mòn đi, tìm kiếm và chinh phục tình thân thiện trong mọi giới, là đời của họ sẽ phong phú lên vô cùng. Như câu tục ngữ Ả Rập đã nói: "Sung sướng thay người nào biết tìm

nhiều bạn thân khác nhau, vì người đó được sống một ngàn lẻ một cuộc đời".

Từ Aristote, tất cả các triết gia đều bảo rằng tình bạn mà phong phú thì quý nhất đời, không gì bằng, hơn cả tài năng nữa.

Hầu hết những người có một cuộc đời rục rờ đều đã chọn lựa bạn trong mọi giới vì họ cho rằng không tiếp xúc với mọi hoàn cảnh của loài người thì không thể nói là biết đời được.

Sự thực thì gây một tình bằng hữu đâu có khó khăn như người ta tưởng. Một chính khách nổi danh nọ có thói quen khi vô một tiệm nào thì hỏi chuyện người bán hàng về vài điểm rõ rệt nào đó trong nghề của họ, về cách xay cà phê chẳng hạn hoặc cách lựa một thứ xì gà ngon. Ông ta biết rằng ít ai mà không thích nói về một đề tài mà mình thông thạo; như vậy ông ta phá tan được sự lãnh đạm, gây được thiện cảm và nhờ đó sự giao thiệp của ông được dễ dàng hơn.

Một cách khác là sốt sắng tỏ lòng mang ơn người khác dù người đó chỉ giúp mình một việc nhỏ nhặt. Thế là hàng rào phân cách bị hạ xuống và mình được lòng người hơn là nói chuyện tào lao cả một giờ. Chính nhờ một lời cảm ơn mà tôi được quen một người vào hạng có cá tính mạnh mẽ nhất, một ông lão đánh giày ở Picadilly. Ông ta có nước da sạm nắng, cử chỉ ngôn ngữ bình tĩnh và lễ độ. Hầu hết các khách hàng của ông chỉ nói với ông vài lời lãnh đạm rồi bỏ đi mà không lợi dụng cơ hội để được biết một người lạ lòng, thú vị nhất trên đường phố London, một cựu kỵ binh sở cảnh sát Canada, biết năm sinh ngũ và vô số chuyện kỳ cục, hấp dẫn, sôi nổi.

Trong những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, nếu hai bên có một điểm chung nào thì dễ thân với nhau ngay. Cùng đọc một thứ nhật báo hoặc cùng có một kiểu xe, thế là có thể thành thân với nhau được.

Tình bằng hữu có nhiều nỗi vui mà có nhiều người không biết gây nó để cho đời mình thêm phong phú. Một số người tự cho mình là sang trọng quá, không muốn ra khỏi cái giới của mình. Họ thường là những ông bà không có gì để cho, và nguyên do họ không chịu tự thú, là tại họ sợ bị lộ mặt nạ, hiện nguyên hình, không đáng được hưởng tình thân của người khác.

Nhưng họ phải biết rằng những nhân vật cao thượng nhất trong lịch sử không bao giờ che tình thân của bất kỳ ai, và trái lại, mới gặp ai, họ cũng đem hết tấm lòng của họ ra mà đối xử. Disraeli rời bọn chính khách để xem xét tình cảnh của dân nghèo trong khu hạ tiện Whitechapel. Rembradt trọng các người ăn mày cũng ngang các thị trưởng Amsterdam.

Có người lại tưởng lầm rằng phải có cùng thị hiếu, lý tưởng với nhau thì mới thân với nhau được. Trái lại, những quan điểm khác nhau nhất lại thường gây những tình bằng hữu thân mật nhất.

Mới rồi tôi gặp ở Pháp một vị tư tế biết rất kỹ về Bắc Mỹ. Tôi hỏi ông:

- Ông qua Hoa Kỳ hồi nào?

Ông mỉm cười đáp:

- Tôi có bao giờ qua bên đó đâu. Năm 1944, sau khi Đồng minh đổ bộ lên, đạo quân Hoa Kỳ đóng ở làng tôi.

Một hôm một sĩ quan lại trại ruộng của tôi xin nước, chúng tôi vừa đi ra giếng vừa nói chuyện với nhau. Hết chiến tranh ông ta viết thư cho tôi, từ đó chúng tôi thư từ đều đều với nhau. Ông ấy ở San Francisco và kể về đời sống ở đó cho tôi nghe tới nỗi tôi biết rõ như đã có thời ở đó.

Có người nghĩ phải gặp nhau thường thì tình thân mới bền. Không đúng. Thân hay không thân là do có tâm sự với nhau, có hiểu biết nhau không, mà những tình đó dù xa cách về không gian hay thời gian thì cũng vẫn còn hoài. Không ai sống cô liêu hơn nhà thám hiểm David Livingstone, vậy mà ông có rất nhiều bạn thân. Cô con gái út của ông bảo:

- Tôi thấy ba tôi lúc nào cũng viết thư!...

Mỗi năm ông gửi mấy trăm bức thư đi khắp nơi trên thế giới cho những bạn mà hầu hết ông chỉ ngẫu nhiên gặp một lần ngắn ngủi.

Điều này cũng lắm nữa: có vài ông bạn cũ, vài ông hàng xóm và vài ông bạn làm ăn là đủ rồi. Như vậy chân trời của ta rất bị hạn chế. Huân tước William Osler thường bảo:

- Khi không tìm ra bạn mới nữa là chúng ta bắt đầu già rồi vì tìm thêm bạn là một dấu hiệu nảy nở, một chứng cứ rằng mình vẫn còn yêu đời, vẫn thích biết thêm những ý mới.

Đừng bao giờ nên rụt rè mà bỏ lỡ cơ hội làm quen bất kỳ ai. Tôi nhớ một buổi dạ hội để mừng nhà chơi đàn piano danh tiếng Vladimir de Pachmann; trong buổi đó tôi đã đề nghị với một nhạc sĩ trẻ sẽ giới thiệu chàng với nghệ sĩ tài danh đó. Chàng lúng túng, rồi từ chối, lấy lý

rằng như vậy chỉ làm phiền cho ông ấy thôi.

Sau bữa ăn, Vladimir bảo tôi:

- Lúc này tôi thấy ông nói chuyện với một thanh niên có vẻ mặt dễ thương và những bàn tay của một nhạc sĩ ... Tôi muốn làm quen với cậu ấy.

Thế là cậu ta bỏ lỡ cơ hội duy nhất để kết thân với một nghệ sĩ có thể lực.

Khi nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được, khi giao du với họ mà kinh nghiệm của ta tăng tiến là lúc đó cá tính của ta mạnh mẽ và vững rồi đấy.

Hết thấy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi lại làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng sẽ phong phú lên.

Ngày nào chúng ta cũng có cơ hội làm cho một nét mặt lạ thành một nét mặt thân yêu. Phải biết nắm lấy cơ hội khi nó đi qua, vì sống trong lòng đời sống của người khác thì bao giờ cũng làm cho đời sống của mình được kích phát lên đến cực độ.

A.J.Cronin

CỤT TAY MÀ VẪN XÂY DỰNG ĐƯỢC TƯƠNG LAI

Khoảng hai chục năm trước, một hôm tôi đáp một chiếc tàu ở Seattle chạy dọc theo bờ biển phía Tây Alaska. Ngay buổi tối đầu, tôi để ý tới một nhóm hành khách quây quần chung quanh một bàn đánh bạc, chăm chú theo dõi một ván bài. Tôi lại gần coi.

Con bạc không có vẻ là bọn đi tìm vàng. Tôi cho họ là bọn du khách: một ông hơi lớn tuổi, ăn bận đàn ông hoàng, một bà duyên dáng, chắc là vợ ông kia, một thanh niên và một thiếu nữ khoảng mười tám tuổi, đẹp dễ mảnh mai, vai khoác chiếc áo choàng. Họ đánh bài "bridge" và

tôi thấy không có gì làm cho họ đam mê như vậy.

Tôi đã sắp quay gót thì bỗng thấy nhói ở tim. Tôi đã tưởng là thiếu nữ đó đặt hai bàn tay lên bàn, bây giờ mới nhận ra là hai bàn chân. Con người diễm lệ đó nằm ngửa trên một chiếc ghế bành, một chân cầm bài, một chân hạ những quân bài xuống một cách khéo léo. Đôi vớ đã được cắt bớt để lộ ngón chân và mu bàn chân, một khoảng rộng bằng bàn tay. Nhìn chiếc áo choàng bó sát thân hình nàng, tôi hiểu rằng nàng cụt tay.

Hiển nhiên là bọn đó không phải làm trò cho thiên hạ coi như bọn "mãi võ" trong các chợ phiên. Thế thì đánh bài trước công chúng như vậy, còn có gì vô duyên hơn nữa? Nhưng nhìn nét mặt những người đứng coi và tự xét lòng tôi, tôi thấy không phải là vô duyên. Nhìn thiếu nữ đó cụt tay mà đánh bài bằng những ngón chân, chúng tôi không cho là chướng, trái lại thấy một gương can đảm là khác.

Tôi bèn kiểm cách làm quen với thiếu nữ tràn trề sinh lực đó. Tối hôm sau, trong phòng khách có một ban hợp tấu, tôi cúi chào nàng và mời nàng khiêu vũ một điệu. Nàng mỉm cười, đứng dậy, lại đứng sát người tôi. Tôi quàng hai tay lên vai nàng, dìu nàng đi. Nàng vũ không giỏi lắm, nhưng cũng khá.

Nghe tôi khen, nàng đáp:

- Tôi đã khó nhọc lắm mới tập vũ được. Vì cụt tay nên tôi mất thăng bằng. Nhưng tôi ham vũ, nên quyết tâm tập luyện đến khi nào vũ tạm tạm được mới thôi.

Nàng cho tôi hay nàng theo một ông chú đến bờ biển phía Tây Alaska này vì ông đi thanh tra vài cơ sở đánh cá thu. Trong cuộc du lịch khá dài đó, chúng tôi thành bạn thân với nhau. Nàng thẳng thắn kể nhân sinh quan của nàng và cuộc chiến đấu bền bỉ để phát triển cá tính ra sao. Nàng bảo:

- Lần đầu tiên tôi hiểu rằng tôi không bình thường như những trẻ khác thì tôi có ý muốn trốn. Sinh ra mà hình thù kỳ quái như vậy thì thật là ghê gớm quá, có khác gì xúc phạm cả nhân loại không. Trường hợp của tôi còn tệ hơn một người thường bị cụt tay vì tai nạn. Tôi biết chứ, nhiều người chỉ trông thấy những kẻ kỳ quái như tôi cũng đủ tởm rồi. Mới đầu tôi đã mong chết cho rảnh, nhưng một hôm tôi tự nhủ, muốn làm cho người khác khỏi tởm là việc có thể được, mà cái đó chỉ tùy tôi thôi. Nếu tôi ráng tỏ vẻ bình thường, có thái độ của một người bình thường thì có lẽ người khác không thấy tôi là kỳ quái nữa.

"Điều khó khăn nhất là làm sao thắng cái bản năng muốn trốn của tôi. Tôi tập nhập bọn với các trẻ khác mà không thèm che giấu tật nguyên của mình. Nếu các bạn tôi đòi coi vai tôi thì tôi chìa cho họ coi. Tôi đỏ mặt tía tai vì xấu hổ đấy nhưng tôi rán chịu. Không bao giờ tôi khóc trước mặt người lạ và tôi rán cười cho nhiều. Có lẽ ông không biết rằng cười có thể là một thói quen, nhưng tôi thì tôi biết khi cười là một vấn đề sinh tử thì ai cũng có thể tập cười được.

"Điều mà tôi không sao chịu nổi là lòng thương hại của người khác, vì vậy tôi rán thích nghi với hoàn cảnh. Tôi có cảm tưởng rằng cả trong giấc ngủ tôi cũng tập thích nghi nữa. Và tôi chú hết tâm vào việc làm cho bề ngoài của tôi được dễ coi. Sau một thời gian, tôi tự thuyết phục tôi được rằng tôi có thể làm cho người khác không thấy tởm, xa lánh tôi nữa mà chú ý tới tôi. Ý nghĩ đó đã cứu vớt tôi. Tôi không còn làm nhục cho nhân loại nữa bằng cách tỏ cho ai nấy thấy nguồn sinh lực kỳ diệu của cơ thể con người.

Tôi tiếp lời:

- Và thấy sức mạnh đáng kính của tâm hồn con người.

Nàng rung rung nước mắt, mỉm cười, lấy chân mặt đưa khăn mùi xoa lên chùi mắt. Rồi nàng xỉ mũi thật mạnh, làm cho cả hai chúng tôi đều cười, không khí hết ngột ngạt. Nàng nói tiếp:

- Một số người có lẽ cho rằng tôi trườn mặt ra với thiên hạ như vầy, thật là vô duyên. Nhưng tôi quyết chiến đấu cho họ mất cảm tưởng đó đi. Gặp những người lạ nào bỗng thấy tật nguyên của tôi mà có vẻ chướng mắt thì tôi làm một cử động thật tài tình, chẳng hạn đưa một chiếc lược lên chải tóc. Những người đó tức thì trở mặt ra và mặt họ tươi rói. Điều tôi quý nhất là các bạn thân của tôi đều coi tôi như một người bình thường".

Riêng phần tôi, tôi phải thú nhận rằng tôi quên hẳn tật nguyên của nàng, nhưng trước mặt nàng, lúc nào tôi cũng ngạc nhiên khâm phục nàng chứ không coi nàng như một người bình thường bao giờ. Nàng đã tự tạo được một cá tính lạ lùng. Nàng nói chuyện vui vẻ, có duyên, ăn bận thanh nhã, biết làm nổi bật nét đẹp của nàng lên làm cho người khác không để ý tới hai vai co rúm lại của nàng nữa.

Nàng rất ít khi phải nhờ người giúp đỡ, tự xoay sở lấy một cách tài tình lạ lùng, thành thử tôi quên rằng nàng tàn tật. Sách, đồ vật của nàng, nàng đeo lên vai, đưa cầm ra đỡ[*]. Chân của nàng mềm mại lạ thường, thay cánh tay được.

Một hôm tôi gặp nàng trong phòng một sĩ quan, gỡ một cây viết máy để trên cái giá, vặn nắp ra, viết một cách rõ ràng, rồi lại đặt cây viết vào chỗ cũ. Nàng đan suốt ngày và đan khéo hơn nhiều bà hay cô có đủ cả hai bàn tay nữa. Nàng đánh phấn bằng những ngón chân, chiếc gương đặt thẳng bằng trên mu bàn chân kia. Nàng lật trang sách hay báo, hút thuốc cũng dễ dàng, duyên dáng như một bà già quý phái.

Trước khi lên bờ, tôi mời ông chú, bà thím nàng và nàng trên đường về, ghé nhà tôi chơi để vợ chồng được cái hân hạnh tiếp đón. Hai ông bà nhận lời.

Về tới nhà, tôi kể lại chuyện đó cho bạn bè, họ không tin. Một người làm y sĩ bảo cứ xét cách cấu tạo của cơ thể con người, thì chân không thể làm những việc như vậy thay tay được.

Nhưng khi ba vị khách của tôi tới, nhà tôi làm bữa tiệc để đãi thì cả những người hoài nghi nhất cũng phải chung hưởng.

Tôi thư từ với thiếu nữ đó trong một thời gian rồi chúng tôi dọn đi ở nơi khác, từ đó bất tin của nàng. Nhưng những ai đã được tiếp xúc với nàng đều nhận rằng nàng đã chứng minh một cách linh động rằng tinh thần con người có thể có một sức mạnh vĩ đại vô cùng.

Edison Marshall

[*] Tháng 11 năm 1954 ở phòng Triển lãm Galerie du Tertre 67 đường Maubeuge, Paris có bày 60 bức tranh sơn dầu của cô Denise Legrix, biệt hiệu là Daisy. Cô sanh ra cũng không có cánh tay, tập vẽ từ hồi mười tuổi, đặt cây cọ vào nách mà vẽ. (Lời cước chú trong bản tiếng Pháp).

MỘT BÀI HỌC CỦA BIỂN CẢ

Một số người có được một thiên tư kỳ diệu. Tôi không biết nên gọi là gì cho đúng: tinh thần bình thản, sức mạnh nội tâm hay tinh thần đại độ, khoáng đạt? Dù sao thì mỗi khi gặp những nỗi thắc mắc đau khổ là tự nhiên chúng ta hướng về những người đó. Họ có một cái gì thu hút chúng ta như đá nam châm hút sắt. Tôi có một ông bạn thân thuộc hạng người ấy. Cho nên

buổi tối hôm nọ, có một nỗi ưu tư đè nặng trong lòng, tôi kêu ngay điện thoại hỏi anh. Anh đáp:

- Mời anh lại chơi. Alma đã đi ngủ rồi, tôi sắp pha cà phê cho tôi đây.

Tôi bèn lại nhà anh và một giờ sau, y như tôi đã đoán, tinh thần tôi phấn khởi hẳn lên. Không phải là nỗi khó khăn của tôi đã giải quyết được đâu, nhưng không hiểu tại sao, tôi không thấy nó ghê gớm như trước nữa. Ngồi trước mặt anh Ken, thấy anh thoải mái dựa lưng vào cái ghế bành, hai chân gác lên bàn viết, tay chấp sau gáy, ít nói nhưng chăm chú nghe... và tỏ thiện cảm với tôi, thì làm sao mà tâm hồn tôi chẳng bình tĩnh lại?

Bỗng tôi thấy cần phải tỏ ít lời cảm ơn anh và tấm lòng tôi quý mến anh. Tôi bảo:

- Anh Ken, tôi chưa thấy ai có tài làm cho tinh thần người khác phấn khởi lên được như anh. Anh làm cách nào vậy?

Nụ cười của anh nở một cách chậm chạp, cơ hồ như lần nào cũng hiện lên ở khóe mắt trước hết.

Anh đáp:

- Có gì đâu! Tôi hơi lớn tuổi hơn anh, thế thôi.

Tôi lắc đầu:

- Tuổi tác mà ăn nhập gì tới cái đó. Anh có cái đức bình tĩnh mà tôi cảm thấy rất thâm trầm. Nhờ đâu vậy, anh?

Anh ngó tôi vài giây, có vẻ suy tư, như do dự không biết có nên kể cho tôi nghe không. Sau cùng anh lấy đầu mũi giày móc kéo một hộp tủ bàn viết, rồi lấy ra một hộp giấy, đặt lên tấm bìa lót tay trên mặt bàn. Anh mở hộp giấy đó, bảo:

- Nếu tôi có được một chút xíu cái đức mà anh khen tôi đó thì có lẽ là nhờ cái hộp này.

Tôi đợi anh giảng giải. Phòng rất tĩnh mịch, tôi nghe thấy tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ quả lắc đặt trên mặt lò sưởi.

Anh lựa một ống điếu cũ, thuốc đã đóng dày một lớp, rồi nhồi thuốc.

- Chúng mình quen nhau từ bao lâu rồi nhỉ? Mười năm, mười hai năm? Cái hộp này có từ lâu hơn nhiều. Trên ba chục năm rồi. Chỉ có Alma và tôi là biết trong đó có gì thôi, nhưng lâu quá, có lẽ nhà tôi quên rồi. Còn tôi thì cứ thỉnh thoảng lại mở ra ngắm nghía vật chứa trong đó.

Ngọn lửa ở đầu cây quạt chập chờn, khói thuốc tỏa lên thành những cuộn xanh phản chiếu ánh đèn.

Anh Ken bắt đầu kể, giọng như văng vẳng từ dĩ vãng.

- Năm 1920, tôi ở trên đường thành công. Một sự thành công kỳ dị. Tiền vô như nước, mỗi ngày mỗi nhiều mà tiêu pha còn nhiều hơn nữa. Đúng là hạng thanh niên được trời cung, tôi suy nghĩ tính toán mau hơn ai, mà tử lượng thì cũng vô địch. Tôi cưới nhà tôi vì thấy nàng đẹp, làm cho nhà cửa, cuộc đời thêm tươi, chứ không phải vì tình. Nói thực ra, tôi không yêu nàng chút nào cả. Tôi chỉ yêu tôi, tự cao tự đại, thế thôi.

Tôi ngạc nhiên ngó anh. Anh tự vẽ cho anh bức chân dung tàn nhẫn như vậy, làm sao tôi có thể tin được là đúng.

Anh nói tiếp:

- Chắc anh đoán được rằng số phận đâu có chịu thua tôi, phải quật lại chứ? Mà nó quật lại một cách ghê gớm làm sao! Những người nào không trải qua cuộc kinh tế đại khủng hoảng năm 1929, thì khó tưởng tượng được nó bi đát tới mức nào. Mới tuần lễ trước, tôi còn là một nhà triệu phú - trên giấy tờ - mà tuần sau đã nhẵn túi. Phản ứng của tôi dễ đoán được: tôi say sưa tối ngày, có lần ba ngày liền say mèm, không còn biết trời đất gì cả.

Anh cười gằn một tiếng ngắn, đứng dậy, lùa ngón tay vào mớ tóc rối bù.

- Nơi mà tôi lựa để thỏa tình than thân trách phận là một biệt thự của chúng tôi trên bờ biển, nhưng từ khi đất sụp ở dưới chân, nó không còn thuộc về chúng tôi nữa. Alma muốn theo tôi ra đó, tôi bảo đừng. Tôi chỉ muốn mỗi một điều: uống rượu tới say bí tỉ để quên hết mọi sự. Và nốc hết ve này tới ve khác.

Nhưng rồi cũng tới một lúc tinh thần người ta bình tĩnh lại. Lúc đó tôi sắp thành một thằng nghiện rượu, điều đó thực ghê gớm quá. Tôi tỏm cho cái con người tôi, tôi tuyệt vọng. Tôi soi gương: cặp mắt đỏ ngầu, râu ria ba ngày chưa cạo, tôi thấy rằng mình hoàn toàn là một thằng bỏ đi. Tôi hoàn toàn là một con người hư hỏng, một người chồng hư hỏng, một công dân hư

hồng. Tôi nghĩ rằng chỉ có cách tôi từ bỏ cõi đời này là có lợi cho nhà tôi, cho xã hội hơn cả.

Tôi đã kiếm được một cách chắc chắn rồi. Gió thổi ào ào. Biển động mạnh. Tôi sẽ bơi ra thật xa, tới khi đuối sức mới thôi, thế là vô phương trở vô bờ được và bao nhiêu nỗi ưu tư sẽ trút được hết.

Cối thuốc đã tắt, anh nhúm dây đặt nó lên bàn giấy. Khi ngồi xuống, chiếc ghế bành cũ kỹ của anh kêu rắc rắc.

- Khi đã có một quyết định như vậy thì chỉ còn nghĩ tới cách thực hiện cho mau. Tôi không chần chừ nữa vội vàng xuống các bậc thềm, tiến ra bãi biển. Tôi còn nhớ lúc đó trời hừng đông, đỏ rực, dưới ngọn cuồng phong, sóng nổi cao ngất. Tôi bước thẳng lại mí nước. Khi tới nơi, tôi để ý thấy cái gì lấp lánh trên mặt cát. Anh mở hộp giấy ra, bảo:

- Đây, vật này đây. Hộp chứa một vỏ sò. Không phải là thứ vỏ sò hiếm thấy, vì tôi cũng đã gặp nhiều vỏ như vậy, chỉ là một thứ vỏ hình bầu dục dài, có rạch màu lợt coi khá đẹp. Anh Ken nói tiếp:

- Tôi đứng lại ngắm nghía nó. Sau cùng lượm nó lên. Nó ướt, bóng loáng và chỉ khế bóp một chút cũng bể liền. Mặc dầu vậy, nó còn nguyên, không sút mẻ gì cả.

Trong khi gió gào, sóng gầm ở chung quanh, tôi tự hỏi: "Làm sao mà có thể như vậy nhỉ? Cả tấn nước dập dồn cuốn nó, tung nó lên trên lớp cát cứng này, mà sao nó không bể ra, tan tành ra từng mảnh vụn nhỉ? Cái gì làm cho nó còn nguyên vẹn không hề rạn nứt như vậy nhỉ? Tôi ráng suy nghĩ rồi bỗng nhiên tôi hiểu. Nó đã chấp nhận cơn dông tố như chấp nhận sự an tĩnh ở đáy biển, nơi nó phát sinh. Nhờ vậy nó không bị tiêu diệt. Bỗng nhiên tôi thấy mình đã vô lý chiến đấu với một biến cố không thể tránh được.

Tôi không nhớ tôi đã đứng như vậy bao nhiêu lâu, sau cùng tôi lượm vỏ sò đó lên rồi trở về biệt thự. Tôi giữ vỏ sò đó cho tới bây giờ.

Tôi dỡ cái hộp anh chìa cho tôi, nhắc vỏ sò lên. Thật đều đặn, không sút mẻ chút nào cả mà nhẹ như lông chim.

Tôi hỏi anh:

- Anh có biết tên nó không?

Anh đáp:

- Có. Người ta gọi nó là "cánh thiên thần".

Arthur Gordon

MỘT MÌNH TRÊN BIỂN SUỐT MỘT NGÀY

Mới rồi tôi bị một cơn chán nản mà nhiều người cứ lâu lâu lại trải qua một lần: bỗng nhiên nguyên khí hạ thấp xuống, thấy cái gì cũng ảm đạm, vô vị, sinh lực giảm thiểu, hết hăng hái. Công việc làm ăn của tôi bị ảnh hưởng tai hại. Buổi sáng nào tôi cũng nghiêng răng cầu nhàu: "Hôm nay thì nhất định phải tìm lại được cái ý nghĩa trước kia của cuộc sống; thế nào cũng phải thoát khỏi cái tâm trạng này mới được".

Nhưng rồi những ngày vô nghĩa cứ kéo dài ra và sự tê liệt về tinh thần mỗi ngày một tăng. Sau cùng tôi thấy rằng phải nhờ một người nào cứu giúp mới được.

Tôi kiếm một y sĩ không chuyên môn, không phải là một nhà phân tâm học, một y sĩ thường thôi, lớn tuổi hơn tôi, tuy bề ngoài có vẻ quạu quọ nhưng lòng rất nhân từ.

Tôi rầu rĩ thú thật:

- Tôi không biết bị cái chứng gì, nhưng tôi có cảm tưởng rõ rệt rằng tôi không có lối thoát. Ông có thể trị cho tôi được không?

Ông ta chậm rãi đáp:

- Tôi không dám quyết.

Ông chấp tay, đầu ngón tay bên này chống đầu ngón tay bên kia, ngó tôi một hồi lâu, rồi thỉnh thoảng hỏi tôi:

- Hồi nhỏ, ông ở đâu thấy thích nhất?

- Hồi nhỏ ư?... Có lẽ tôi thích bờ biển nhất.

Chúng tôi có một căn nhà nhỏ ở bờ biển, cứ mùa hè ra đó nghỉ mát, thú lắm.

Ông ta ngó qua cửa kính nhìn những lá vàng lả tả, cuốn theo chiều gió.

- Ông có thể theo đúng lời tôi chỉ bảo, chỉ trong một ngày thôi, được không?

Tôi đáp:

- Tôi xin sẵn sàng thử bất kỳ cái gì.

- Được. Đây, ông nghe tôi dặn. Sáng mai ông lái xe ra bờ biển, phải ráng tới bờ biển trước chín giờ. Mang theo bữa trưa đi, nhưng cấm ngặt không được đọc sách báo, viết lách, nghe máy thu thanh hoặc nói chuyện với bất kỳ ai. Tôi cho ông mấy toa thuốc, cứ ba giờ thì làm theo đúng như tôi dặn.

Ông ta xé bốn tờ giấy, viết lên mỗi tờ vài chữ, gấp lại, đánh số rồi chìa cho tôi:

- Uống những thuốc này lúc 9 giờ, giữa trưa, 3 giờ và 6 giờ chiều.

Tôi hỏi:

- Ông không đùa đấy chứ?

Ông ta khẽ cười:

- Ông sẽ phải trả tiền coi mạch đấy, không phải chuyện đùa đâu.

*

* *

Sáng hôm sau, tôi lái xe ra bờ biển mà lòng hơi hoài nghi. Chỗ đó thật vắng vẻ. Gió bắc thổi và mặt biển xám như cau mày lại; ngồi trong xe tôi chán ngán nghĩ tới cái nông nổi phải ở bờ biển đó suốt một ngày dài. Tôi lấy miếng giấy thứ nhất ra đọc: Lắng tai nghe.

Tôi tưởng tôi đọc lộn chữ! Tôi nghĩ bụng: "Ông này điên thật tình rồi. Ông ấy cấm mình đủ thứ: nhạc, tin tức đài phát thanh, nói chuyện với người khác; như vậy thì còn cái gì để nghe nữa mà bảo mình phải lắng tai nghe?"

Tôi ngẩng đầu lên, lắng tai. Không có một tiếng động nào cả, trừ tiếng sóng gầm đều đều, tiếng kêu the thé của một con hải âu, tiếng vù vù của một phi cơ bay rất cao, mà tất cả những tiếng đó đều quen tai quá rồi.

Tôi bước ra khỏi xe, một luồng gió sập mạnh cánh cửa xe. Tôi tự hỏi: "Mình phải lắng nghe tất cả những của nợ đó sao?"

Rồi tôi leo lên một động cát ngồi ngắm bờ biển hoang vắng. Ở đây, biển gầm lên dữ dội tới

nổi át hơn mọi tiếng khác. Bỗng tôi nghĩ bụng: "Vậy mà nếu lắng tai, gí sát tai vào thì tất cũng vẫn nghe được tiếng cát di động sạo sạo nhè nhẹ và tiếng gió ào sào khi thổi lên động cát".

Rồi như có một cái gì thúc đẩy tôi cúi xuống, rúc đầu vào một đám cỏ ong ở bờ biển, mà không thấy vậy là kỳ cục. Và tôi phát kiến được điều này: nếu ta chú ý nghe thì sẽ thoảng có một lúc mà mọi sự sinh hoạt như ngưng đọng lại, chờ đợi, mọi tư tưởng bỗng hết quay cuồng trong đầu óc, không thể nào chú ý nghe một cái gì ở ngoại giới mà không làm cho tiếng động của nội tâm phải im bật. Óc lúc đó được nghỉ ngơi.

Tôi trở về xe, ngồi sau tay lái. Lắng tai nghe. Tôi lại nghe tiếng gầm của biển và nghĩ tới sự mênh mông của biển, những tiết điệu lạ lùng của nó, tới mặt biển đẹp như nhung dưới ánh trăng nhưng lừa gạt ta, nguy hiểm như một cái bẫy, tới những làn sóng viền bọt trong đông tố, tới những bài học nó dạy cho chúng ta hồi nhỏ: bài học kiên nhẫn, vì không thể bắt thủy triều xuất hiện mau hơn được; bài học thận trọng, vì không nên đùa với biển cả; bài học về sự liên quan bí mật và mênh mông giữa mọi vật; gió, thủy triều, luồng nước, trời lặng, mưa hoặc bão, tất cả những cái đó hòa hợp với nhau mà quyết định con đường di thể của cá và chim. Và bài học sạch sẽ nữa: không có một bãi biển nào không được ngọn chổi mênh mông của biển quét sạch mỗi ngày hai bận.

Tóm lại, tôi trầm tư về những cái vượt ra khỏi bản thân nhỏ bé của tôi, nhờ vậy, làm nhẹ được gánh nặng ưu tư của tôi.

Nhưng thời gian đi chậm quá: đã bao lâu nay tôi có thói quen gặp vấn đề gì thì sấn vào giải quyết, bây giờ ở không, tôi thấy bơ vơ. Trong khi tôi tiếc rẻ nhìn cái máy khâu thanh trong xe thì bỗng một câu của Carlyle hiện ra trong óc: "Các tác phẩm lớn lao thành hình trong sự yên lặng".

*

* *

Tới giữa trưa, gió đã làm tan hết các đám mây, và mặt biển nhấp nhô vui vẻ lấp lánh: tôi mở ra coi "toa thuốc" thứ nhì, và lại ngồi xuống: nửa thấy ngộ nghĩnh nửa bực mình. Toa này gồm sáu chữ: Ráng trở lui về dĩ vãng.

Trở lui về dĩ vãng? Làm sống lại dĩ vãng? Tại sao? Tôi ưu tư là ưu tư về hiện tại và tương lai kia mà!

Tôi rời xe, trầm ngâm đi bách bộ theo các động cát. Ông y sĩ đó bảo tôi ra bờ biển vì bờ biển nhắc nhở tôi những hồi ký đẹp để thời nhỏ: có lẽ vì vậy mà phải làm sống lại kho tàng hạnh phúc đã chìm trong sương mù của thời gian chẳng?

Tôi kiếm một chỗ khuất, nằm dài trên lớp cát ấm ánh nắng. Ráng trở ngược lên nguồn của dĩ vãng, tôi thấy lấp ló những hồi ký sung sướng nhưng mơ hồ: những vẻ mặt mờ mờ, xa xăm, những hình ảnh đã chôn kỹ từ lâu.

Và tôi nảy ra ý tôi cho những ấn tượng mơ hồ đó thêm rõ, như một họa sĩ sửa lại màu, vẽ lại nét trên một bức tranh. Tôi chọn một việc đặc biệt nào đó đã xảy ra, ôn lại được càng nhiều chi tiết càng tốt, tưởng tượng những người đã dự vào trong việc đó, một cách thật đầy đủ: từ y phục, cử động, giọng nói, tiếng cười (y sĩ đã khuyên tôi phải lắng tai nghe mà).

Thủy triều đã hạ, nhưng sóng còn gằm ở những chỗ đá ngầm. Tôi trở lại hai chục năm trước, nhớ buổi câu cá cuối cùng với em tôi. Tôi nhận thấy rằng nhắm mắt lại và chú hết tinh thần vào thì tôi có thể làm sống lại một cách rõ rệt lạ lùng hình ảnh người em yêu quý, trông thấy lại được cái khoe mắt vui vẻ, hăng hái của chú ấy trong buổi sáng xa xăm đó nữa.

Thực ra, tôi trông thấy lại được tất cả khung cảnh bãi biển hình vòng cung màu ngà, nơi chúng tôi câu, mặt trời mọc làm cho nền trời ở phương Đông như lem luốc, những lớp sóng cao viền bọt đập vào bờ; tôi cảm thấy nước âm ẩm cuộn cuộn rút ra, buồn buồn ở đầu gối tôi; tôi thấy cần câu của em tôi uốn cong lại mỗi khi em tôi giật cá, tôi nghe thấy tiếng la hét mừng rỡ của em tôi khi bắt được cá. Tôi xây dựng lại hoạt cảnh đó, từng khúc từng khúc một, rõ ràng mà không sai, dưới lớp sơn trong suốt của thời gian. Rồi hình ảnh biến mất.

Tôi chậm chạp đứng lên. Ráng trở lui về dĩ vãng. Những người sung sướng thường rất tự tin. Cố ý tiếp xúc lại với hạnh phúc đã qua, chính là một cách giải thoát những tia nghị lực, nguồn lực sinh khí của ta đấy.

Phần thứ nhì của ngày hôm đó trôi qua mau hơn. Trong khi mặt trời chậm chậm bắt đầu hạ xuống, tôi tham lam cố ôn lại nhiều dĩ vãng, sống lại giai đoạn này, tìm lại được giai đoạn khác đã hoàn toàn quên từ lâu. Một hôm, hồi đó tôi vào khoảng mười ba tuổi, em tôi mười tuổi - thân phụ tôi đã hứa dắt chúng tôi đi coi xiếc, nhưng rồi trong bữa trưa, có người kêu điện thoại báo có việc gấp, thân phụ tôi phải lại hăng ngay. Anh em tôi đã sẵn sàng nhận nỗi thất vọng rồi, nhưng thân phụ tôi bình tĩnh bảo:

- Không, tôi không tới được: việc gấp gài thì cũng để đó.

Người trở về bàn ăn, thân mẫu tôi mỉm cười bảo:

- Gánh xiếc đó thường trở lại mà.

Thân phụ tôi đáp:

- Phải, nhưng tuổi thơ không trở lại nữa.

Đã bao nhiêu năm trôi qua rồi, tôi còn nhớ chuyện đó, và thấy lòng tôi ấm áp lên, tôi hiểu rằng không có một việc thiện nào mà hoàn toàn mất bao giờ cả.

*

* *

Khoảng ba giờ chiều, lúc nước ròng, tiếng sóng chỉ còn văng vẳng, đều đều từ xa đưa vào, như hơi thở của một người khổng lồ. Tôi nằm trên cát, sung sướng, thoải mái, và hơi tự đắc nữa: những toa ông ấy cho mình, có khó theo chút nào đâu.

Nhưng tôi không ngờ được nội dung trong toa thứ ba: không phải là một lời gợi ý nữa mà là một mệnh lệnh nghiêm ngặt: Xét lại các động cơ thúc đẩy ông hành động.

Phản ứng đầu tiên của tôi hoàn toàn có tính cách tự vệ: mình có làm cái gì bậy đâu mà phải xét lại.

Tôi muốn thành công: ai chẳng muốn thành công? Tôi muốn có chút danh vọng: mọi người cũng mong như tôi.

Có tiếng thì thầm trong thâm tâm tôi: "Có thể rằng động cơ của mình không được cao thượng lắm chăng? Có thể rằng vì vậy mà tinh thần của mình mất quân bình chăng?"

Tôi vốc lên một nắm cát rồi để cho nó chảy qua kẽ tay. Hồi xưa, mỗi khi tôi làm được một việc gì hoàn hảo thì là tự ý làm, vui vẻ làm, không chút bó buộc. Ít lâu nay tôi làm theo một lối "thông thái", tính toán, lạnh lùng. Tại sao? Tại tôi còn nhắm cái gì khác ở ngoài công việc, nhắm phần thưởng mà tôi mong được hưởng: sự làm việc không còn là cứu cánh nữa mà thành một phương tiện để kiếm tiền.

Tôi bừng tỉnh, giác ngộ được chân lý này: khi động cơ của ta xấu thì không có gì tốt được cả,

dù ta làm người phát thư, người hót tóc, nhân viên hãng bảo hiểm hay bất kỳ một nghề gì khác. Hễ ta còn cái cảm tưởng rằng ta phụng sự xã hội thì công việc ta làm còn được hoàn hảo; nếu ta chỉ nghĩ đến tư lợi thôi thì công việc hóa kém, tồi đi: luật đó cũng nghiêm khắc như luật trọng lực vậy, không ai thoát khỏi nó.

Tôi ngồi đó trầm tư trong một hồi lâu. Ở ngoài xa, trên chỗ đá nổi, tôi nghe thấy tiếng sóng nhào ì ầm biến thành tiếng gầm; thủy triều đã dâng; sau lưng tôi, ánh tà chiếu gần như ngang ngang trên cảnh vật: sắp tới lúc rời bãi biển rồi. Tôi không thể không phục y sĩ đó: toa thuốc của ông tài tình thật mà ông có vẻ chép ra một cách dễ dàng, chẳng cần suy nghĩ gì nhiều. Lúc đó tôi mới nhận ra rằng lối trị bệnh tuần tự đó có thể giúp được mọi người trong mọi nỗi khó khăn.

Lẳng tai nghe: để tinh thần dịu xuống, thả nó lại, không cho nó thắc mắc, ưu tư về những vấn đề nội tâm nữa mà hướng về thế giới bên ngoài.

Ráng trở lui về dĩ vãng: óc con người cùng một lúc chỉ có thể nghĩ tới một ý thôi; nghĩ tới những lúc vui đã qua thì tự nhiên quên hết các ưu tư hiện tại.

Xét lại các động cơ thúc đẩy ta hành động: lệnh nghiêm khắc đó chính là điểm cốt yếu của phương pháp: đánh giá lại động cơ để cho nó hòa hợp với khả năng và lương tâm của mình. Nhưng muốn làm được như vậy, thì trí óc phải sáng suốt và dễ thụ cảm, cho nên cần được chuẩn bị trước trong sáu giờ hoàn toàn im lặng.

*

* *

Khi mặt trời đỏ rực như một bầu lửa lớn ở chân trời, tôi lấy ra nốt miếng giấy cuối cùng. Lần này cũng chỉ có sáu chữ. Tôi tiến chậm chậm lại phía biển, khi còn cách mí nước lớn vài thước, tôi ngừng và đọc lại: Viết ưu tư lên trên cát.

Tôi tung cho tờ giấy bay theo gió, bước vài bước, lượm một vỏ sò rồi quì xuống, viết lên trên cát mấy chữ, chữ nọ đè lên chữ kia.

Sau cùng tôi về xe mà không quay lại ngó ở phía sau: tôi đã viết những ưu tư của tôi lên cát và thủy triều đương dâng.

LÀM CHO KỲ ĐƯỢC MỚI THÔI

Trong thị trấn nhỏ của chúng tôi không ai biết bá tước đó ở đâu tới. Có lẽ bà là người ngoại quốc vì ráng nói cho đúng giọng. Chắc bà giàu có vì dinh thự to lớn, gia nhân đông. Nhưng bà không tiếp ai hết, không giao du với ai hết (...)

Bà luôn luôn cầm một chiếc gậy để chống mà cũng để trị những đứa trẻ nghịch ngợm, cần phải uốn nắn theo ý bà. Tôi tinh mắt mà lạnh chân, luôn luôn tránh được chiếc gậy đó. Vậy mà một hôm, năm tôi mười bốn tuổi, muốn đi đường tắt, tôi vừa nhảy qua hàng rào của bà, thì ở đâu bà đập cho tôi một cái vào đầu, tôi kêu "ái" và nhảy lùi lại tới gần một thước.

Bà bảo:

- Này cháu, già muốn nói với cháu điều này.

Tôi tưởng bà sẽ thuyết cho tôi về cái tội nhảy qua hàng rào nhà người khác, nhưng bà ngó tôi, hơi mỉm cười, có vẻ thay đổi ý kiến.

- Phải cháu ở căn nhà sơn xanh bên kia không? Nhà có trồng liễu ở ngoài vườn đó?

- Dạ phải.

- Chính cháu săn sóc, tưới, xén và hót bồn cỏ đó phải không?

- Dạ phải.

- Được lắm. Chú làm vườn của già nghỉ việc rồi. Sáng thứ năm, bảy giờ cháu lại đây, nghe. Nè đừng có kiếm chuyện nói rằng mắc việc này việc nọ, già đã thấy thứ năm nào cháu cũng lê la, lang thang trong xóm.

Tôi không dám cãi bà nên thứ năm đó tôi lại hót đi hót lại ba lần bồn cỏ của bà rồi bà mới vừa lòng. Kể đó bà bắt tôi bỏ đi nhổ những cỏ ngứa: đầu gối tôi xanh như bồn cỏ vậy. Sau cùng bà đứng dưới hiên gọi tôi vô:

- Cháu muốn lãnh công bao nhiêu đây?

- Cháu đâu có biết được. Có lẽ 50 quan...?

- Theo ý cháu thì công việc cháu làm đó đáng 50 quan hả?

- Dạ... Nghĩa là... vào khoảng đó vậy mà!

- Được. Đây là số 50 quan mà cháu cho đáng công cháu. Già thêm vào đó 150 quan nữa, công của già đã theo gót, coi chừng cháu suốt buổi. Bây giờ già cho cháu hay cách thức chúng mình làm việc chung với nhau ra sao, nhen. Có bao nhiêu người làm thì có bấy nhiêu cách hót bồn cỏ. Và công việc của họ đáng giá cũng rất khác nhau, từ 1 xu tới 500 quan. Công việc của cháu hôm nay đáng giá 300 quan nếu cháu... tự làm lấy một mình, không có già theo gót, chỉ bảo. Muốn lãnh được 400 quan thì công việc phải gần như hoàn toàn, hót một bồn cỏ mà tốn công như vậy thì già cho là điên. Còn như muốn cho công việc đáng 500 quan... thì chúng ta đừng nên nghĩ tới: không thể làm được. Vậy từ nay mỗi tuần cháu lại hót bồn cỏ cho già một lần và cháu tự định công việc của cháu đáng bao nhiêu, già sẽ trả bấy nhiêu.

Tôi đi về với 200 quan trong túi, có cảm tưởng rằng mình giàu nhất đời, và quyết tâm tuần sau phải moi được 400 quan của bà ta mới nghe. Hỡi ơi! Tuần sau, tôi không đạt được cái giá 300 quan nữa. Khi hót lần thứ nhì, nghị lực của tôi bắt đầu giảm đi.

- Cũng chỉ đáng 200 quan Thế này thì già chắc phải mướn người khác thôi, cháu ơi!

- Dạ, nhưng tuần sau cháu sẽ cố gắng hơn.

Tôi không nhớ đã làm cách nào mà giữ được lời hứa. Khi hót lại bồn cỏ lần cuối cùng, tôi đã mệt đừ, vậy mà vẫn còn gắng sức thêm được nữa. Lần đầu tiên thấy cái cảm giác thắng lợi đó, tôi mừng rỡ, không do dự gì cả, xin bà 300 quan.

Bốn hay năm thứ năm sau, có lần tôi định giá công việc của tôi là 300 quan, có lần 350 quan. Làm được ít lâu, tôi biết rõ bồn cỏ đó: chỗ nào mặt đất gồ ghề, chỗ nào tôi phải hót cụt, chỗ nào phải để cỏ cao, như ở gần mép, như vậy đường cong toàn thể bồn cỏ được điều hòa hơn. Càng quen với công việc tôi càng nhận định rõ được một "công việc đáng 400 quan" thì phải ra sao. Và tuần nào tôi cũng quyết tâm thực hiện cho được cái mẫu mực mà tôi đã tính trước trong đầu. Nhưng khi kiếm cho được 300 quan hoặc 350 quan, tôi thấy mệt quá rồi, nên quên cái dự định cố vượt mức đó.

Bà bá tước khi trả tiền cho tôi, bảo:

- Cháu có vẻ ngừng ở cái mức 350 quan!

Nhìn số tiền đó, tôi mừng quá, không nhớ rằng mình đã nhắm cao hơn nữa, nên đáp:

- Cháu cũng có cảm tưởng như vậy!

Bà an ủi tôi:

- Có gì đâu mà phải tự trách mình. Xét cho kỹ thì hạng người hút một bồn cỏ mà đáng được lãnh 400 quan đâu có nhiều gì.

Mới đầu nghe lời đó, tôi cũng thấy mát ruột. Nhưng rồi trong lòng tôi có sự thay đổi lần lần mà tôi không ngờ, sau cùng tôi thấy bức mình về lời đó và tôi quyết tâm kiếm cho được 400 quan, muốn ra sao thì ra.

Một buổi đêm thứ năm tôi ráng quên sự thất bại trong ngày để ngủ một giấc, thì ý nghĩ đó hiện lên, mạnh mẽ vô cùng, tôi nhồm dậy, xúc động đến nghẹt thở.

Phải đạt cho được 500 quan, chứ không phải 400 quan! Phải làm cho được một việc mà không ai làm được, chính vì lẽ rằng nó không làm được.

Tôi biết những nỗi khó khăn tôi phải vượt. Chẳng hạn có vài chỗ, sâu bọ, giun dế đã đùn đất lên, phải san cho phẳng. Có lẽ bà bá tước chưa nhận thấy những chỗ đó vì nó nhỏ quá: nhưng tôi đi chân không, tôi biết và tôi phải sửa sang lại cho bằng phẳng.

Thứ năm sau, trước hết tôi dùng một cái hủ lô (rouleau) để san phẳng những chỗ đất đùn lên đó. Sau hai giờ làm việc, tôi chán nản, gần chín giờ sáng tôi đã tính bỏ dở! Rồi chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên lạ lùng, tôi bỗng đổi ý. Xong việc san bằng hủ lô đó rồi, tôi ngồi nghỉ dưới một gốc cây dẻ và ngủ thiếp đi một lát. Tỉnh dậy thấy bồn cỏ đẹp quá, đi chân không lên thấy êm quá, tôi nóng nảy muốn tiếp tục công trình của tôi.

Khoảng tám giờ tối, mọi việc hoàn thành. Tôi hãnh diện quá, quên mệt, chạy lại cửa phòng bà bá tước:

- Hôm nay đáng giá bao nhiêu đây?

Tôi rán bình tĩnh lại một chút, làm ra vẻ nghiêm trang và đáp:

- 500 quan!

- 500 quan? Cháu muốn nói 400 quan đấy chẳng? Già nhắc lại: không sao đạt được mức 400 quan, không thể được mà?

- Dạ, được chứ! Chúng có là cháu làm được rồi đấy.

- A! Từ khi khai thiên lập địa tới nay, mới có một bồn cỏ mà một người làm vườn bỏ công sửa sang đáng tới 500 quan, phải đi coi cho biết mới được.

Trong ánh hoàng hôn sắp tắt, chúng tôi cùng đi coi khắp một vòng bồn cỏ. Chính tôi mà cũng ngạc nhiên vô cùng: không thể tưởng tượng nổi một công trình như vậy.

Bà đặt tay lên vai tôi, bảo:

- Này em, già không hiểu em đã có nghị lực mạnh ra sao mà thành công một cách tuyệt vời như vậy.

Chính tôi, tôi cũng không hiểu nữa. Mà già có hiểu thì cũng không thể giảng được vì cảm động quá khi nghe bà bảo rằng tôi đã thành công.

Bà nói tiếp:

- Già đoán được cảm xúc của em khi em quyết định làm cho được công việc mà già cho là không làm nổi. Chắc lần đầu có quyết tâm đó, em đã sung sướng lắm mà cũng hơi kinh hãi một chút. Già đoán có đúng không?

Thấy cái vẻ kinh hãi trên nét mặt tôi, bà biết rằng bà đã đoán đúng.

- Già biết được như vậy là vì hầu hết chúng ta đều có cảm xúc đó. Chúng ta có lúc bỗng cảm thấy bùng phát trong lòng mình cái ý muốn xắn tay làm một công trình lớn lao. Ta được hưởng niềm sung sướng kỳ diệu. Rồi hạnh phúc đó tan dần đi vì chúng ta tự nhủ: "Không, mình không làm nổi: việc đó không thể làm được! Mỗi khi có một tiếng từ đáy lòng em bảo em rằng: "Không thể làm được" thì em nhớ phải xét cho kỹ, đừng vội tin nó nhé .

Từ buổi đó đến nay đã trên một phần tư thế kỷ rồi, mỗi lần tôi thấy hết phương, cùng đường, không còn chút hy vọng nào cả ở chân trời khi mấy tiếng "không thể làm được" lại hiện lên trong óc tôi, tôi lại cảm thấy trong lòng bùng hăng lên, như có một sự thúc đẩy kỳ diệu bất ngờ nào đó, và tôi hiểu thêm một lần nữa rằng con đường duy nhất có thể đạt được ở ngay trong cái thiên nan vạn nan, không thể làm được đó.

Richard Thurman

BẬC VĨ NHÂN NHẤT THẾ GIỚI

Tôi để cho các học sinh của tôi vô lớp và lặng lẽ ngồi xuống, trước mặt tôi, em nào vào chỗ nấy. Tôi bắt các em ngồi im một lát như vậy, và ngó lên các em, thích thú về cái uy tín của tôi lắm. Còn chúng thì đã bắt đầu ngại ngại rồi. Chúng đã đoán được hôm nay tôi tính "trắc" chúng cái gì chẳng?

Khi đã áp chế được chúng rồi, tôi mới bảo:

- Lấy một tờ giấy ra!

Chúng nhao nhao lên phản đối:

- Thưa thầy đừng! Để hôm khác, thầy.

Tôi yêu chúng lắm, như bầy con của tôi! Tôi yêu cái tánh hay phản đối, ranh mãnh, đại dột, làm biếng của chúng. Tôi yêu em Kobert mập lù kia, cứ ba ngày thì hai ngày quên không mang sách; tôi yêu em Annette nhỏ xíu không lần nào nộp một bài mà không có vết mực; yêu em Herve nữa không làm sao nhớ được những lỗi chánh tả dễ dàng nhất; và em Philippe nữa mà không có sức mạnh nào trên đời này có thể ngăn em viết leo ra ngoài lề được. Tôi yêu hết thầy các em và các em biết như vậy lắm. Đã nhiều lần tôi suýt mềm lòng, chiều các em năn nỉ, đòi cái này cái nọ!

- Nào mau lên chứ! Chép đầu đề tác văn.

Thấy các em vội vàng lấy giấy, tôi hiểu rằng lúc này, các em ngại tôi ra bài ám tả. Có vài em cầu nhàu đấy, nhưng rồi giấy trắng, giấy chặm và viết máy đã hiện đủ trên mặt bàn. Rồi hết thầy đều ngược mắt nhìn tôi, và trong cặp mắt chúng, tôi chỉ thấy vẻ lo ngại, đợi đầu đề.

Tôi sẽ bỏ suốt ngày chủ nhật tới để chấm bài tụi con nít này đây, còn chúng thì chúng sẽ chỉ bỏ ra một phút để phê phán tôi tùy đầu đề tôi sắp ra. Tôi hồi hộp lo ngại cũng gần như chúng:

- Trò phục vĩ nhân nào nhất, bất kỳ vĩ nhân trong lịch sử, trong thời này hoặc trong truyền thuyết. Cho biết tại sao lựa vĩ nhân đó.

Bao nhiêu cái đầu cúi xuống đều ngừng lên cả. Hầu hết đều toét miệng cười, chắc chắn chúng sẽ chăm chú làm bài. Chúng thích đầu đề đó, và tôi khoái lắm: - trong thâm tâm chúng, thế nào chúng chẳng phê cho tôi một điểm tốt.

- Thôi bây giờ làm bài đi... Hể chuông đổ là thầy thu bài đấy...

Chúng lại cúi đầu xuống. Có em ngậm đầu một cây viết chì, có em vẽ nguệch ngoạc lên giấy để suy nghĩ, rán nhớ lại những danh nhân đã được biết. Rồi bỗng có mấy em đưa ngón tay lên xin hỏi:

- Thưa thầy, con lựa Chúa Kitô được không ạ?

A! Có biết bao ý nghĩ kỳ dị trong đầu óc những em nhỏ đó! Mà chúng làm cho mình nhiều khi lúng túng chứ, chịu chúng thật!

- Ờ... được chứ, dĩ nhiên. Nhưng thầy ngại rằng lựa vĩ nhân đó, con sẽ khó viết đấy...

- Thưa thầy, bà Jeanne D'Arc phải là một vĩ nhân không ạ?

- Thưa thầy, lựa một con vật nổi danh, có được không ạ?...

Tôi đành để cho mỗi em tự lãnh lấy trách nhiệm và bảo chúng thôi đừng hỏi nữa, làm bài đi. Một lát sau, viết chì và viết mực bắt đầu đưa tí trên giấy và trong cảnh im lặng của lớp học, chỉ thỉnh thoảng còn nghe thấy tiếng vò một bản nháp hoặc tiếng một cây thước kẻ rớt xuống sàn.

Nhưng tôi nhận ngay ra rằng trong khi các em khác đã viết hết hàng này tới hàng khác thì em Benoit Trévol vẫn để tờ giấy trắng. Em có vẻ do dự lung. Em rất siêng năng. Không phải là hạng giỏi nhất trong lớp nhưng nhiều lần thấy em chuyên cần mà tôi cảm động. Có ý tứ, và thiện chí

thì tôi chắc là không em nào bằng. Đầu đề như vậy mà em có vẻ lúng túng, hoang mang, thì nhất định là có lý do gì quan trọng đây. Thấy em ngơ ngác ngó tôi, tôi ra dấu bảo em lên. Em đứng dậy, rón rén đi qua lớp học rồi bước lên bục, lại sát ghế của tôi. Em dăm dăm ngó tôi, muốn nói mà vẫn còn do dự.

Tôi nói nho nhỏ để em dễ kể nỗi lòng:

- Sao Benoit, tại sao con không làm bài? Có cái gì khó khăn không?

Em thu hết can đảm lại, mặt đỏ bừng, đỏ hơn chiếc áo lạnh em bận nữa, ghé sát tai tôi, hỏi:

- Thưa thầy, con có thể lựa ba con được không?

Nghề giáo viên quên của chúng tôi chẳng có danh vọng gì mà gần như vô vọng nữa. Nhưng có lúc chúng tôi được hưởng những niềm vui thầm kín, nhờ vậy mà quên được hết thấy mọi nỗi chán nản: một em nhỏ mười tuổi, nhón chân lên, tin cậy mình, thì thầm hỏi mình có quyền được nhắc tới ba của em không, cái đó đủ an ủi mười năm âm thầm tận tụy với nghề rồi! Thử hỏi trên đời này, có ông lớn nào, có bậc thiên tài nào, bậc vua chúa nào được nhận bảo vật đó không: những ánh sáng đầu tiên lóe trong óc một em nhỏ, sự nảy nở của một tình cảm mới mẻ! Tôi cảm động vô cùng, và phải gắng bình tĩnh lắm mới khỏi để lộ cho em thấy:

- Con tin rằng ba con thực là một vĩ nhân sao?

Benoit thốt lên, giọng tràn trề quyết tín:

- Dạ!

- Vậy thì làm bài mau lên và coi chừng chánh tả đấy nhé!

Một lát sau, ngọn bút của Benoit cũng đưa lia lịa trên giấy như chúng bạn. Lưỡi thè ra, em chăm chú làm bài cho tới hết giờ.

Trong thị trấn nhỏ này, ai cũng biết rõ ông Trévol, thân phụ của em, nhưng chắc chắn là danh vọng của ông không bao giờ vượt ra khỏi quận. Vừa xúc động, vừa ngại ngại nữa, tôi thắc mắc tự hỏi không hiểu ông có cái gì mà con trai ông coi ông là bậc vĩ nhân. Ông trạc tứ tuần, chẳng có nét nào giống Tyrone Power hay Frenandel [*].

Từ khi lại ở thị trấn này, ông làm kỹ sư trong một hãng thuộc da nhỏ ở ngoại ô. Theo tôi biết

thì chức vụ của ông trong hãng chẳng có gì quan trọng đặc biệt, và ngày nào ông cũng đi xe điện lại hãng như hầu hết các nhân viên khác. Ông ở tầng dưới một biệt thự có đủ tiện nghi, nhưng chẳng có gì sang trọng, cùng với vợ và hai đứa con. Thỉnh thoảng bà Trévol và nhà tôi gặp nhau ở ngoài phố hoặc ở chợ. Cũng như các bà nội trợ khác, họ hỏi nhau ít câu về giá cái hoa hoặc bơ nhập cảng. Chính tôi cũng đôi khi trò chuyện với ông Trévol. Ông hỏi thăm tôi về sự học, khả năng, sự gắng sức của Benoit. Tôi khen em, nên ông và tôi tử tế với nhau, buổi chiều thứ bảy, ở trong rạp chiếu bóng ra, hề thấy nhau là nhả nhận chào nhau. Tôi không nghe ai nói rằng ông có làm chính trị, các công tác xã hội, hoặc ở trong một đoàn văn nghệ, thể thao nào cả. Cũng như mọi người, ông bị động viên năm 1939, nhưng được làm ở lại hãng vì hãng ông cung cấp cho quân đội. Hồi bị quân địch chiếm đóng, ông không hợp tác với địch mà cũng không gia nhập kháng chiến. Ông quả là một người lương thiện, dễ thương, nhưng nói cho ngay, tôi chẳng thấy ông có một chút xíu gì là "vĩ nhân", hiểu theo cái nghĩa tầm thường nhất của tiếng này. Tôi mong được con trai ông phát giác cho tôi biết cái phong độ vĩ nhân của ông ra sao.

Vì vậy buổi tối hôm đó về nhà, tôi vội vàng lật xấp bài tác văn để tìm bài của Benoit Trévol. Tôi coi sơ sơ các bài khác để xem học sinh của tôi đã lựa những vĩ nhân nào. Vercingetorix, Mermoz, Robin des Bois, Tarzan, Lyautey, Charlot, De Gaulle được nhiều em lựa hơn cả. Tôi nhận thấy có một bài viết về Staline, một bài viết về Thánh Francois ở Assise. Bài của em Annette lại bị lem một vết mực bự, còn Philippe thì cũng lại viết leo ra ngoài lề nữa. Sau cùng tôi gặp được bài của Benoit, và tôi đọc liền, thích thú lạ lùng. Bài đó như sau:

"Vĩ nhân bậc nhất thế giới mà con được biết, mà con ngưỡng mộ nhất là ba con. Ai cũng biết ba con. Chủ nhật khi gia đình chúng con dạo mát trong công viên, mọi người luôn luôn chào: "Chào ông Trévol". Và con lấy làm hãnh diện. Ba con nắm tay con. Ba can đảm. Buổi tối, tới giờ đi ngủ, ba ra ngoài khép cửa rào lại. Ba không bao giờ biết sợ. Ba cũng rất mạnh nữa: có khi ba bồng má trong tay mà leo cầu thang. Ba cũng rất thông thái. Con thấy cái gì ba cũng biết, biết cả tên các ngôi sao, cũng biết các động cơ chạy ra sao nữa. Hôm nọ máy may gãy, ba đã sửa lại. Ba cũng biết trồng bông trong vườn nữa, và tới mùa xuân, bông nở. Ở hãng, ba chế tạo thứ da tốt nhất thế giới. Vậy mà không bao giờ ba khoe cả: ba không diễn thuyết trong ra-dô, không đăng hình mình lên báo như những người khác. Nhưng chắc chắn là không có bậc vĩ nhân nào hơn ba, cả ở Paris hay ở Mỹ cũng không có.

Có vài ba lỗi chánh tả nhẹ. Nhưng bài đáng được 18 điểm trên 20. Tuần đó, Benoit Trévol đứng đầu sổ. Dĩ nhiên, bài của em, chỉ hai thầy trò chúng tôi biết với nhau thôi.

[*] Những nhân vật nổi danh trên màn ảnh.

PHẢI BIẾT CHẾ NGỰ BẢN THÂN

Ba chục năm trước, hồi tôi là một y sĩ trẻ ở Londres, trong số thân chủ của tôi có một cựu giáo viên bị một bệnh nan y. Ông ta mượn một phòng trong căn nhà một gia đình thợ thuyền nọ ở khu Paddington. Ông già tội nghiệp đó có một vẻ gì đặc biệt làm cho tôi cảm kích. Phải chăng là cái niềm vui bình tĩnh, cái nét thanh thản nó tỏa ra từ thân hình già nua mảnh khảnh và từ cặp mắt sáng ngời màu hạt dẻ của ông? Thành thử tôi lại thăm ông thường, cả những khi ông không cần tôi săn sóc.

Đầu mùa hè, tôi xin được một cơ quan từ thiện cấp cho ông 20.000 quan để ông thoát khỏi cái không khí ngột ngạt trong thành phố mà ra biển nghỉ mát một tháng vì tôi biết ông thích biển lắm. Mười ngày sau tôi thấy ông mệt mỏi, tiêu tụy. Ngạc nhiên, tôi hỏi ông tại sao không đi. Ông làm thình một chút rồi mới thú thực rằng ông không đi nghỉ mát, mà cho hai đứa trẻ của thím chủ nhà đi. Tôi cự ông, ông làm thình, sau cùng mỉm cười một cách gượng gạo:

- Bác sĩ ạ, đôi khi cũng nên... nhịn tiêu đi.

Một tu sĩ vô danh Đức ở thế kỷ XV, Thomas a Kempis sống cô liêu trong tu viện, đã viết câu châm thúy này, tóm tắt được cả vấn đề đó:

"Chúng ta không thể hưởng được một sự tự do hoàn toàn nếu chúng ta không hoàn toàn hy sinh bản thân".

Sự thực, khả năng tự chủ đó là căn bản của mọi đức hạnh, nguồn gốc của mọi tự do. Muốn được tự do về tinh thần thì con người phải làm chủ được bản năng của mình đã. Thánh kinh có câu: "Thà làm chủ được lòng mình còn hơn là chiếm được một châu thành".

A, nếu chúng ta hiểu được điều ấy? Không tự chủ được thì không rèn được nhân cách, không

làm được một sự nghiệp gì có giá trị cả. Những công trình lớn lao, những cuộc đời vẻ vang không phải dễ dàng mà có đâu; phải nghiêm khắc kiểm soát bản thân, thắng được mình và hoàn cảnh rồi mới được hưởng những thành công đó. Nhạc sĩ nổi danh về piano, Paderewski, tóm tắt những gắng sức không ngừng của ông trong câu cô đọng này: "Trước khi thành bậc thầy, tôi đã phải làm nô lệ".

Người nào tự kiểm soát được mình thì có được cái sức mạnh tự chủ; người đó đã biết lựa chọn giữa hai thứ tự do: một thứ ngục tự do, tức là hành động theo thị hiếu bất thường của mình; một thứ chân tự do, tức là tự do lựa chọn bốn phận.

Muốn đạt sự chân tự do đó thì phải theo con đường nào? Nhà vật lý học Nikola Tesla cho ta biết ngay từ hồi nhỏ ông đã tự rèn luyện ra sao:

- Nếu tôi có một món ăn gì mà tôi thích lắm như bánh hay kẹo, thì tôi đem cho liền, dù là như vậy khổ tâm lắm đấy; nếu tôi có một bài làm hay bài tập nào mà tôi ghét lắm, thì tôi làm liền. Nhiều năm như vậy thì sự xung đột dịu xuống; rốt cuộc sở nguyện và ý chí của tôi không chối nhau nữa mà cùng hướng về một điểm.

Triết gia William James thì "không ai đáng thương hại bằng con người việc gì cũng do dự, dù là đốt một điếu thuốc, uống một ly rượu, định mấy giờ đi ngủ, mấy giờ thức dậy, hay làm một công việc nhỏ nhặt nào cũng phải đắn đo, suy tính".

Hết thảy chúng ta đều có một tật nào đó, lâu thành thói quen: hút thuốc nhiều quá, uống rượu nhiều quá, phí nhiều thì giờ quá trước màn ảnh truyền hình. Trước hết chúng ta hãy bỏ điếu thuốc lá quá số nhất định đó đi, bỏ ly rượu thứ hai, thứ ba đi. Nếu chúng ta mê coi truyền hình thì hãy khoan đã, đợi làm xong một công việc gì ích lợi rồi hãy coi. Chúng ta ăn nhiều quá ư? Thỉnh thoảng cần nhịn một bữa, có lợi cho sức khỏe, và ta sẽ được hưởng ngay phần thưởng của sự nhịn ăn đó, vì ta sẽ thấy dễ chịu trong người: ăn nhiều quá thì làm hại cơ thể.

Khi ta thực sự làm cái việc tự chinh phục mình đó thì lý tưởng của ta cao hơn lên, mở rộng ra. Chẳng hạn ta quyết tâm làm công việc một cách chuyên cần hơn, không làm phật ý ai, mà nếu người khác có làm thương tổn lòng tự ái của ta thì cũng không nổi quạu lên. Thắng được những việc nhỏ nhặt, thì chắc chắn sẽ thắng được những nỗi khó khăn lớn hơn; rồi một ngày kia sẽ thấy rằng, tinh thần mình mạnh lên lúc nào mình không hay, mình đã bỏ được những thói quen hồi trước làm cho mình tự khinh mình. Epictète bảo: "Anh nên sống một đời đạo đức, tập quen gắng sức thì sẽ thấy vui thích".

Không sao tả được cái nỗi vui khi mình đã khó nhọc tự thắng được mình. Chỉ có mỗi một con đường đưa tới hạnh phúc hoàn toàn là tự mình làm chủ được mình.

Mà nhân loại thì lại tin - điều này là một ảo tưởng nguy hiểm nhất - rằng càng có tiền nhiều càng sung sướng, chỉ có của cải mới làm cho ta giàu có, phong túc. Ngược dòng lịch sử, chúng ta thấy thời nào cũng vậy, những người đi tìm những hạnh phúc chân chính luôn luôn có một chủ trương hoàn toàn ngược lại. Thi hào Horace nói: "Càng sống thanh bạch thì càng được thần thánh ban nhiều phúc"; ông cho sự xa hoa, phóng đãng, ích kỷ của dân La Mã là những dấu hiệu báo trước sự suy sụp của đế quốc mênh mông đó.

Những kẻ nào bị thị dục chi phối, chỉ nghĩ tới chuyện hưởng lạc thì ở cuối đường đời chỉ thấy sự chán chường, chết rồi thành tro bụi hết. Vậy mà thời đại chúng ta có biết bao nhiêu người coi mục đích chính ở đời là hưởng lạc. Họ miễn cưỡng làm việc và cho sự vui chơi mới là việc quan trọng trong đời người.

Thế giới ngày nay xáo động trầm trọng; không phải là nhờ sống xa hoa, chơi bời cho thỏa thích, có đủ những tiện nghi vật chất - cái đó chỉ làm cho cơ thể suy yếu, tâm hồn nhu nhược đi thôi - mà nhân loại được cứu rỗi đâu, chính là nhờ tâm hồn và nghị lực của mỗi người. Loài người được trời ban cho cái khả năng tự tạo vận mạng cho mình - theo cái hướng tốt hoặc theo cái hướng xấu - từ trước tới nay đã chế ngự được các thú dữ và thiên nhiên, đã chinh phục được biển cả và không trung, nhưng chỉ khi nào tự chế ngự được bản thân thì lúc nào đó mới được biết sự tự do đích thực và nguồn hạnh phúc chân chính.

A.J.Cronin

MARY ! VÔ ĐI CON, VÔ ĐI !

Cứ mỗi năm chúng ta lại có được thêm một mớ hồi ký và niềm vui. Chuyện tôi sắp kể đây là một chuyện vui, rất đặc biệt của tôi hồi năm ngoái, chuyện một cuộc khởi hành mới trong đời người, chuyện một thiếu nữ cài một vòng hoa trên mái tóc nâu để về nhà chồng. Tên thực của em đó không phải là Mary, tôi đã lựa tên đó vì thấy nó rất hợp.

Tôi nhớ chừng rằng đã gặp em mấy lần đầu cách đây mười bốn năm, vì lúc đó em tám tuổi. Một buổi sáng nọ tôi nhận được một bức thư nói về một em bé bị mọi người bỏ quên, nhờ vậy mà tôi được biết em. Lúc đó em ở trong một viện nuôi các trẻ mà cha mẹ đem lại gởi tạm vì không sẵn sóc được. Các trẻ đó chỉ ở trong viện một thời gian thôi, nhưng riêng em Mary thì ở lại lâu. Người ta bảo các giấy tờ về em đã thất lạc mấy năm trước từ khi em được đưa vào viện. Không ai biết cha mẹ em là ai, em sanh ngày nào ở đâu, nhưng em có vài nét phương đông. Em không nói, vậy chắc là tri độn. Người viết thư hỏi tôi có thể lãnh em trong cơ quan nhận nghĩa tử mà tôi đã tiếp tay thành lập mấy năm trước không [1].

Bức thư không có gì đặc biệt trừ điểm này: đứa nhỏ đó không nói, nó tri độn. Tôi đáp rằng rất tiếc cơ quan của tôi là một cơ quan nghĩa tử [2] không giúp gì được nhiều cho em Mary, nhưng nếu tôi kiếm được một nơi nào nhận những trẻ như vậy thì tôi sẽ giới thiệu. Rồi tôi ráng quên em nhỏ đó mà mọi người đã bỏ quên nó.

Nhưng nửa đêm hôm đó tôi bỗng tỉnh dậy, và tôi hiểu ngay vì đâu một câu hỏi lớn vờn trong đầu óc tôi làm tôi thức giấc. Có thực là em Mary tri độn không? Tôi chưa thấy em. Nhân viên trong cơ quan đó có lòng tốt cả đấy nhưng họ bận việc quá, có lẽ chưa dò xét kỹ cá tính của em nhỏ đó chẳng? Việc đó mình phải làm mới được. Tôi bèn dậy viết một bức thư ngỏ ý muốn gặp em Mary và xin người ta cho tôi giữ em vài tháng.

Ít bữa sau, một bà đã đứng tuổi, vẻ hiền từ, dắt một em gái lại kiếm tôi. Em nhỏ nhắn yếu ớt, cầm một chiếc "xắc" đỏ, thứ rẻ tiền, nhưng còn mới.

Tôi bảo em:

- Mary, vô đi con, vô đi !

Mary đứng yên trong khi bà đó cởi áo ngoài, lột nón cho em. Em không ngước mắt lên mà cứ đứng đợi, tay nắm chặt cái xắc đó, cho tới khi bà đó đẩy nhẹ để em ngồi xuống một chiếc ghế dựa. Bà ta nói với tôi:

- Nó như vậy đấy. Không bao giờ nhúc nhích, mà cũng không bao giờ nói một tiếng.

- Bà có điều gì cho tôi biết thêm về em không?

- Không. Nó như vậy đấy. Nếu không bị thúc đẩy thì nó không làm gì cả. Thế thôi.

Quả thực là em Mary không làm gì hết. Em ngồi yên mặt cúi xuống, có vẻ không nhận ra mình ở đâu nữa.

Bà nọ đứng dậy cáo biệt:

- Nếu có điều chi khó khăn, xin bà cho tôi hay.

- Chắc không có gì khó khăn đâu.

Đó câu chuyện bắt đầu như vậy. Rồi mấy tuần kể đó ra sao? Chúng tôi cứ nói chuyện với Mary, coi em như là biết nói vậy. Cũng may, trong lẫm có mấy con mèo con mới sanh và lần đầu tiên tôi thấy em cười khi chơi với chúng. Tôi để em tự do đi đi lại lại trong nhà tùy ý, và em tập đánh đu dưới cây dẻ cổ thụ. Đi đâu em cũng kè kè ôm cái xắc đỏ, không rời một phút. Sau cùng một hôm em để nó ở trên lầu. Chúng tôi mừng, một tia hy vọng lóe ra rồi đây. Mấy ngày sau cũng vui nữa. Em chạy trên bãi cỏ. Em hết sợ bò cái và có khách tới thì em không trốn nữa vì biết rằng người ta lại không phải để bắt em đem đi.

Sau cùng, hết một tháng thì em bắt đầu nói. Chỉ để xin những vật mà em muốn: một trái cam, một con búp bê, một cái áo đẹp. Hết hai tháng, em đã nói chuyện rồi và chúng tôi quyết định cho em đi học. Chúng tôi tìm được một cô giáo có tinh thần hiểu biết, cô hứa không ép em tập đọc ngay. Trong một thời gian cô để mặc cho Mary ngồi ngó các em khác. Và Mary tập chơi trước khi tập đọc. Sau sáu tháng, thái độ của em làm cho tôi vững bụng. Tôi dắt em lại một nhà tâm lý học để ông kỹ lưỡng trắc nghiệm em. Trắc nghiệm xong ông bảo tôi:

- Không có gì đáng ngại cả. Em đó hoàn toàn bình thường, chỉ bị một xúc động tinh thần thôi. Có thể nói, em như mất hồn. Bây giờ em đương tự tìm lại em đây. Em phải tự tìm thấy được em đã rồi người khác mới tìm ra được em.

Tới lúc chúng tôi không thể nuôi em làm con nuôi được nữa vì chúng tôi già quá rồi, không thể làm cha mẹ em được. Nhưng tôi không thể đành lòng cho em đi đâu xa quá thị trấn bên cạnh. Tôi bảo em:

- Con phải có ba và má trẻ. Còn vợ chồng tôi thì sẽ là ông bà của con.

Một cặp vợ chồng trẻ nọ muốn nuôi em. Em làm quen với gia đình đó gồm hai đứa trẻ nữa và chịu lại đó ở. Lúc đó em đã hoàn toàn an tâm rồi. Nhưng buổi sáng cuối cùng, khi chia tay, vài giọt lệ lấp lánh trên hàng lông mi đen của em. Tôi làm bộ như không thấy, bảo em:

- Ngày mai con lại đây tắm với ông bà nhé.

Viễn cảnh đó làm em mỉm cười vì em mới tập lợi được ít bữa.

Rồi mấy năm sau ra sao? Chúng tôi mừng rằng càng ngày chúng tôi càng hóa ra không cần thiết cho em nữa, như vậy là em đã vui với gia đình ba má nuôi. Thỉnh thoảng ba má em lại nhờ tôi chỉ bảo. Em tới nhà tôi lần nào là chạy ngay vô lẩm kiểm xem có mèo không.

Ba má em bảo:

- Cũng có nhiều lúc khó khăn. Cháu bình thường đấy, nhưng phải gắng sức lắm mới học được. Không biết rồi cháu sẽ học được tới đâu.

Nhưng mỗi ngày em một điểm lệ lên. Những mái tóc nâu bao khuôn mặt của em. Cặp mắt em hồi trước rầu rầu, lờ mờ có vẻ như nhìn mà không thấy, thì bây giờ sáng ngời, sắc sảo. Bóng dáng em thanh nhã, em có một cái duyên say đắm. Tôi đoán rằng Jonathan bắt đầu để ý tới em hồi ở Trung học. Em Jonathan lớn con, thông minh, mê khoa học và toán. Ba má nuôi em Mary và tôi đều lo ngại. Tôi dặn ông bà đó:

- Đừng để cho Mary mê thiếu niên đó. Cả hai còn trẻ quá. Tôi không muốn cho nó khổ. Với lại cha mẹ cậu nọ có chịu nhận Mary không? Làm sao cho ông bà ấy biết được Mary thực sự ra sao? Chỉ có thể cho họ biết hiện lúc này đây nó ra sao thôi.

Ba má Mary là những người thận trọng, coi chừng không cho Jonathan gặp Mary thường quá. Với lại Mary cũng rất bận việc: học may vá, làm bếp. Nghỉ hè, theo cha mẹ đi nghỉ mát, và gặp những thiếu niên khác. Hết Trung học, em lên lớp Dự bị Đại học.

Sau cùng chúng tôi thấy rằng chúng tôi đã lo ngại hão. Cứ sau mỗi lần xa nhau, hai trẻ lại tìm kiếm nhau. Jonathan, thi cử nhân, đậu cao, được học bổng để chuẩn bị thi tiến sĩ. Từ hai năm rồi, Mary đã đi làm và hăng rất thỏa mãn về công việc của em. Tới lúc bọn trẻ lãnh lấy trách nhiệm. Tôi còn nhớ lần chúng lại thăm tôi. Tối đó là tối mùa đông, trước ngày Noel. Tuyết đổ. Tôi đương ngồi trước lò sưởi, đương nghe một khúc hòa tấu của Brahms. Họ nắm tay nhau, bước vào, má đỏ ửng vì lạnh.

Jonathan bảo:

- Chúng con sắp cưới nhau.

Chúng tôi ngồi nói chuyện cho tới khi củi cháy hết, chỉ còn than. Jonathan tặng Mary một chiếc nhẫn làm quà Noel. Kể đó tôi ra nước ngoài trong vài tháng rồi về ngay để kịp dự đám cưới mà tôi không muốn bỏ lỡ vì bất kỳ một lý do gì. Lễ cưới cử hành một buổi chiều đẹp tháng sáu, trong một giáo đường nhỏ, nơi trước kia Mary đã được rửa tội. Người ta dành cho tôi một ghế ở hàng đầu. Bản hành khúc vang lên. Chúng tôi đứng dậy. Chú rể đứng đợi với cậu phù rể, nghĩa huynh của Mary.

Tôi quay lại. Đi đầu là bốn cô phù dâu (cô thứ nhất là nghĩa tử của Mary) bận áo bằng hàng mỏng màu xanh vỏ trái táo. Rồi tới Mary bận áo sa tanh trắng, chiếc "voan" bằng ren, tay cầm một bó hoa, khoác tay cha tiến tới, mặt tươi rói và diễm lệ. Bây giờ nhớ lại, tôi vẫn còn rung rung nước mắt như hôm đó. Không phải khóc vì đa cảm, vì phải xa cháu dâu. Mà khóc vì vui; thế là tôi đã thỏa nguyện. Tôi nhớ lại nét mặt em nhỏ khi người ta dắt lại cho tôi, em nhỏ làm cho người ta tuyệt vọng đó thì bây giờ đây, nhờ tình thương và lòng tin đã biến đổi hẳn rồi.

Còn một chi tiết nữa làm cho ngày vui đó hoàn toàn. Khi làm lễ xong rồi, khi Mary đã thành vợ của Jonathan, và cùng nhau vui vẻ lanh lẹn bước ra khỏi giáo đường rồi, bà mẹ chồng Mary bước qua gian giữa giáo đường, tiến lại gần tôi, nắm lấy tay tôi bảo:

- Tôi muốn thừa với cụ rằng vợ chồng tôi lấy làm vinh dự được cháu Mary về làm dâu. Chúng tôi đều mến cháu.

Bây giờ thì Mary biết mình là ai rồi. Và chúng tôi cũng biết nữa.

Pearl Buck

[1] Tác giả, nữ sĩ Pearl Buck, được giải thưởng văn chương Nobel và giải Pulitzer, đã tận tụy cứu giúp các trẻ mồ côi, tàn tật. Bà nuôi chín người con nuôi. Năm 1949 lại thành lập một nhà tiếp nhận các trẻ mồ côi lai Mỹ Á. Gần đây bà lập thêm một hội thiện gọi là Fondation Pearl Buck (hộp thư 2.137, Philadelphie, Pennsylvanie, 19.103) để cứu vớt những con hoang của quân nhân Mỹ bị bỏ rơi bơ vơ ở nước ngoài.

[2] Cơ quan nuôi các trẻ bơ vơ, gia đình nào muốn nuôi con nuôi thì lại đó tìm lựa.

KHÚC ĐƯỜNG BI THẨM

Thời đó nhạc Jazz mới bắt đầu thịnh. Luân lý suy đồi mà thói trăng tráo, vô liêm sỉ được hoan nghênh. Một cặp vợ chồng trẻ nọ dễ thương, hoạt bát, lanh lợi, dọn lại ở sát nhà chúng tôi. Như nhiều cặp khác, họ mới vội vàng cưới nhau trong chiến tranh, chồng tên là Fred, vợ là Clara.

Mấy năm chiến tranh họ sống trong một không khí cực nhọc, kích thích. Xa nhau trong mấy tháng rồi mới đoàn tụ một vài ngày, sung sướng và xúc động cực độ. Bây giờ hết chiến tranh rồi, cũng như bọn trẻ khác, họ phải trở lại cuộc sinh hoạt bình thường, hơi buồn tẻ.

Một buổi tối tháng chín năm 1919, họ cãi lộn nhau như thường ngày. Đã mấy tháng nay, họ gây với nhau hoài. Họ vẫn yêu nhau đấy nhưng hôn nhân của họ đã có mùi lâm nguy. Họ thỏa thuận với nhau, cho cái thói vợ chồng dắt nhau đi chơi là lảm cảm, cổ lỗ. Vì vậy tối hôm đó, Clara sẽ đi với một chàng tên là Charlie, còn Fred thì cũng đi với một thiếu phụ tên là Eliane, mỗi cặp đi một phía.

Cặp vợ chồng trẻ đó đã uống hết một bình "cocktail" trong khi đợi Charlie tới. Fred mới nghe được một chuyện độc ác thô tục về Charlie, kể lại cho vợ hay. Thế là họ lại đấu khẩu với nhau. Tối đó họ chưa tính ly dị nhau, nhưng cứ cái đà đó thì chẳng bao lâu nữa nhất định là họ sẽ đưa nhau ra tòa.

Bỗng một tiếng còi xe lửa chói tai làm họ im bật. Không phải tiếng còi như mọi khi. Lần này nó xé không khí, dữ dội, kinh khủng rồi ngừng bật một cách tàn nhẫn rùng rợn. Có gì xảy ra trên đường xe lửa cách nhà họ một cây số rưỡi đó? Clara và Fred đều không biết.

*

* *

Cũng tối đó, một cặp vợ chồng trẻ khác: William và Mary Tanner dắt nhau đi chơi. Họ cưới nhau trước cặp Clara và Fred, và đã biết san phẳng những xích mích nhỏ giữa họ với nhau từ lâu rồi, bây giờ rất quý mến nhau.

Sau bữa tối, họ dạo mát, coi hát bóng. Tới một chỗ đường xe lửa đi ngang qua đường cái,

Mary trượt chân, té và chẳng may chân nàng mắc kẹt vào đường rầy, rút chân ra khỏi đường rầy hoặc ra khỏi chiếc giày đều không được. Một chuyến xe tốc hành chạy tới.

Chỉ còn vài giây nữa thôi.

Khi ánh đèn xe lửa chiếu lên họ, người thợ máy mới thấy, họ kéo còi, xả hết hơi.

Mới đầu ông ta thấy hai hình người rồi thêm một hình thứ ba, hình chú John Miller, nhân viên hỏa xa, chạy tới cứu Mary.

Will Tanner quì xuống, tay run rẩy rán cởi giày cho vợ, nhưng không kịp nữa. Nhân viên hỏa xa và chàng cùng rán kéo Mary ra xa trong khi chuyến xe ầm ầm xông tới.

Nhân viên hỏa xa thét lên.

- Thôi, vô ích! Không cứu được đâu!

Mary cũng nhận thấy vậy, la lớn:

- Mặc em! Anh Will mặc em!

Nàng cố đẩy chàng ra.

Will Tanner chỉ còn có một giây để lựa chọn. Không thể cứu Mary được nữa nhưng còn kịp tự cứu mình.

Người gác đường rầy [*] nghe Will Tanner lớn tiếng, đáp vợ át cả tiếng rầm rầm của chuyến xe đang xông tới:

- Anh ở lại với em, em Mary!

*

* *

Bảo rằng tiếng còi xe lửa đó làm cho Fred và Clara hết gây nhau thì không đúng. Nhưng tai nạn đó làm cho sự giao thông ngưng lại ở hai bên đường, và các xe hơi tính qua khúc đó đều bị mắc kẹt; trong số đó có chiếc xe của Charlie. Chàng không kiếm cách đi vòng đường khác để lại nhà Clara. Chàng quay trở về nhà chàng và kêu điện thoại. Fred lại nghe điện thoại, hỏi Charlie:

- Anh muốn nói chuyện với Clara hả?

Charlie đáp, giọng nghẹn ngào, kỳ cục:

- Không. Nói chuyện với cả anh nữa. Tôi không lại đón chị đâu, anh Fred. Nhờ anh nói lại với chị như vậy.

Fred hỏi có gì xảy ra không thì Charlie có vẻ không đáp thẳng được.

- Anh biết vợ chồng Tanner chứ?

- Tanner? Tanner ư? (Fred phải suy nghĩ một chút). À nhớ ra rồi. Phải cặp hủ hí với nhau, không rời nhau đó hả?

- Phải...

Charlie không nói gì được thêm nữa, móc điện thoại lại.

Một lát sau, vài người hàng xóm vô chơi nhà Fred, kể chuyện tai nạn:

- Người chồng đáng lý thoát được chứ, nhưng không muốn. Thầy ấy ôm lấy vợ, ghì chặt vợ và chú gác đường rầy nghe thấy thầy ấy nói: "Anh ở lại với em, em Mary!" Họ ôm nhau ngồi ở đường rầy... Đèn pha chiếc xe lửa chiếu vào họ, tỏ như ban ngày. Thầy ấy không chịu rời vợ.

Một hành vi cao cả, liệng vào bàn cân, do sự tương phản đã làm cho bao nhiêu cái ti tiểu nảy tung lên hết, và rơi vào những ti tiểu đó một ánh sáng tàn nhẫn, cho ta thấy rõ mọi sự bỉ ổi. Will Tanner khi chết đã hô hào một lý tưởng mà kẻ khác phủ nhận. Chàng đã thách đố những kẻ hoài nghi và gian trá. Người đàn bà nào nghe chuyện đó tất cũng tự hỏi câu này: "Mình có gây cho một người đàn ông nào một tình keo sơn như vậy không?" Còn phía đàn ông thì tất cũng tự hỏi: "Mình có biết chút gì về ái tình không, nếu mình không thấy ở trong thâm tâm mình một tình cảm khá mạnh để có được một hành vi như vậy?"

Tôi tin chắc rằng sự thay đổi trong tâm trạng và đời sống của cặp Fred Clara cũng bắt đầu từ đêm đó. Và nhiều người khác tất cũng thay đổi nữa: khi nghĩ tới Will Tanner, họ bắt đầu ngờ rằng trong tình vợ chồng có những khu vực mà họ chưa được biết tới.

Edwin Balmer

[*] Túc John Miller

CHÚA KITÔ TẮT CŨNG HÀNH ĐỘNG NHƯ ÔNG ẤY

Ngày mừng hai tháng hai năm 1956, ở gần Partinico, tại một miền nghèo khổ nhất trên đảo Sicile, vài trăm người thợ bắt đầu làm một con đường. Bỗng ba xe ca đầy cảnh binh xuất hiện. Hai trăm lính vác súng ngắn từ trên xe nhảy xuống.

Một sĩ quan tiến tới ra lệnh cho bọn người đắp đường:

- Giải tán!

Không ai nhúc nhích. Trong khu đất cằn cỗi, dưới ánh nắng, bọn thợ vẫn tiếp tục trải đá lên đường. Viên sĩ quan quay lại bảo bọn lính ra lệnh "đốc thúc hợp lệ". Ba tiếng kèn vang lên, viên sĩ quan lại tiến tới:

- Vì pháp luật, các anh phải giải tán!

Bọn thợ ngó người chỉ huy họ: một lực sĩ cao một thước chín, nét mặt hiền lành, mắt xanh lơ sau cặp kính rẻ tiền gọng sắt. Người này mỉm cười, ngồi xuống ở ngay giữa đường, ra dấu cho anh em làm theo mình. Không một tiếng la, không một cử động nào vô ích, họ liệng đồ nghề xuống đất rồi ngồi xõm xuống.

Bọn cảnh binh sững sờ một chút rồi cùng ùa tới, xách tay xách chân hoặc ôm ngang lưng từng người thợ một, khiêng lên các chiếc xe, mà họ không chống cự gì hết. Bọn lính chất họ như chất những bành hàng lên "xe cây"[1] và lái xe liền về khám đường ở gần đó nhất; mà những người thợ đó cơ hồ có tội gì đâu ngoài cái tội làm việc. Bọn lính kia buộc tội họ ra sao? "Tự hợp mà không báo trước. Chiếm đất công, không chịu giải tán, nhục mạ một nhân viên công lực, xúi dân nổi loạn". Họ muốn làm cái gì vậy? Muốn đắp một con đường cần thiết cho sự sinh hoạt của làng mà đợi từ mấy năm chính phủ vẫn chưa cấp cho kinh phí.

Và họ là ai? Là một bọn thất nghiệp do một con người kỳ dị cầm đầu: một kẻ phản đối trong lương tâm, vừa là kiến trúc sư vừa là thi sĩ, theo đạo Kito mà không thuộc một giáo phái nào, vào hạng thần bí trong trạng thái nguyên thủy, tóm lại là một sự hỗn hợp lạ lùng nửa là Gandhi, nửa là thánh Francois d'Assise, làm cho cả nước Ý ngày nay chia rẽ. Vì con người đó, tên là Danilo Dolci, không phải là một tên phiến loạn, một kẻ mị dân mà cũng không phải là một nhà cách mạng. Nhưng ông ta làm xáo trộn trật tự công cộng bằng một phương tiện thật là bất ngờ. Để chống lại sự thờ ơ của chính quyền, chống lại sự thiếu ngân quỹ xây cất, ông hô hào các người thất nghiệp đi làm việc; nghĩa là ông hô hào "làm reo ngược đời". Ông ta bị giam là thường phạm cùng với các tay "ăn cướp" của cực đảng Giuliano, và trong phiên tòa xử ông, người ta thấy ba chục luật sư, vài dân biểu, những nhân vật nổi danh nhất trong đảo, ông ta chỉ bị một án treo: đó là dấu hiệu của sự hoang mang trong tâm hồn người Ý...

*

* *

THÔN CỦA CHÚA

Năm 1952, Danilo Dolci tới Trappeto nơi đó thân phụ ông hồi xưa làm sếp ga.

Dân chài lưới ở đó kể rằng ông ta ở xe hỏa xuống hồi một giờ trưa và chỉ có ba chục đồng lire (đồng bạc Ý) trong túi. Người ta hỏi ông:

- Tới đây làm gì?

Làng xóm tiêu điều, nghèo khổ, nằm ủ rũ dưới ánh nắng gay gắt. Nhà cửa lợp tranh, đàn bà thì gầy đét mà trẻ con thì bụng ỏng. Sau một cửa sổ có lưới sắt, một thằng ngốc bỗng đứng cười sằng sặc. Thật trái ngược nhau: thiên nhiên thì vui tươi mà con người thì cùng khổ.

Ở đây, bất kỳ người lạ nào tới cũng bị coi như là kẻ thù .

Danilo mỉm cười đáp lại:

- Tôi tới đây làm gì ư? Tới sống với bà con, chúng mình cùng là con của Chúa cả mà...

- Ai phái anh lại đây? Đảng nào, giáo phái nào? Ở đây, dân nghèo quá, con của Chúa là cái nghĩa gì?

- Không ai phải tôi lại đây cả... Tôi sẽ chia sẻ nỗi khổn cùng với bà con...

Mới đầu người ta nghi kỵ ông ta. Rồi lần lần bắt đầu làm thân với ông. Con người đó thật kỳ cục. Quả thực ông ta sống chung với dân làng, chịu cảnh khổn cùng như họ, có cái gì thì chia sẻ với họ mà không đòi hỏi họ một chút gì cả: không bắt họ phải hứa cái này cái nọ, cũng không xin họ một lá phiếu cho ai cả. Mà ông ta lợp lại nóc nhà cho dân, thích lát lại đường sá, thúc đẩy các nhân viên ngủ gục ở nhà việc để họ bắt đầu làm những công việc bê trễ hàng tháng hàng năm.

Một hôm, một em nhỏ chết trong một cái chòi tồi tàn ở Trappeto, vì mẹ em thiếu ăn, đói khát không đủ sữa để nuôi em. Danilo lại thăm, chỉ thấy mỗi một phòng vừa làm phòng ngủ, nhà bếp, chuồng bò, chuồng gà, trên tường treo đầy hình thánh: Thánh San Vito, phù hộ cho loài chó, Thánh Antoine phù hộ cho heo, Thánh Eloi phù hộ cho loài la, Nữ Thánh Marthe phù hộ cho mèo cái và gà vịt... Còn cả chục vị Thánh khác nữa. Nhưng chẳng vị nào phù hộ cho đứa bé cả, để cho nó chết. Ở chòi bước ra, Danilo đau lòng quá, phải dùng phương pháp của Gandhi để cho dư luận chú ý tới: ông tự giam trong một cái chòi ở Trappeto và tuyệt thực.

Uy tín của ông lớn dần và nhà cầm quyền hóa ra xao động. Thông cáo bay tới Palermo; nhà hữu trách tới, vài trăm triệu đồng lire [2] được gửi tới; một nam tước phu nhân cũng chịu khó lại thăm làng.

Làng chài lưới đó thoải mái đưa xuống bãi biển, đường sá chỉ là những cái hố; trẻ con và gà chạy qua chạy lại bên những cái rãnh hôi thối... Tên "tướng cướp" Giuliano đã làm chúa tể miền này cho tới năm 1950.

Danilo bảo:

- Trên đất của Giuliano này tôi sẽ dựng một "thôn của Chúa!"

Ai cũng cho công việc ấy là điên khùng, vậy mà thành công chứ. Dolci mua một hec-ta đất, rồi đánh đổ tinh thần hoài nghi, theo thủ tục của dân làng, cùng với vài bạn cất một ngôi nhà, một vườn trẻ, một "đại học bình dân", tối tối dân làng lại há hốc miệng ra nghe ông diễn giảng.

Ông lấy bản thân làm gương mà phá tan hết mọi sự nghi kỵ. Khi ông lập vườn trẻ, vị mục sư Trappeto đâm lo ngại, đi đâu cũng bảo: "Hắn theo đạo Tin lành, nhận tiền của Mỹ..."

Có người lại quyết: "Hắn muốn bắt trẻ con ở đây gửi qua Nga".

Danilo cứ âm thầm xây cất. Không có em bé nào qua Nga. Mà cũng không có bóng một người Mỹ nào trong miền. Vị mục sư suy nghĩ sao đó rồi cũng cất một vườn trẻ. Danilo mừng rỡ, lại kiếm ông ta, bảo:

- Thừa cha, như vậy thì quý quá, tôi không mong gì khác. Có hai vườn trẻ vẫn hơn là có một vườn.

Tuy nhiên, dân trong làng vẫn chưa hết thành kiến, vẫn coi Danilo Dolci gần như một người ngụ cư, mặc dầu ông đã được quý mến, tiếp đón niềm nở. Nên ông phải tiến thêm một bước nữa, để được coi như dân làng. Ông quyết lựa nơi đó để sống.

Phía trên đỉnh đồi, cuối làng có một người đàn bà sống tuyệt vọng trong một cái chòi còn tồi tệ hơn các chòi khác. Chồng thím ta làm mướn trong các trại ruộng, gia nhập một đoàn "ăn cướp", bị công an tra tấn đến chết, để lại cho thím năm đứa con.

Danilo hỏi cưới thím, thím nhận lời. Họ sanh được hai đứa con nữa, vậy cả con riêng lẫn con chung được bảy đứa. Hơn nữa, Danilo nuôi thêm bảy đứa trẻ khác đều là con cô của bọn "ăn cướp". Từ đó dân làng đối với ông mới không còn sự cách biệt gì cả. Ông đã phá tan mọi sự do dự, ác ý, nghi kỵ của những người cùng khổ đã quen bị bóc lột, lừa gạt suốt cả mấy thế kỷ rồi. Cuộc hôn nhân của Danilo đã làm cho cả làng Trappeto cởi mở tấm lòng để tiếp ông.

Một hôm ông đáp một người lại điều tra:

- Ông có biết nạn cướp bóc do đâu mà phát sinh không? Ở đây một người chăn bò lãnh 500 lire mỗi ngày, không có bảo hiểm xã hội, không có phụ cấp gia đình. Một người lao công, một phu đào đất hoặc một người làm mướn trong các trại ruộng, làm việc tám giờ một ngày mà chỉ được kể có "nửa công", được trả có 350 lire, chưa đầy 200 quan Pháp. Hai trăm quan để cuộc xới suốt ngày với những dụng cụ cổ lỗ từ thời tiền sử và ăn uống thì chỉ có một khúc bánh mì với một củ hành. Giuliano khi ông ta mướn ai, thì trả một ngàn lire mỗi ngày.

Và để cho người điều tra hiểu tại sao số các trẻ mồ côi sống cực khổ lại quá nhiều, Danilo Dolci kể một chuyện khác:

- Một người thợ mộc đóng cối xay một hôm bị thương ở cẳng. Vết thương làm mủ. Chẳng có thuốc thang gì cả, vết thương hóa nặng, phải cưa khúc chân. Gia đình nghèo đói. Không có một

đồng để đi bác sĩ, không có một đồng để mua bánh. Tuyệt vọng, vợ chú ta lại năn nỉ ông chủ:

- Các cháu đói. Vì ông không ghi tên chúng tôi vào Bảo hiểm xã hội, nên chúng tôi không được lãnh gì cả. Xin ông giúp đỡ chúng tôi chút đỉnh.

Người chủ đáp:

- Chuyện đó không liên quan gì đến tôi cả.

Thím ta năn nỉ hoài mà không chuyển, bực mình thốt ra câu:

- Ông không giúp chúng tôi thì tôi sẽ giết ông!

Lão chủ gỡ cây súng, mắc ở tường, bắn vào thím nọ.

*

* *

NƯỚC : MỘT ĐẮNG CỨU THẾ NỮA

Tới tháng chạp năm 1954, "Thôn của Chúa" đã được hai tuổi, Danilo tính làm một công trình đại qui mô: dẫn nước sông Iato vào những ruộng khô cằn của các nông dân nghèo.

Ông ta bảo:

- Bà con thấy dòng suối kia không? Có biết bao nhiêu triệu thước khối nước đổ phí ra biển. Có cả tỉ lire mất toi...

Vì đất mà có đủ nước thì đáng lẽ trồng đậu, người ta có thể trồng cam và chanh. Người trong đảo Sicile này đã bảo nước ở đây cũng là một đấng cứu thế nữa.

Dân làng lắc đầu: công việc lớn lao quá, tốn tiền quá, làm sao nổi! Phải đắp đập nâng cao mực nước lên, đặt máy bơm, xây ống dẫn nước, đào mương. Trước khi kiếm tiền, phải thuyết phục nông dân đã mấy thế kỷ nay sống thờ ơ, để họ vô hội dẫn thủy Consorzio mà Danilo sắp tổ chức. Ông phải đi thăm từng nhà một để giảng giải ích lợi cho họ nghe. Một số người ký tên vô hội. Một số khác do dự. Không phải chỉ vì họ hoài nghi mà thôi đâu. Họ còn sợ sệt nữa. Dolci vừa ở nhà nào ra thì có sứ giả của các đại địa chủ bước vô liền. Bọn đại địa chủ này là hạng lãnh

chứa hợp thành một hội kín thời xưa làm mưa làm gió trên đảo Sicile.

Sứ giả của họ bảo nông dân:

- Coi chừng đấy, đừng nghe lời thằng Dolci. Kẻ nào vô hội thì sẽ phải ăn năn đấy.

Dân trong đảo đã bị bọn đầu đảng khủng bố quen rồi nên biết lời dọa dẫm đó không phải là lời đùa. Thỉnh thoảng, trên đường tới một khúc quẹo, họ lại thấy thấy một người trong nghiệp đoàn đã bỏ mạng vì "chậm hiểu". Một phát súng nhắm vào lưng đủ nhắc nhở rằng đảng ám sát đó vẫn có mặt đâu đây.

Mặc dầu chúng dọa dẫm, làm áp lực đủ cách, hội Consorzio vẫn thành lập được. Chính quyền Rome không thể làm thình được nữa, phải nhúc nhích. Một năm sau, tháng mười một năm 1955, dụng cụ được chở tới các miền cần cỗi nhất ở phía Nam đảo, chính quyền đã chấp thuận ngân sách để khởi công. Nhưng như vậy đâu đã là thắng lợi. Chấp thuận ngân sách là một việc, cấp kinh phí là một chuyện khác. Ngày mùng mười tháng giêng năm 1956, xảy ra một biến cố khá lạ lùng: Danilo Dolci được đài truyền hình Ý mời lại Turin, và trên máy truyền hình người ta thấy ông hô hào dân chúng "bất tuân chính quyền".

Ông tuyên bố:

- Nếu chấp thuận ngân sách rồi mà không cấp tiền, nếu không mở các công trường cho người thất nghiệp có việc làm thì chúng tôi sẽ tuyệt thực.

Báo chí sôi động cả lên. Cả nước say mê theo dõi vụ kỳ dị đó. Thông tin xã Ý viết: "Phải lựa chọn. Nếu Danilo Dolci là một tên phiến loạn nguy hiểm thì không nên cho ông ta tuyên bố ở đài truyền hình Quốc gia. Nếu ông ta cố động cho công bằng xã hội thì phải để cho ông ta được hoàn toàn tự do."

Trong khi đó ở Trappeto, Partinico, truyền đơn rải cùng hết, dân chúng hội họp. Một trăm người thất nghiệp tuyệt thực. Rồi ngày mùng hai tháng hai, bắt đầu cuộc "làm reo ngược đời" [3], để sửa một con đường rất quan trọng cho đời sống hương thôn, vì chính phủ không cấp kinh phí mà phải bỏ dờ. Thế là Danilo bị bắt, nhốt khám chung với các "tên cướp" trong đảng Giuliano đã quá cố, và các tên cướp đó ngưỡng mộ ông vô cùng, bảo nhau:

- Ông ấy hy sinh cho trẻ con nghèo ở Trappeto. Con cái chúng ta...

Ngày hai mươi bốn tháng ba, khi tòa đem ông ra xử, đủ mọi giới: giáo sư đại học, văn sĩ, đào hát kếp hát, diễn thành hàng trước vành móng ngựa. Ở Quốc hội, các dân biểu đứng lên chất vấn chính quyền. Nhiều ủy ban đoàn kết thành lập ở khắp nước Ý. Tại tòa, suốt năm ngày, người ta được nghe những lời cung khai lạ lùng. Có những em chần cừ không biết đếm tới số năm mươi, lại khai rằng Danilo Dolci đã giúp ích cho làng chúng được những gì. Các vị nam tước và bọn tay sai của các đại địa chủ không dám lộ mặt ra. Bản án gần như một sự thành công cho Danilo: ông và bốn người bạn bị 50 ngày tù án treo còn các người khác bị phạt vạ 8.600 lire. Hết thấy đều được trả tự do tức khắc.

Danilo Dolci cho rằng hành động đó mới chỉ là bước đầu.

Ông bảo:

- Trước hết chúng ta phải cải tiến hoàn, đừng để thành ra thói quen. Ở Trappeto, trong bốn năm chúng ta đã làm được ít nhiều công việc. Có đà rồi. Bây giờ phải tiến tới.

Ông nói rồi thực hành liền để làm gương. Căn nhà nhỏ mà ông cất, căn nhà duy nhất trong làng có bồn tắm ông đem tặng một người thất nghiệp tên là Turiddu Nania, có năm đứa con đần độn. Rồi ông lại Partinico, một thôn nghèo nàn cách Trappeto vài cây số. Ông lựa khu ghê tởm, mà thiên hạ mĩa mai gọi là khu "Giai thánh": rơm, phân, nước tiểu của bò, rác rưởi chất ngay ở giữa đường; trẻ con chỉ còn xương với da đi qua đi lại, ruồi bu đầy mình. Tại đó cũng có một cái chòi tồi tàn tới nỗi không ai thêm ở, người ta đồn rằng chòi có ma. Ông dọn lại đó, bảo:

- Ở đây tôi sẽ dựng "thôn thứ nhì của Chúa".

Maria Ercoli

—

[1] xe để chở tù.

[2] Đồng lire hồi đó (khoảng mười lăm năm trước) rất mất giá.

[3] Ngược đời vì người ta làm reo thì bãi công, mà họ lại làm reo bằng cách làm việc.

PHẢI THÀNH THỰC VỚI CHÍNH MÌNH

Bạn có thể tự ngó thẳng vào mặt mình một cách thành thực và nhận định được những điểm tốt và xấu của bạn không? Nếu được thì bạn đạt được cái nguồn phong phú nhất ít ai biết của sinh lực con người đấy.

Tôi lấy thí dụ một người mà tôi gọi là ông Paul M... Bốn mươi tuổi ông ta bắt đầu có tật uống rượu. Ông ta thấy đời sống không còn thú vị gì nữa mà ông không hiểu tại sao. Ông ta có một địa vị tốt trong một công ty lớn; vợ thì hiền mà con thì mạnh khỏe. Một hôm soi gương, ông thấy trên khuôn mặt của ông mà gần như ông đã quên, có những nét mới, có nét thì cương quyết, có nét lại nhu nhược. Ông bèn lấy một xấp giấy, một cây viết và luôn năm giờ liền, phân tích tính tình một cách tỉ mỉ và thẳng tay.

Năm giờ đó là những giờ có lợi nhất trong đời ông. Lần đầu tiên ông nhận thấy rằng ông quá tham vọng, quá hoạt động, công việc của ông trong hãng không hợp với ông. Ông bèn quyết định ra làm riêng, thôi hãng đó, lập một hãng chuyên lo công việc, giao thiệp với công chúng và chẳng bao lâu hãng phát đạt. Không những ông thành công mà còn sống vui hơn, làm việc hãng hái hơn.

Về phương diện tinh thần đó, sự thành thực với bản thân có lợi cho ta nhất. Biết rõ mình thì hết lo lắng ưu tư, tật này là tật chung của mọi người. Tiến sĩ Carl Rogers, nhà trị bệnh tâm lý, nhận thấy rằng những người bị bệnh tinh thần thường tự miệt thị mình. Một khi họ thấy y sĩ cho tất cả những tật của họ là tự nhiên, không có gì đáng chê thì tâm trạng họ thay đổi một cách rất có lợi cho họ. Họ không những nhận thấy sở đoản mà nhận thấy sở trường của họ nữa. Khi họ tự chấp nhận họ rồi, không tự miệt thị, rầu rĩ về họ thì bệnh tinh thần của họ đã giảm.

Trong cuốn Những năm sáng tạo (The creative years) Reul Howes kể chuyện một cô giáo hiền lành, e lệ, phải dạy một lớp toàn những trò bướng bỉnh. Khó chịu nhất là một em trai tên là Joe, mười bốn tuổi, chỉ thích xúi bạn làm loạn trong lớp. Một buổi chiều nọ, cô giáo tội nghiệp đó chịu hết nổi, giữ Joe lại sau giờ học hỏi tại sao em muốn phá cô như vậy. Joe cau mày ngó cô một lúc rồi nói: - Tại cô ngốc quá mà.

Cô giáo thở dài:

- Ở phải. Những trẻ dữ như em luôn luôn làm cho cô sợ, nhưng cô lại mong được giúp em. Em không muốn có một người âu yếm, nâng đỡ em sao?

Và cô ngạc nhiên vô cùng, thấy tên tiểu yêu đó òa lên khóc, bộc lộ ngay nỗi đau khổ, cảnh nghèo nàn, cô độc của nó. Ông Howes viết: "Lòng thành thực của cô giáo đó đã làm cho đứa trẻ dữ tợn, khổ sở đó thốt ra sự thật". Nó đã hóa ra thành thực với nó rồi.

Khốn nỗi, tách thành thực với chính mình đó là điều rất hiếm. Hầu hết chúng ta đều bị người khác chỉ huy, chúng ta không tự tìm đường hướng ở trong bản thân ta, mà cứ hướng theo mục đích, lý tưởng, ý kiến của người khác. Sự tùy thuộc vào người đó làm cho ta mất cá tính. Ta cứ phải luôn luôn rón rón hình ý nghĩ cùng tình cảm thực của mình mà không sao biến đổi nó hẳn được, vì nó là những yếu tố căn bản của đời ta mà.

Làm sao biết được mình có thể thành thực với bản thân? Tiến sĩ Gordon Allport, tâm lý gia ở đại học Harvard khuyên chúng ta phải tập tinh thần hài hước trước đã. Bạn có thể tự cười bạn một cách thẳng thắn, thành thật không? Nếu có thì có lẽ bạn tự nhận định mình một cách khá đúng đấy.

Tiến sĩ Gaudet, nhà chuyên môn về tâm lý thực hành trong kỹ nghệ, đề nghị một cách khác. Ông khuyên bạn tự hỏi: "Biến cố cuối cùng nào quan trọng nhất trong đời ta?" Đối nghề? Hôn nhân? Cha mất, mẹ mất? Rồi bạn lại tự hỏi: "Có bao giờ mình bỏ ra chút thời giờ để suy nghĩ, nhận định rằng biến cố đó đã làm mình thay đổi ra sao không?" Nếu bạn tự trả lời "không" thì bạn là hạng người cứ xông vào đời mà không suy nghĩ gì cả, và có lẽ bạn cũng không hoàn toàn ngay thẳng với bản thân nữa.

Tiến sĩ Gaudet còn khuyên chúng ta nên lấy bút giấy phân tách kỹ cá tính của mình, không phải để tiêu khiển cho vui mà để nhờ bạn kiểm soát xem mình có biết rõ mình không. "Một người bạn tốt thì phải có thể chỉ cho bạn biết sự tự phân tích tính tình cùng khả năng đó có khách quan không. Nếu bạn không có ai là bạn thân để giúp bạn việc đó... thì có lẽ đó là một dấu hiệu rằng bạn không thành thực với bản thân rồi đấy."

Trong việc đó không dễ gì mà khách quan ngay được đâu. Phải tập lần lần. Dĩ nhiên không nên bỏ hết thì giờ để dò xét những động cơ thầm kín của mình, nhưng ít nhất cũng có thể thử rón thành thực với bản thân về hai ba điểm nhất định nào đó. Khu vực nghề nghiệp là một khu tốt để ta tự dò xét đấy.

Tại sao một người nào đó lựa một nghề không thích hợp để làm hỏng cả cuộc đời mình? Một nhà chuyên môn về hướng nghiệp bảo:

- Tại người đó không xét điểm cốt yếu mà cứ ngó những cái lợi phụ thuộc: lương bổng, danh giá. Người đó không chịu tự hỏi có thực tâm thích nghề đó không, hoặc nghề đó có hợp với khả năng của mình không. Do đó, có khi phải bỏ ra nhiều năm gắng sức mà công toi, trong khi nếu lựa một nghề hợp với thiên tư thì chỉ cần gắng sức bằng nửa thôi, kết quả cũng gấp đôi.

Có khi một sự thất bại lại làm cho ta thấy rõ khuynh hướng của ta hơn là một sự thành công. Một trong những người sung sướng nhất mà tôi được biết đã bỏ một địa vị rất tốt, tức chân chủ bút một báo hàng ngày để cặm cụi viết một tiểu thuyết trong hai năm. Viết xong gửi bản thảo cho các nhà xuất bản, bị họ từ chối. Tôi muốn tỏ ít lời an ủi anh, anh bảo:

- Tôi không tiếc một ngày nào trong hai năm đó cả. Khi người ta từ chối truyện của tôi, tôi biết rằng tôi không thể nào thành tiểu thuyết gia được. Thoát được, sướng quá !

Bây giờ anh ấy làm chủ bút một tạp chí số in rất lớn.

Khi nghe ai phàn nàn không thực hiện được mộng của mình, ông thường khuyên như vậy:

- Ông cứ làm thử đi. Dù sao thấy rằng công việc đó không hợp với thị hiếu, khả năng của mình thì cũng vẫn có lợi cho ông là tự hiểu rõ ông hơn.

Vì là kỹ thuật gia về tâm lý thực hành trong các xí nghiệp, ông Gaudet thường gặp một hạng người khác: hạng người rầu rĩ vì không được thăng cấp mau. Ông khuyên những người như vậy tự hỏi mấy câu căn bản này đã rồi hãy oán trời, trách người:

1. Có thực rằng mình muốn thăng cấp không? Nhiều người ngoài miệng phàn nàn chứ trong lòng thỏa mãn về cấp hiện tại của mình rồi.

2. Đó có thực là ý muốn của mình không. (Nhiều khi một bà vợ có tham vọng có thể thúc đẩy ông chồng lựa bậy một việc)

3. Có chịu cực nhọc khi được thăng cấp không, vì càng lên cấp cao thì càng phải làm việc nhiều.

Ông Gaudet bảo:

- Thăng cấp không có nghĩa là sung sướng, mà cũng không có nghĩa là thành công. Nó phải hợp với lòng mình mới được.

Quá nhiều người tưởng rằng thành thực với bản thân có nghĩa là phải tự chê mình. Lầm: cần biết những nhược điểm của ta, nhưng cũng cần biết ưu điểm của ta để phát triển nó nữa.

Một sự lầm lẫn tai hại nhất là cố ý che giấu cá tính của mình. Tôi biết một thiếu nữ cận thị nặng mà trong các buổi hội họp không bao giờ chịu đeo kính. Cô có tài ứng đối lanh lợi, cay độc nhưng rán nén nó xuống để khỏi làm thương tổn lòng tự phụ của bọn trai trẻ, hy vọng rằng như vậy sẽ được cảm tình của họ. Sau cùng, chán ngán về nông nổi nhìn chẳng thấy gì cả mà cứ đóng vai giả nhân giả nghĩa hoài, một buổi tối nọ cô quyết định từ nay cứ thành thực với chính cô, thiên hạ ưa hay không ưa cũng mặc.

Tôi thấy như vậy cô ta tự tin hơn, hóa ra có duyên hơn. May sao mà tối đó tôi được vũ với cô và sáu tháng sau chúng tôi cưới nhau.

Theo tiến sĩ Carl Rogers thì sự thành thực đối với bản thân làm cho cá tính của ta phát triển mạnh. Người nào tự biết rõ mình thì không còn sợ đời nữa, có thể nhìn thẳng vào những biến cố xảy ra, nhìn thẳng vào những tình cảm của mình: vui buồn, sợ hãi, tình yêu hoặc tội lỗi.

Rogers bảo:

- Người đó hiểu rằng sẽ tìm thấy ở trong bản thân mình những lý do để theo một lối sống nào đó, vì chỉ có mỗi vấn đề này là quan trọng: lối sống của mình có làm thỏa mãn mình rất mực không?

Sự thành thực đối với bản thân không chỉ là một bí quyết thành công. Nó là một cách thức sống.

James

TÔI GẶP EINSTEIN

Hồi đó tôi còn trẻ măng, mới bước vào đời thì nhận được thiệp mời dự một bữa tiệc của một nhà từ thiện nổi tiếng ở New York. Sau bữa tiệc, nữ chủ nhân dắt chúng tôi qua một phòng

khách rộng mênh mông. Một đoàn khách nữa lũ lượt kéo tới và tôi nhận thấy hai điều dưới đây mà đâm ngại ngùng: gia nhân kê mấy hàng ghế dựa thếp vàng, và trước mặt những hàng đó, ở tường có dựng nhiều nhạc khí. Cái điệu này tôi sắp phải chịu cực hình nghe tấu một bộ bốn cây huyền cầm mất.

Tôi nói "chịu cực hình" vì tôi chẳng thích nhạc một chút nào cả. "Tôi không có tai nghe nhạc" phải gắng lắm mới nhớ được một điệu giản dị nhất, còn tấu nhạc cổ điển lên cho tôi nghe thì chẳng khác gì đàn gảy tai trâu. Vì vậy tôi dùng cái thuật cố hữu của tôi mỗi khi bị vào tròng: tôi ngồi đó, trong mấy nhịp đầu làm ra bộ mê nhạc, hân hoan lắm, rồi thì bỏ ngoài tai mà suy nghĩ về những chuyện đâu đâu chẳng liên quan gì tới nhạc.

Được một lát, thấy người chung quanh vỗ tay, tôi nghĩ bụng lúc này có thể trở về với thực tại được rồi, không hại gì cả. Tức thì tôi nghe thấy ở bên phải tôi một giọng nói êm đềm nhưng rõ ràng lạ lùng:

- Cậu có thích Bach [*] không?

Đối với tôi thì Bach cũng xa lạ như hạch tâm. Nhưng nhìn mớ tóc bạc bõm chòm kia, chiếc ống điều bát tuyệt ở trên miệng kia, tôi nhận ra được một vĩ nhân nổi danh nhất thế giới. Tôi ngồi ở bên cụ Einstein.

Tôi hơi ngượng ngịu, do dự:

- Dạ, thưa cụ...

Câu hỏi mà xã giao thì chỉ cần kiếm một câu đáp cũng xã giao. Nhưng nhìn cặp mắt sáng dị thường của cụ, tôi biết rằng câu hỏi của cụ không phải chỉ là xã giao, dù tôi có cho nó là quan trọng hay không, thì đối với cụ, nó cũng có nhiều ý nghĩa. Nhất là đối với một người như cụ, tôi không thể nào nói láo được. Cho nên tôi ngượng ngịu thú thật:

- Cháu tuyệt nhiên chưa được biết Bach, chưa được nghe nhạc của ông ấy bao giờ.

Trên nét mặt linh động của Einstein, hiện lên một vẻ ngạc nhiên, ngần ngừ. Cụ hỏi tôi:

- Cậu chưa được nghe Bach lần nào ư?

Như thế tôi mới thú với cụ rằng chưa hề tắm lần nào vậy.

Tôi vội nói tiếp:

- Không phải là cháu không ưa Bach. Nhưng cháu không có tai nghe nhạc, gần như vậy. Thực tình cháu chưa thưởng thức được nhạc của bất kỳ nhạc sĩ nào.

Cụ có vẻ buồn, rồi bỗng nhiên bảo tôi:

- Cậu lên đây với tôi.

Cụ đứng dậy, nắm cánh tay tôi. Tôi cũng đứng dậy, và chúng tôi cùng đi qua căn phòng đông nghẹt đó, tôi thì cúi gầm mặt xuống lúng túng vô cùng. Trong phòng có tiếng thì thầm ngạc nhiên mỗi lúc mỗi lớn, ra tới phòng ngoài rồi tôi mới không nghe thấy nữa. Cụ cứ thản nhiên như thường.

Cụ đưa tôi lên thẳng tầng lầu nhất. Cụ thuộc lối lẩm. Lên hết cầu thang cụ mở một cái cửa đưa vào một phòng làm việc trên tường đầy sách. Để tôi vô rồi, cụ khép cửa lại, khẽ rụt rè mỉm cười hỏi tôi:

- Bây giờ cậu cho tôi biết cậu có thái độ đó đối với âm nhạc đã từ bao lâu nay.

Tôi khổ sở vô cùng, đáp:

- Thưa, từ hồi nào tới giờ. Nhưng cháu van cụ, mời cụ xuống phòng khách nghe hòa nhạc! Cháu nghe mà không thưởng thức được thì có gì là quan trọng đâu ạ.

Cụ lắc đầu, cau mày, như thể tôi mới lỡ lời nói bậy vậy.

- Cậu cho tôi biết có thứ nhạc nào cậu thích không?

- Dạ!... Có lẽ cháu thích những điệu nhạc có lời, thứ nhạc mà cháu hiểu được giai điệu.

Cụ mỉm cười gật đầu, vẻ khoái chí lắm.

- Cậu kể một bản nào làm thí dụ được không?

- Thưa... cháu không nhớ nữa... Gần hết các bản của Bring Crosby.

Cụ lại vui vẻ gật đầu:

- Được lắm!

Rồi cụ lại một góc phòng, mở một máy hát, lựa trong đồng đĩa hát. Tôi vẫn ngượng ngùng ngó cụ. Sau cùng cụ toét miệng ra cười, bảo:

- Đây rồi!

Cụ đặt một đĩa lên máy hát và trong phòng vang lên điệu hát nhẹ nhàng vui vẻ của Bring Crosby: When the blue of the nights meets the gold of the day. Cụ ngó tôi, nét mặt hân hoan, lấy ống điếu gõ nhịp. Sau hai ba câu, cụ cho máy ngưng.

- Bây giờ cậu cho tôi biết cậu mới nghe thấy gì đó.

Tôi nghĩ cách giản dị nhất để đáp câu đó là hát điệu đó lên. Tôi gắng sức một cách tuyệt vọng để hát cho khỏi sai điệu, sai giọng. Mặt cụ tươi lên; khi tôi ngưng, cụ la lớn:

- Đấy! Cậu quả có tai nghe nhạc mà!

Tôi lắp bắp đáp rằng điệu đó là một trong những điệu tôi thích và tôi đã nghe nó cả trăm lần rồi, như vậy có chứng minh được gì đâu.

Cụ bảo:

- Bậy nào! Chứng minh được nhiều lắm chứ! Cậu còn nhớ bài số học đầu tiên của cậu ở trường không? Thí dụ rằng ngay buổi đầu tiếp xúc với các con số mà ông giáo của cậu muốn dạy ngay cho cậu làm những toán chia thật dài chẳng hạn hoặc những toán về phân số, thì cậu có làm được không?

- Chắc chắn không ạ.

Chiếc ống điếu của cụ múa tít một vòng đặc chí.

- Dĩ nhiên! Làm sao nổi, mà cậu còn kinh hoảng nữa là khác. Cậu sẽ kệt những toán chia dài và toán phân số. Và như vậy, chỉ do lỗi của ông giáo đó mà có lẽ suốt đời cậu không bao giờ được thấy cái đẹp của những toán chia dài và toán phân số.

Chiếc ống điếu lại múa một vòng nữa trên không trung.

- Nhưng không ông giáo nào lại thất sách như vậy trong bài giảng đầu tiên. Ai thì cũng bắt đầu giảng cho cậu những điều sơ đẳng nhất, khi nào cậu đã quen làm những bài toán giản dị nhất rồi mới lần lần tập cho cậu làm toán chia dài và phân số. Nhạc thì cũng vậy.

Nói tới đó, cụ cầm chiếc đĩa hát Bring Crosby lên:

- Bài hát nhỏ, vui vui này là bài toán cộng hay trừ giản dị mà cậu đã hiểu rồi đấy. Bây giờ chúng ta nghe một bản hơi phức tạp hơn.

Cụ lựa một đĩa khác rồi cho máy chạy. Phòng lại vang lên tiếng vàng của John McCormach hát bản The Trumpeter. Được vài câu, cụ lại cho máy ngưng.

- Bây giờ cậu thử hát lại khúc đó xem nào.

Tôi vâng lời cụ, mà ngại ngừng quá đỗi, nhưng lạ lùng chưa, tôi hát được đúng điệu chứ. Cụ ngó tôi và trên nét mặt cụ tôi thấy một vẻ mà trước lúc đó tôi chỉ được thấy mỗi một lần, trên khuôn mặt ba tôi, khi tôi nhận được bằng cấp đại học, rồi đọc diễn văn từ biệt ngôi trường.

Tôi hát xong, cụ khen:

- Tuyệt! Bây giờ, tới bản này!

"Bản này" là bản Cavalleria Rusticana của Caruso, mà tôi không thể nhận ra được. Nhưng tôi cũng phát ra được vài âm thanh gần tương tự. Mặt cụ Einstein tươi lên.

Sau Caruso, tiếp theo ít nhất là một chục bản khác nữa. Tôi không thể nén nổi sự hoảng hốt tôn kính của tôi khi thấy vĩ nhân đó - mà do một sự may mắn lạ thường tôi tình cờ được gặp mặt - hoàn toàn chú ý vào sự dặt dấn, chỉ bảo tôi, như thể ngoài tôi ra, cụ không còn chút bận tâm nào khác.

Sau cùng tới những đĩa nhạc không có lời và cụ cũng bảo tôi nghe xong rồi hát lại. Khi tôi rán phát một "nốt" cao, miệng cụ há ra, cụ ngả đầu về phía sau, như để giúp tôi cất tiếng lên bổng. Chắc là tôi hát không tệ lắm, vì cụ, bỗng nhiên cho máy ngừng, nắm cánh tay tôi và bảo:

- Bây giờ chúng mình nghe Bach được rồi.

Rồi chúng tôi khoác tay nhau trở về chỗ ngồi cũ trong phòng khách đúng lúc các nhạc công đương lên dây để tấu một khúc khác.

Cụ mỉm cười, vỗ vai tôi khuyến khích:

- Cứ lắng yên mà nghe, có vậy thôi.

Dĩ nhiên, không phải chỉ có vậy mà thôi. Tôi, một tên vô danh tiểu tốt, nếu hôm đó không được cụ gắng sức hướng dẫn thì làm sao được nghe, lần đầu tiên trong đời tôi, khúc Pâturez, troupes của Bach. Từ hồi đó tôi đã được nghe lại khúc ấy nhiều lần, không bao giờ chán cả vì không lần nào nghe một mình. Lần nào tôi cũng thấy tôi ngồi bên cạnh một cụ thấp bé, tròn trĩnh, mớ tóc trắng, bờm chòm, chiếc ống điều ngậm trong miệng đã tắt ngấm, và khoe mắt nhiệt thành lạ lùng như chứa tất cả niềm kinh dị trên thế giới.

Khi nhạc ngừng, tôi vỗ tay thành thực khen với các thánh giả khác.

Bỗng bà chủ nhà xuất hiện trước mặt chúng tôi, liếc tôi, vẻ lạnh lùng trách móc rồi thưa với cụ Einstein:

- Thưa Tiên sinh, chúng tôi rất ân hận rằng Tiên sinh đã không được nghe một phần lớn buổi hòa tấu nhạc này.

Cụ Einstein và tôi đều vội vàng đứng dậy.

- Tôi cũng ân hận lắm, nhưng cậu bạn trẻ của tôi đây và tôi mãi làm một việc cao cả nhất mà con người có thể làm được.

Bà chủ nhà ngạc nhiên, hỏi:

- Vậy ư? Việc gì vậy?

Einstein mỉm cười, nắm vai tôi rồi thốt ra câu này mà theo tôi, kể suốt đời chịu ơn cụ, có thể khắc trên mộ bia của cụ được:

- Khai hoang một khu mới trong cái thế giới bí mật của cái đẹp [2].

Jérôme Weidman

[1] Nhạc sĩ vào bậc thiên tài của Đức ở tiền bán thế kỷ XVIII.

[2] Chúng ta nên nhớ Einstein tới nước nào cũng được tiếp đón long trọng hơn các vị quốc trưởng. Có lần ông qua Nhật diễn thuyết, hàng vạn người Nhật thức suốt đêm ở trước khách sạn của ông để đợi ông buổi sáng hiện ra trên ban công mà hoan hô. Vậy mà đối với thanh niên, tác giả bài này, ông thực giản dị, hồn nhiên, chân thành, tận tâm làm sao! Đó mới thực là tư cách một vĩ nhân.

KHÔNG AI MUA ĐƯỢC MỘT VẬT KỶ NIỆM

Tôi cho rằng bất kỳ ai cũng có ít ra là một bài thơ ở trong thâm tâm muốn đặt thành văn, cũng như có ít nhất là một câu chuyện để kể. Nhưng nhiều người có thể chép chuyện của mình lên giấy được, chứ rất ít người có thể tìm được vần điệu cho bài thơ của mình. Nghĩ vậy, tôi cho đăng mục này trên một tạp chí: "Bài thơ của bạn và của tôi". Tôi yêu cầu tất cả những người nào có một bài thơ ở trong óc, cứ viết thư cho tôi biết ý bài thơ đó, tôi hứa sẽ đăng bức thư của họ lên báo, rồi làm bài thơ cho họ theo ý họ muốn.

Bạn sẽ phải ngạc nhiên về số thư tôi nhận được. Có mấy ngàn người có một bài thơ chôn ở trong lòng. Vài bức thư không thành hình, có bức lại đầu Ngô mình Sở. Nhưng không một bức nào nhạt nhẽo, vì hết thảy đều phát tự đáy lòng ra. Tôi không bao giờ quên được một bức của một thiếu phụ chỉ ký tên là Mary chứ không cho biết họ gì .

Đọc thư tôi cảm thấy rõ ràng tâm hồn nàng. Muốn cho bạn cảm thấy như tôi, tôi nghĩ chỉ có cách kể lại đầu đuôi câu chuyện của nàng.

Một hôm, trong cái giỏ chứa đầy thư từ mới gởi tới, tôi thấy một bức thư người viết như hữu ý dùng mấy tờ giấy kẻ sẵn rất tầm thường, ở trong đó có gấp một tấm giấy bạc một Mỹ kim đã cũ. Đọc bức thư đó tôi có cảm tưởng nghe người đó kể chuyện.

"Thưa bà, bà bảo bà sẵn sàng làm một bài theo ý của mỗi người rồi cho đăng lên tạp chí của bà. Nhưng tôi tự hỏi không biết bà có chịu làm một bài thơ rồi gởi cho một mình tôi đọc thôi, chứ không đăng báo không? Vì vậy mà tôi gởi theo đây một tấm giấy một đồng. Xin bà vui lòng

nhận cho vì tôi không muốn bà mất công vì tôi mà không được đền bù.

"Tôi chắc rằng bà muốn biết qua loa về tôi. Tôi mới chào đời được ít bữa thì bị liệt bỏ ở cửa một cô nhi viện. Vì tôi không đẹp lắm mà cũng không lanh lợi lắm nên chẳng ai nhận tôi làm con nuôi cả. Vậy tôi phải ở cô nhi viện cho tới lớn, viện không nuôi tôi nữa mà cho tôi vào làm một xưởng nọ. Mỗi tuần tôi làm việc sáu ngày; thời đó đang có chiến tranh, xưởng nhận được nhiều com-măng. Nhưng tôi cũng được nghỉ ngày chủ nhật, và những ngày nghỉ đó, tôi dạo chơi trong công viên. Một chủ nhật nọ, một người lính gọi chuyện tôi. Anh ấy hỏi tôi có ở một mình không, tôi đáp có; rồi anh ấy bảo anh ấy cũng vậy, mà không phải là người ở đây và anh hỏi tôi có muốn dạo mát một chút với nhau không.

"Ở cô nhi viện, người ta dặn tôi không bao giờ được nói chuyện với một người đàn ông nào lạ không được viện giới thiệu. Nhưng anh bạn quân phục, tôi nghĩ như vậy không sao. Chúng tôi vừa đi vừa chuyện trò. Anh kể rằng anh ở nhà quê ra, ở trong trại, phía bên kia sông. Anh ở với bà mẹ và anh là con một. Chưa có vợ. Anh chưa bao giờ giao du với một thiếu nữ nào cả vì nếu má anh hay được thì bà sẽ nổi quạu ghê gớm. Anh mời tôi đi ăn tiệm rồi cùng đi coi hát bóng."

Do đó mà Mary quen Ross. Ngồi trong rạp hát bóng nàng thấy bàn tay người lính trẻ đó kiểm bàn tay nàng. Và không còn ngờ gì nữa, nàng hiểu rằng nàng yêu chàng. Một tháng trôi qua. Rồi một chủ nhật nọ, họ cùng ngồi trên một cái ghế trong công viên mà bàn tính về tương lai.

"Trước cái ngày chủ nhật mà anh Ross bảo tôi rằng anh yêu tôi, muốn cưới tôi, thì đời tôi có tương lai gì đâu. Dĩ nhiên tôi nhận lời anh. Mặt anh sa sầm lại khi anh thú rằng không bao giờ dám báo tin đó cho má anh hay. Vậy thì anh không thể nào làm giấy ủy quyền cho tôi lãnh bảo hiểm nhân mạng của anh được. Nhưng tôi đâu có cần những cái đó. Tôi chỉ muốn có anh thôi, có tình thương của anh thôi: tôi chỉ mơ ước có một người thuộc về mình thôi. Khi tôi nói với anh như vậy thì mặt anh tươi lên."

Mary và Ross cưới nhau và mỗi lần được nghỉ phép chàng tới căn phòng nhỏ của nàng. Chàng tặng cho nàng chiếc áo lụa đầu tiên, những đôi giày cao gót và một chiếc áo hở tay hở ngực, không phải thứ bận trong nhà đâu, mà thứ tốt để dự tiệc kia. Và nhất là món quà này mới đẹp nhất: chiếc nhẫn cưới. Rồi tới ngày chàng xuống tàu để ra mặt trận. Tối nào Mary cũng viết thư cho chàng, còn chàng thì lúc nào rảnh mới viết. Thời gian trôi qua. Rồi một ngày nọ, đương làm việc thì nàng té xỉu. Viên y sĩ trong xưởng bảo nàng có mang. Nàng đương viết thư báo cho Ross hay tin mừng nhất đời đó, thì ghê gớm làm sao, nhè đúng lúc đó, số phận đập nàng một

cách tàn nhẫn vô cùng: nàng nhận được một bức công điện.

Nàng viết:

"Như có ai đập mạnh vào đầu tôi vậy, thưa bà. Chồng tôi tử trận. Thôi, tôi không còn bao giờ được thấy môi chàng trên môi tôi nữa, cánh tay chàng trên cánh tay tôi nữa. Nhưng tôi vẫn còn một niềm an ủi. Tôi không còn là thiếu nữ tội nghiệp hồi trước nữa. Tôi không còn anh Ross, nhưng anh đã để lại cho tôi một bảo vật nó sẽ luôn luôn là của tôi."

Mary làm việc cho tới gần tới ngày sinh đẻ, ráng để dành từng xu một vì không được lãnh tiền bảo hiểm nhân mạng của chồng, mà chính mẹ chồng mới được lãnh. Nàng sinh một em gái trong một nhà thương thí. Ở nhà thương ra nàng phải kiếm tiền nuôi con, nên nàng phải gửi con suốt ngày cho một viện dưỡng nhi.

Nàng viết:

"Sáng tôi đem cháu lại gửi đó rồi chiều đi làm về, tôi lại đón. Trừ chủ nhật, còn những ngày thường ít khi tôi được thấy cháu thức. Tôi kiếm không được bao nhiêu, may lắm thì vừa đủ trả tiền ăn, tiền nhà, tiền đóng cho viện dưỡng nhi, nên cháu không được bận áo tốt mà cũng không có đồ chơi. Áo cháu bận ban ngày và cả đồ chơi nữa đều là của viện. Tôi chỉ mua được cái nôi cho cháu nằm, cái mền len cho cháu đắp và cái núm bằng nhựa cho cháu ngậm. Nhưng trong khi làm việc ở xưởng tôi sung sướng nghĩ rằng chiều về đi đón cháu bằng về nhà, ôm cháu trong khi cháu ngủ.

"Rồi một buổi chiều nọ, viện dưỡng nhi kêu điện thoại bảo tôi phải tới gấp... Hỡi ơi! Tôi tới thì đã trễ".

Thế là Mary trở lại tình cảnh hồi đầu: một thiếu nữ không đẹp lắm, không lanh lợi lắm, nghèo xác, chỉ giàu tình thương. Đây là đoạn cuối bức thư:

"Vì cháu không có áo đẹp, cũng chẳng có một đồ vật nào mà các em bé khác thường có, cho nên tôi không giữ được của cháu một vật kỷ niệm nào đẹp cả. Và tôi sợ rằng lâu dần tôi sẽ quên hình ảnh của cháu. Có thể lắm, tới một lúc nào đó tôi nhắm mắt lại cũng không thấy lại được nét mặt của cháu nữa. Vì vậy tôi muốn bà làm một bài thơ về cháu, một bài thơ cũng đẹp như cháu, một bài thơ làm cháu gần gũi tôi hơn mỗi khi tôi ngẫm lên, một bài thơ cho tôi cảm giác rằng cháu luôn luôn ở gần tôi, không phải ở trong cánh tay mà ở trong lòng tôi. Xin bà gửi bài

thơ đó cho: Mary, thư lưu trí. Tôi sẽ ngày ngày lại sở Bưu điện hỏi cho tới khi nào nhận được mới thôi."

Thật là một sự nghịch lý khá kỳ cục. Bài thơ đó là một trong những công việc khó nhất trong đời tôi mà đồng thời lại là một trong những việc dễ nhất. Tôi không giữ lại một bản sao, sợ một ngày nào đó không cưỡng lại nổi mà đem đăng báo, như vậy nó không còn là vật độc hữu của Mary. Khi bỏ bài thơ đó vào bao thư, tôi đã thoáng có ý muốn gửi trả lại tấm giấy bạc của nàng. Rồi tôi nghĩ lại kịp: như vậy tàn nhẫn quá. Vì tôi cảm thấy rằng nàng muốn tặng con nàng một món quà cuối cùng. Sau đó tôi đã ráng tìm tung tích của nàng mà không ra. Khi nàng đã lại sở Bưu điện lãnh bức thư lưu trí rồi thì nàng biến luôn.

Chuyện đó xảy ra đã khá lâu rồi. Nhưng tới nay tôi vẫn còn giữ tấm giấy một đồng đó để mong có cơ hội gặp nàng trên đường đời. Nếu một ngày nào đó may mắn gặp được thì tôi sẽ trả lại nàng và bảo rằng không ai mua được một vật kỷ niệm. Một vật kỷ niệm phải luôn luôn là một vật tặng.

Margaret Sangster

AI CŨNG CÓ MỘT THÀNH TRÌ ĐỂ BẢO VỆ

Người giao hàng ngừng chiếc cam nhông ở trên con đường chạy sát khu vườn của tôi, neho neho cặp mắt, hỏi:

- Bà trang hoàng lại cảnh trí đấy ư?

Chú ấy nói hơi quá. Nhưng quả thực là dọc theo hàng rào mà tôi đang sơn lại, có đầy những vẩy sơn trắng. Mũ và chiếc áo bờ-lu của tôi cũng vậy.

Hàng rào của chúng tôi không giống những hàng rào khác. Nó như một đứa trẻ hư, cứ phải trông nom săn sóc hoài. Và lúc này đây, lưng muốn gãy, tôi khó nhọc mới đứng thẳng lên được, nhìn lại thì sao mà thấy nó dài thế, vô tận. Mỗi mùa xuân mang sơn và cọ ra, tôi can đảm bắt tay vào việc. Nhưng mới sơn xong được một quãng trắng lổp thì bực mình nhận thấy rằng khúc

rào mới sơn lại mùa thu trước bây giờ đã có vẻ tồi tàn bỏ bê, như thăm trách tôi rồi.

Nhà cửa cũng vậy. Vừa mới sửa sang căn phòng này thì đã thấy cần phải thay tấm màn hoặc tấm thảm một căn khác.

Hoặc là nhà dột, làm hoen ố trần, tường, hoặc là cái bơm nước bỗng nhiên hư, cần phải thay.

Mà nghĩ cho cùng, cơ thể tôi cũng vậy, rầu quá chừng. Luôn luôn có một bộ phận nào đó để phải bồi bổ. Dù là về thể chất, trí tuệ hoặc tinh thần, luôn luôn phải coi lại hoài. Nhưng chẳng sớm thì muộn, sẽ tới một lúc tôi già quá, không sơn lại được hàng rào này nữa và phải có một người khác làm thay tôi. Thế thì tại sao không xuôi ngay từ bây giờ đi, mặc cho cơ thể tôi và mọi sự ở chung quanh muốn ra sao thì ra?

Tại sao ư? Tôi thực tình không hiểu nổi, chỉ biết rằng tôi không thể buông xuôi như vậy được. Có cái gì khác quan trọng hơn chứ không phải chỉ như cái hàng rào này.

Tôi nhớ lại mà thương một cô bạn trẻ của tôi, cô Jeanne sống trong một căn nhà nhỏ xíu với chồng và ba đứa con. Mỗi buổi sáng cô phải lo bữa điểm tâm cho bốn người háu ăn đó, và chỉ mấy giờ sau họ lại đói rồi; ngày nào cô cũng phải rửa chén, mà hôm sau đã lại dơ rồi, như vậy quanh năm. Cô thú thật với tôi rằng có lúc muốn điên lên, bỏ mặc mọi việc, để thoát cái cảnh nô lệ hao mòn tinh lực đó, dù chỉ thoát được một ngày thôi.

Nhưng cô nghĩ lại, cô thoát đi được thì đĩa chén cũng vẫn nằm ỳ ra đó chờ cô về, và cô đành ráng chịu vậy. Hầu hết chúng ta cũng như cô. Mà chồng cô cũng như cô, đi làm về vẫn ra nhổ cỏ, mặc dầu biết rằng ngày hôm sau lại phải nhổ nữa; hoặc hút bồn cỏ để tuần sau lại hút nữa.

Đâu đâu cũng vậy, ai ai cũng vậy, phải làm đi làm lại hoài những công việc đơn điệu, chán nản, đôi khi như vô nghĩa, vô ích đó để chống lại sự bỏ bê, buông xuôi. Vậy mà, đa số chúng ta vẫn lau chùi, sửa chữa nhà cửa, mọi vật để cho khỏi sập, đổ, để lấp những lỗ hổng cho quân thù khỏi len lỏi vào thành trì của ta - và đó là cái vinh dự của nhân loại.

Đó không phải chỉ là bản năng tự vệ mà thôi đâu.

Cô Jeanne kể chuyện với tôi:

- Chị biết bà Frazer ở bên cạnh nhà em chứ? Tội nghiệp, có hồi làm công việc ngập tới cổ, bà ta chán nản quá, bỏ mặc hết, qua khóc lóc kể lể tâm sự với em. Rồi khi bà ta thấy nhà em cái gì

cũng sạch sẽ, ngăn nắp thì bà vừa giận em vừa giận mình. Bà thấy như vậy thì công việc nhà đâu có gì là quá sức, và bà trở về tiếp tục dọn dẹp, quét tước. Nếu bà thấy em buông xuôi thì có lẽ bà cũng buông xuôi như em, tâm trạng chán nản đó sẽ lan qua các nhà khác trong xóm, như một bệnh dịch.

Rồi cô nhìn tôi, kết luận, vẽ suy tư:

- Nhưng có lẽ em làm việc nhiều quá chăng?

Không, thành thực mà nói, cô đâu có làm việc nhiều quá.

*

* *

Người giao hàng thấy tôi sơn hàng rào, bảo tôi:

- Bà làm một việc thiện đấy. Nhờ bà mà con đường này có vẻ duyên dáng.

Tôi đâu có nghĩ tới khía cạnh đó. Nhưng khi xách thùng sơn và cây cọ ra, có thể rằng trong thâm tâm, tôi bất giác nghĩ tới một bốn phận đối với hàng xóm, tới bốn phận làm cho con đường trong xóm này đẹp đẽ. Với lại, nếu gia đình nào trong xóm cũng sẵn sóc căn nhà của mình, thì tấm gương đó có thể ảnh hưởng tốt tới tinh thần của toàn thể thị trấn. Ta liệng một hòn đá xuống nước, những gợn sóng tròn lan ra, mỗi lúc một rộng.

Sự thực, các nền văn minh suy sụp không phải vì thua trận hoặc vì những tai ách vật chất đâu. Sự tan rã phát sinh từ bên trong - vì các công dân trung lưu đã bắt đầu làm quấy quá cho xong việc, đã vi phạm đạo đức để kiếm một cái lợi phù du, do làm biếng hoặc thờ ơ mà không làm tròn bốn phận với gia đình, với tổ quốc. Tinh thần chủ bại đó lan từ nhà này tới nhà khác cho tới khi sự nghiệp mà tổ tiên gắng sức xây dựng sụp đổ, tan rã lần lần, và họ phải chịu cái ách của quân xâm lăng dã man.

Về phương diện đó, không người nào có thể nói rằng mình hư hỏng thì mình chịu không liên can gì tới người khác. Liên can chứ, sao lại không? Dù ta có cảm tưởng rằng mình chỉ là hạng vô danh tiểu tốt thì ta vẫn là một chiếc khoen quan trọng trong sợi dây xích sinh hoạt. Vì không được giữ gìn, một cái khoen hóa sét, gãy ra thì dĩ nhiên là cả sợi dây xích cũng đứt.

Một bà bạn tôi bây giờ lớn tuổi, đau khổ, rầu rĩ; nhưng hồi xưa gia đình bà có hạnh phúc lắm. Bà sanh được hai người con gái rồi tới một người con trai tên là Pierre. "Cậu út" này đẹp trai,

dễ thương, thông minh, được cha mẹ cưng vô cùng. Có những tật mà nếu hai cô chị mắc phải thì bị rầy la ròi, cậu mắc phải thì hai ông bà chỉ cho là cậu còn ngây thơ, non dại, chưa biết gì, nghịch ngợm một chút vậy thôi.

Bắt gặp cậu "thó" tiền trong túi tiền của mẹ, hỏi thì cậu nói dối, chối này chối nọ, mà hai ông bà cũng chỉ rầy qua loa (trò nghịch ngợm của trẻ, con nít đùa nào mà không táy máy, ăn cắp như ranh). Khi "cậu út" không chịu làm bài thì ba gà cho, mặc dầu thói giúp đỡ trái phép đó có khác gì một trò gian lận. Nhưng cha mẹ cậu dẹp bỏ qui tắc đi cho nó nhẹ mình chứ không chịu áp dụng nó để sửa đổi thái độ của mình cùng tính nết của cậu con cưng.

Lớn lên, Pierre thành một trong những nhân viên điều khiển ngân hàng trong tỉnh, tìm cách đầu cơ, thất bại, rồi gian trá, sửa đổi sổ sách kế toán, rớt cuộc phải vô khám, làm cho nhiều người trong tỉnh khán kiệt tài sản.

Bà thân mẫu của cậu bảo tôi:

- Không ai hiểu được làm sao mà nó tới cái nỗi đó. Nhưng tôi, tôi hiểu lắm. Từ hồi nhỏ, nó đã hư hỏng rồi, nó đã ăn cắp tiền của tôi rồi. Vợ chồng tôi đã tìm đủ lý lẽ để tha lỗi cho nó, chúng tôi đã nhu nhược không coi chừng nó kỹ lưỡng. Chúng tôi đã nhắm mắt bỏ qua.

Nhắm mắt lại để khỏi thấy những cái hư hỏng ở trong bản thân ta và chung quanh ta, việc đó dễ quá mà! Mà tánh biếng nhác đó, do một cách thức bí mật, kỳ dị nào đó, làm cho những đức tính của ta biến lần lần thành tật xấu. Như trường hợp một kỹ sư tài giỏi nọ, dùng trí thông minh để tránh những điều kiện trong việc thầu xây cất mà kiếm cho nhiều lời. Hoặc như một người nọ có nhiều thiện chí khi muốn làm chính trị, rồi vùng tiền ra mua phiếu của cử tri, rớt cuộc phản lại họ một cách dễ dàng. Những kẻ đó như những anh lính canh thành trì đã giao thành trì cho địch. Nếu hồi mới vô nghề, họ nhận được nỗi nguy hiểm của những lầm lẫn nhỏ nhặt hàng ngày, thì có lẽ họ đã thành những nhà chỉ huy được kính trọng, chớ có đâu đến nỗi sa cơ, kéo theo nhiều người khác trong sự sụp đổ của họ.

Mỗi khi chúng ta nhu nhược, tìm cách để không theo đúng qui tắc, lương tâm của mình, là chúng ta phản bội tổ tiên đã tốn biết bao công để gây dựng nền văn minh. Vì sở dĩ thế giới được như ngày nay - một thế giới tuy chưa hoàn hảo, nhưng có thể trường cửu được, cao hơn cái thế giới của các rợ bán khai một chút - là nhờ sự gắng sức liên tục của những người đàn ông và đàn bà vô danh, kiên nhẫn làm hoài công việc đơn điệu của mình mỗi ngày sao cho được hoàn hảo hơn, bằng một cách thông minh hơn.

Cặm cùi, từng phiến đá một, những người đó đã xây thành trì, đến lượt chúng ta phải bảo vệ thành trì đó.

I. Wylie

GÁC ĐÊM

Câu chuyện dưới đây bắt đầu ở New York. Tại khu Brooklyn, một ông già đang bước qua đường thì té xỉu. Người ta chở ông gấp vô dưỡng đường Kings County. Ở đó, ông mê man, lâu lâu mới tỉnh lại một chút mà lần nào cũng đòi cho gọi con trai ông lại.

Nhờ một bức thư đã nhàu vì đọc đi đọc lại nhiều lần, một nữ y tá trong phòng cấp cứu tìm được trong người ông lão, người ta biết rằng người con trai của ông làm lính thủy ở đồn Caroline-Basc. Ngoài ra hình như không có thân thuộc nào khác.

Dưỡng đường kêu điện thoại cho sở Hồng Thập Tự Brooklyn. Sở này lại kêu điện thoại cho Hồng Thập Tự trại lính thủy ở Caroline-Basc, gọi gấp thanh niên đó về thăm cha. Vì tình trạng ông lão đã nguy kịch, nên một nhân viên Hồng Thập Tự và một sĩ quan lái xe jeep đi kiếm thanh niên đó, thấy chàng đang tập trận trong một đồng lầy. Người ta vội vàng đưa chàng lại phi trường và chàng lên chiếc phi cơ duy nhất có thể chở chàng về New York kịp.

Khi chàng bước vô dưỡng đường thì đêm đã khuya. Chàng vừa mệt vừa lo lắng. Một nữ y tá dắt chàng tới giường người hấp hối, bảo ông lão:

- Con trai cụ tới rồi đây.

Cô ta phải lặp đi lặp lại câu ấy mấy lần, ông lão mới mở mắt ra. Uống nhiều thuốc an thần quá, ông chỉ thấy mờ mờ một thanh niên bận quân phục đứng gần cái màn dưỡng khí. Ông chìa tay ra. Người lính thủy nắm bàn tay nhão nhệch của ông trong bàn tay mạnh mẽ của mình, siết chặt một cách âu yếm, an ủi.

Nữ y tá đem lại một chiếc ghế dựa cho chàng ngồi ở cạnh giường.

Đêm ở dưỡng đường thì bao giờ cũng dài, và người lính thủy thức suốt đêm trong phòng ánh sáng mờ mờ đỏ cầm tay ông già mà ủy lạo ông cho ông hy vọng. Thỉnh thoảng cô y tá bảo chàng đi nghỉ một chút để cô coi sóc cho. Chàng từ chối.

Lần nào cô vào phòng cũng thấy chàng chăm chú vào người bệnh, không để ý tới cô, cũng không nghe thấy những tiếng động ban đêm trong dưỡng đường nữa: tiếng lách cách của bình dưỡng khí, tiếng cười của các kíp gác đêm thay phiên nhau, tiếng rên rỉ hoặc tiếng ngáy của các bệnh nhân khác. Lâu lâu chàng lại nói một vài tiếng an ủi ông lão. Còn bệnh nhân thì không nói gì cả, chỉ nín lấy con trai, như vậy già nửa đêm.

Khi ông tắt nghỉ thì trời gần sáng. Thanh niên đó đặt bàn tay hết sinh khí của ông lão xuống giường, bàn tay mà chàng không hề rời ra một lát, và đi báo cho cô y tá. Trong khi cô sửa soạn cho người mất, chàng hút một điếu thuốc, điếu thuốc đầu tiên từ khi vô dưỡng đường.

Sau cùng cô y tá trở ra phòng giấy nơi đó chàng đương ngồi đợi. Cô tính nói vài lời chia buồn, nhưng chàng ngắt lời ngay.

- Ông lão đó là ai vậy?

Cô ngạc nhiên đáp:

- Thì... chính là thân phụ thầy.

- Không, tôi chưa hề gặp ông lần nào cả.

- Vậy sao thầy không nói gì hết khi tôi dắt thầy vô?

- Mới vô tôi biết ngay rằng người ta đã lầm rồi nhưng tôi cũng hiểu rằng ông già đó cần gặp con trai mà con trai ông không có mặt ở đó. Tôi nghĩ, ông ấy mê man như vậy thì không nhận được tôi có phải là con ông hay không, sau cùng nghĩ bụng ông ấy cần có tôi ở bên cạnh, cho nên tôi ở lại.

Nói xong chàng quay gót bước ra.

Hai ngày sau, một tin gửi theo lối thường, từ căn cứ hải quân Caroline-Basc, cho sở Hồng Thập Tự Brooklyn hay rằng người con trai thực sự đương lên đường lại New York để đưa ma cha. Thì ra ở trại có hai quân nhân cùng một tên mà mang số hơi giống nhau, cho nên ở phòng

nhân viên người ta đã làm hồ sơ.

Nhưng người lính thủy gọi lầm đó đã biết đúng lúc đóng vai người con thực và tỏ bằng một cách rất tế nhị rằng dù sao ở trên đời này vẫn có những người tốt bụng.

Roy Popkin

PHẢI THA THỨ

Tôi đã được dạy dỗ theo một gia phong nghiêm khắc, bất kỳ lỗi nào cũng phải chịu hình phạt. Các cụ cho như vậy là công bằng.

Năm 1921, mới ở trường ra, tôi được bổ làm y sĩ trong một bệnh viện trị các bệnh truyền nhiễm, tại một miền lạnh lẽo ẩm ướt ở Northumberland. Tôi mới tới bệnh viện được mấy ngày thì một tối mùa đông người ta dắt vô một em sáu tuổi bị bệnh bạch hầu (diphtherie). Cuống họng em bị nhiều màng làm nghẹt và chỉ có một hy vọng nhỏ nhoi cứu em được là mổ khí quản (trachéotomie) tức thì.

Tôi thiếu kinh nghiệm một cách tai hại, chưa bao giờ làm việc giải phẫu giản dị nhưng quyết định đó cả. Trong gian phòng trống, ánh đèn yếu ớt, tôi rét cóng, run rẩy, gần muốn nôn mửa, nhìn dì phước già và một cô y tá độc nhất, tập sự, còn trẻ, đặt em nhỏ nghẹt thở lên bàn mổ.

Tôi lóng cóng cầm con dao mổ cuống họng ứ huyết của em. Càng thấy mình vụng về, tôi càng quyết thành công, cứu em bé gần chết ngạt đó. Sau cùng cặp mắt mờ vì mồ hôi của tôi thấy được khí quản trắng, bóng láng của em. Tôi đục một lỗ và một luồng không khí vô đầy phổi phập phồng của nó. Hai lá phổi bị ép phồng lên lần lần và đứa bé đã kiệt sức hồi tỉnh lại. Tôi vội vàng dứt một cái ống vô, khâu lại, coi chừng cho người ta đặt em đang hoảng vào giường, trong cái màn dưỡng khí. Hãnh diện vì thành công, tôi trở về phòng riêng.

Bốn giờ sau, vào lúc hai giờ sáng, tôi chồm dậy. Có tiếng gõ cửa. Cô y tá mặt tái mét, hoảng hốt ấp úng bảo tôi:

- Thừa bác sĩ, mời bác sĩ tới ngay.

Cô có phen sự canh đũa nhỏ, ngủ thiếp đi trên đầu giường nó, lúc tỉnh dậy thì thấy cái ống đã bị tắt. Đáng lẽ theo lời tôi dặn, rút ống ra, hút hết màng nhót đi, công việc đó bất kỳ y tá nào cũng làm được, thì cô ta hoảng quá, quỳnh lên, bỏ chạy, lỗi đó không sao tha thứ được. Khi tôi vô tới phòng thì đũa nhỏ đã tắt thở, gắng cách gì cũng không làm cho hồi tỉnh lại được.

Tôi thấy thế là tôi một mạng người một cách lãng nhách, thật là một sự mất mát không sao đền bồi được. Nghĩ tới cái nổi mình thành công như vậy mà chỉ vì sự biếng nhác, ngu xuẩn của một nữ y tá hoảng hốt, hóa ra hỏng hết, tôi giận sôi lên. Nhất định rồi, tai nạn đó sẽ chấm dứt đời y tá của cô ta. Tôi quyết tâm gởi Sở y tế trong miền một bản báo cáo để đuổi cô ta và cấm cô hành nghề nữa.

Đêm đó tôi thảo ngay bản phán quyết của tôi, giọng nghiêm khắc, cay độc. Rồi tôi cho kêu cô vô, giọng run lên vì giận, đọc lớn tiếng cho cô nghe.

Cô lặng thinh nghe tôi, vẻ mặt thiếu nảo. Cô gốc gác ở xứ Galles, chưa đầy 20 tuổi, gầy yếu, lọt lạt, hơi vụng về, có nốt giật giật ở một bên má. Thiếu máu, thiếu ăn, cô vừa xấu hổ, vừa đau khổ, muốn té xỉu.

Cô không tìm cách gỡ tội, muốn gỡ tội, cô có thể viện lẽ rằng làm việc mệt quá. Sau cùng tôi bực mình, la lớn:

- Cô không nói gì cả sao?

Cô lắc đầu, vẻ khổ sở vô cùng. Rồi bỗng cô lí nhí trong miệng:

- Xin bác sĩ tha thứ cho tôi lần này.

Tôi sửng sốt. Ừ, tôi không hề có ý nghĩ đó. Tôi chỉ nghĩ đến việc trừng phạt cô thôi. Tôi trừng trừng ngó cô rồi xẵng giọng, đuổi cô ra, sau cùng tôi ký tên, niêm phong bản báo cáo.

Nhưng cả đêm đó tôi trần trọc một cách lạ thường. "Xin bác sĩ tha thứ cho tôi lần này". Có một tiếng vang gì vo vo hoài trong đầu tôi: một tiếng thì thầm rằng sự công bình của tôi - mọi sự công bình chứ - chỉ là do cái lòng muốn trả thù mà ra thôi. Và tôi phát cáu tự nhủ tôi hoài: "Đừng làm cái trò xuẩn đó!"

Sáng hôm sau tôi lại học tử, lấy bức thư ra xé bỏ. Nhiều năm trôi qua. Thiếu nữ lầm lỗi tai hại

đó đã thành y tá trưởng trong một viện nuôi trẻ em quan trọng nhất ở xứ Galles. Trong suốt đời y tá, bà ta đã tỏ ra là một mẫu mực chuyên cần, tận tâm. Đầu thế chiến tôi nhận được tấm hình chụp trong một cái hầm núp tránh bom, trên hình có một người đàn bà khoảng tứ tuần, bận đồng phục y tá trưởng, chung quanh có một bầy trẻ. Bà ta có vẻ mệt nhọc nhưng bọn trẻ đều ngó bà, âu yếm tin cậy bà lắm.

"Xin Chúa tha thứ những tội lỗi của chúng con và chúng con xin tha thứ những người đã có lỗi với chúng con."

Lời cầu nguyện đó rất khó theo. Nhưng người nào thực tâm ráng theo được, thì ngay ở cõi trần này, cũng đã được nhận phần thưởng rồi.

A.J.Cronin

NGƯỜI MÀ TÔI KHÔNG GIẾT

Sáng hôm đó trời lạnh 28 độ dưới số không. Đất đóng giá kêu boong boong như gạch lát trong giáo đường, còn cành cây sương đóng gầy rắng rắc như thủy tinh. Không khí lạnh buốt như cắt da.

Trên thế giới, có rất ít người quen với khí hậu đó. Chúng tôi là người Pháp đa số ở những miền ấm áp hơn, chứ không phải là người Gia Nã Đại, Na Uy, Phần Lan gần Bắc Cực, nên không chịu được cái lạnh ghê gớm như vậy.

Hồi đó là tháng hai năm 1940, trong miền núi Vosges, vào thời "chiến tranh kỳ cục", như người Pháp chúng tôi thường nói (...) Một ngày như hôm đó thì không có gì xảy ra một cách bình thường được, cho nên đã không có lệnh đi tuần để nhận định vị trí của địch thì chúng tôi cũng không sao quên được buổi ấy.

Vậy khoảng bảy giờ sáng tôi ra đi với một trung sĩ và ba người lính. Tôi làm đại úy và đã quen với công việc dò thám đó rồi. Nhưng lần này không phải như những lần khác. Công việc gì cũng hóa ra khó khăn. Làm quân nhân thì phải lắng tai nghe từng tiếng động nhỏ, nhưng trời lạnh 28 độ dưới số không, hé mở cái mũ trùm đầu để lộ một lỗ tai ra là một việc nguy hiểm.

Phải luân phiên, mở tai bên này và bịt tai bên kia thật mau cho tai nghe được mà không kịp đóng giá. Lại phải chùi khí giới cho không còn một vết dầu mỡ nào, mà phải đeo bao tay để làm công việc đó, nếu không thì đụng vào thép, tay sẽ buốt như rờ vào sắt nung đỏ.

Mới đầu chúng tôi tiến tới một căn nhà ở rừng, bỏ hoang ở bên một bờ suối giữa hai phòng tuyến. Phía Đức và phía chúng tôi đều không muốn chiếm hãn căn nhà đó. Nó cách xa những ngọn đồi mà quân hai bên đương đóng ở hai bên thung lũng. Nhưng ban đêm, bọn đi tuần bên chúng tôi thường đụng đầu với bọn đi tuần bên họ và bên nào tới trước, tất nhiên là có lợi thế. Chiếm được căn nhà đó là làm chủ được cả thung lũng, nhưng không bên nào giữ vị trí đó được lâu và không ai biết được lúc nào nó trống lúc nào nó có lính núp.

Muốn chắc chắn không bị phục kích, hôm đó chúng tôi bao vây căn nhà, rồi tinh thần căng thẳng, tay lăm lăm khẩu súng, chúng tôi xông vào nhưng phòng trống rỗng, và cười rộ, y như con nít, thấy mình hơi lỗ bịch, có quái gì đâu mà sợ. Tưởng là một bi kịch mà rốt cuộc thành một trò khôi hài.

Chú trung sĩ bảo:

- Trời hôm nay lạnh quá. Quý vị đó đâu có ra khỏi đồn... Họ không ngốc như chúng mình.

Một lát sau, chúng tôi trở ra tiếp tục đi tuần thành hai hàng, kẻ trước người sau. Ruộng, rừng, bờ suối, sườn đồi, chỗ nào cũng có vẻ hoang vắng hơn ngày thường. Không có một cánh chim trên trời, một bóng thú trong bụi. Cảnh hoang vu tĩnh mịch đó có cái gì đáng lo ngại.

Chúng tôi nằm xuống bò tới; tôi cảm thấy mặt đất ở dưới mình tôi, chỗ thì chỉ là đất, chỗ thì phủ thêm lớp bụi tuyết hoặc vài mảnh băng, cơ hồ như đất ở một thế giới khác. Bỗng tôi thấy người lính đương bò cách tôi vài thước ở bên phải, ngừng lại, đưa vài ngón tay lên làm dấu báo nguy. Chắc anh ta đã thấy một cái gì ở chỗ tôi không nhìn ra được. Tức thì tôi bò lại gần anh ta và cả năm chúng tôi đều ở trên một cái mô cao, nhìn xuống một thung lũng nhỏ.

Anh lính đó nói phào phào:

- Một tên Đức!

Khoảng sáu chục hay tám chục thước phía sau chúng tôi, ở dưới khe, có một cái hầm núp để rình, với một hàng bao đất chất thành hình bán nguyệt; trong hầm có một người quay lưng lại chúng tôi, dưới chiếc nón sắt, còn trùm thêm một cái mũ đen lớn che kín gáy và hai tai.

Các bạn tôi lặng lẽ chĩa mũi súng vào người rình đó. Tôi nhớ lúc đó đưa tay ra dấu bảo: "Để đó cho tôi" và tôi quay lại để bình tĩnh nhắm người lính lẻ loi đó, như nhắm bia ở sân tập bắn vậy. Các bạn tôi đợi tôi nổ súng. Tôi nhắm một mắt, chĩa súng nhắm giữa gáy người đó (mà tôi không thấy mặt) vào cái vết đen chiếc mũ trùm, phía dưới nón sắt. Nhưng đúng lúc tôi sắp bóp cò thì hần nhảy lên, lắc lư như một con gấu.

Tôi sửng sốt, mất đường nhắm rồi. Tôi mở cả hai mắt ra, cảm thấy rằng mấy giây trước, hình đó đối với tôi chỉ là cái đích để nhắm thì bây giờ là một người rồi, một người cũng như tôi, bị rét cắt da, một người chân nhức nhối, tay cồng, tai lạnh buốt, chỉ nghĩ cách chống với cái rét và quên cả chiến tranh.

Tôi không nhớ lúc đó tôi có nghĩ ngợi gì không.

Tôi không phải quyết định. Tôi không cân nhắc nên hay không nên. Nòng súng của tôi tự nhiên hạ xuống, và tôi không nhắm lại nữa. Tôi đưa tay ra dấu cho anh em rút về phía sau. Chúng tôi bò trong khe rồi đứng thẳng dậy, chạy lại núp trong căn nhà ở rừng. Chú trung sĩ bảo tôi:

- Đại úy hành động như vậy là phải. Hần lạnh quá... không được giết hần.

Mấy người lính đều cười, tỏ ý biểu đồng tình.

Chúng tôi đã làm xong nhiệm vụ, đã biết bọn dò thám của địch đóng theo tuyến nào rồi. Chúng tôi cũng biết điểm dựa của địch ở trên ngọn đồi nữa.

Chú trung sĩ bảo:

- Xong nhiệm vụ.

Một người lính đáp:

- Còn thằng tướng đó thì nó lạnh quá.

Cơ hồ cái lạnh hôm đó đã làm cho mất chiến tranh.

Tại sao việc xảy ra hôm đó tầm thường, trào lộng như vậy lại ghi sâu vào tâm khảm tôi hơn biết bao ngày khác có những biến cố bi đát trong thời nước tôi thua trận và bị chiếm đóng? Người lính do thám mà tôi không thể bắn đó, tôi không biết mặt, chỉ còn nhớ cái gáy xo ro trong cái mũ trùm dày, nhớ cái điểm đen đó mà tôi đã nhắm trong mấy giây.

Một buổi tối, giữa mùa đông 1943, dưới cơn gió bắc lạnh buốt, tôi đứng đợi một chuyến xe trên sân ga Montauban. Một đoàn toa chở hàng ngừng ở trước mặt chúng tôi. Đoàn đó chở một bọn bị lưu đày tới một thế giới khác, một thế giới khác mà lúc đó chúng tôi chưa biết, thế giới trại giam, thế giới đêm tối và sương mù. Trong khi đoàn xe ngừng, mấy người lính Đức đứng canh ở trước mỗi toa. Một cảm giác rùng rợn xâm chiếm tôi. Tôi không thể nhúc nhích được và thành lình, cách tôi khoảng năm chục thước ở bên phải, dưới cái nón sắt, sau lớp mũ trùm đen, tôi thấy cái gáy của một lính canh. Tôi có cảm tưởng rằng hẳn chính là người mà tôi không nỡ bắn. Chính hẳn. Tôi tin chắc rằng đã nhận ra được hẳn. Và tôi ân hận lần đó tôi đã nhắm hẳn rồi mà không cho hẳn một phát.

Trong mấy năm bị thảm đó, đã bao lần tôi ân hận, gần như điên lên, rằng sao đã để cho hẳn sống. Mười lần, hai mươi lần, trong cảnh nô lệ, nhìn cái gáy một người đội nón sắt, tôi đứng trân trân như bị thôi miên; chẳng cần nhìn mặt kẻ đó, tôi cũng nghĩ bụng: "chính hẳn đấy, và mình đã để cho hẳn sống..."

Nhưng thời gian trôi qua, và từ khi hòa bình trở lại, kẻ thù hôm trước đã thành người lân bang. Kẻ đó đối với tôi, không còn là một cái gì trừu tượng tàn khốc trong những năm chiến tranh nữa.

Tôi nhớ lần đầu tiên gặp các văn sĩ và nhà trí thức Đức trong một hội nghị quốc tế ở miền Foret-Noire. Buổi tối đó, trong một khu vườn, tôi bỗng nhận thấy một trong những vị đó, đứng cách tôi vài thước, phía bên phải, cổ quấn một chiếc khăn che mũi đen. Tôi dăm dăm nhìn gáy ông đó mà thấy một cảm giác như choáng váng. Đúng lúc đó một anh bạn lại nắm cánh tay tôi. Anh muốn cho tôi làm quen người đó. Lần đầu tiên tôi hơi nhìn thấy mặt ông ta. Nét mặt một học giả, hơi nghiêm, hơi buồn, nhưng bình tĩnh. Như đa số chúng tôi, ông ta có vẻ một người sống sót sau một tai ách ghê gớm. Ông ta cũng thích những cái tôi thích, cũng nghiên cứu môn của tôi, và chẳng bao lâu chúng tôi thành bạn bè với nhau.

Trong khi nói chuyện với ông, có cái gì thay đổi trong đáy lòng tôi, ngoài ý muốn của tôi. Nỗi ân hận đã để cho một quân thù sống sót, nỗi ân hận nó day dứt lòng tôi trong những năm quốc

gia lâm nguy và bị nô lệ, bây giờ biến thành một nỗi hoan hỉ và tôi bỗng cảm thấy mừng rỡ là đã tha chết cho người đó.

Tôi nghĩ bụng nếu trước kia tôi đã biết ông ta như lần này thì không thể nào tôi có thể bắn ông ta được. Thật là một sự ngẫu nhiên kỳ dị, một phép màu, mà hôm đó ông ta nhảy lên, giậm chân, gọi trong lòng tôi cái tình liên đới giữa loài người. Vì chịu chung cái lạnh ghê gớm mà trong lòng tôi nảy ra tình huynh đệ. Nhưng tình huynh đệ đó tầm thường quá so với tất cả những tình huynh đệ khác thực sự liên kết loại người với nhau. Trong chúng ta, ai là người còn có thể giết kẻ đồng loại được khi biết rõ kẻ đó, biết nhân tính, đời sống của kẻ đó? Người ta có thể hạ sát một tên lính địch, một con người máy không tên tuổi không mặt mũi, nhưng làm sao có thể giết một người thợ mộc, một người thợ tiện, một nông dân, một họa sĩ, một nhà ngôn ngữ học, một người có vợ có con, có cha có mẹ, một người có thể đói rét, sống trong cảnh rầu rĩ hoặc trong niềm hy vọng, một người như chúng ta.

Hình ảnh người lính do thám Đức mà tôi không nỡ bắn trong ngày mà thời tiết lạnh nhất đó đã làm cho tôi hiểu một cách sâu sắc hơn là dùng trí óc để suy tư, rằng nếu mỗi người trong chúng ta có thể giảng cho những người đồng loại cảm thấy được rõ mỗi đời người có sự trang nghiêm ra sao, mỗi con người chắc chắn có những nhu.nhuợc ra sao, giảng được như vậy thì sẽ không thể có chiến tranh nữa.

André Chamson

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :
<https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>